UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA'S VERSE OF EXHORTATION

Phổ Hiền Bồ Tát Cảnh Chúng Kệ

普賢菩薩警眾偈

THIS DAY IS ALREADY DONE. OUR LIVES ARE THAT MUCH LESS.

- Thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm.

▼是日已過◎,命亦隨減,

shì rì yǐ guò mìng yì suí jiǎn

WE'RE LIKE FISH IN A SHRINKING POND. WHAT JOY IS THERE IN THIS?

- Như thiểu thủy ngư, tư hữu hà lạc?

如少水魚,斯有何樂?

rú shǎo shuǐ yú sī yǒu hé lè

Leader says: **Duy Na xướng:** 维那師呼:

GREAT ASSEMBLY!

- Đại chúng!

大眾!

dà zhòng

WE SHOULD BE DILIGENT AND VIGOROUS, AS IF OUR OWN HEADS WERE AT STAKE.

- Đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên.

當勤精進,如救頭然,

dāng qín jīng jín rú jiù tóu rán

ONLY BE MINDFUL OF IMPERMANENCE AND BE CAREFUL NOT TO BE LAX.

- Đãn niệm vô thường, thận vật phóng dật.

但念無常, 慎勿放逸◎。

dàn niàn wú cháng shèn wù fàng yì

AMITABHA!

- A Di Đà Phật!

阿彌陀佛!

ē mí tuó fó!

BOWING TO THE PATRIARCHS
Lễ Tổ
禮祖 **lǐ zǔ**

Leader says: Duy Na xướng 维那師呼:

WE BOW TO THE GENERATIONS OF PATRIARCHS OF EAST AND WEST.

- Đảnh lễ Tây Thiên Đông Độ Lịch Đại Tổ Sư.

▼頂禮西天東土歷代祖師◎

dǐng lǐ xī tiān dōng dù lì dài zǔ shī

TO ALL THE GREAT GOOD KNOWING ONES THROUGHOUT THE WORLD WHO PROPAGATE THE SCHOOLS AND PROCLAIM THE TEACHINGS.

- Đảnh lễ Thiên hạ hoằng tông diễn giáo chư đại thiện tri thức.

頂禮天下宏宗演教諸大善知識

dǐng lǐ tiān xià hóng zōng yǎn jiào zhū dà shàn zhī shì

WE BOW TO THE FIRST PATRIARCH THE NOBLE YWAN, GREAT MASTER OF EASTERN GROVE MONASTERY AT LU MOUNTAIN.

- Đảnh lễ Sơ tổ Lô Sơn Đông Lâm, Viễn Công Đại Sư.

頂禮初祖盧山東林遠公大師

dǐng lǐ chū zǔ lú shān dōng lín yuǎn gōng dà shī

WE BOW TO THE SECOND PATRIARCH THE NOBLE DAU, GREAT MASTER OF RADIANT LIGHT MONASTERY AT CHANG AN.

- Đảnh lễ Nhị tổ Trường An Quang Minh, Đạo Công Đại Sư

頂禮二祖長安光明導公大師

dǐng lǐ èr zǔ cháng ān guāng míng dǎo gōng dà shī

WE BOW TO THE THIRD PATRIARCH THE NOBLE YWAN, GREAT MASTER OF PRAJNA BOAT MONASTERY AT NAN YWE.

- Đảnh lễ Tam tổ Nam Nhạc Bát Châu, Viễn Công Đại Sư.

頂禮三祖南嶽般舟遠公大師

dǐng lǐ sān zǔ nán yuè bō zhōu yuǎn gōng dà shī

WE BOW TO THE FOURTH PATRIARCH THE NOBLE JAU, GREAT MASTER OF BAMBOO GROVE MONASTERY AT WU TAI.

- Đảnh lễ Tứ tổ Ngũ Đài Trúc Lâm, Chiếu Công Đại Sư

頂禮四祖五臺竹林照公大師

dǐng lǐ sì zǔ wǔ tái zhú lín zhào gōng dà shī

WE BOW TO THE FIFTH PATRIARCH THE NOBLE KANG, GREAT MASTER OF BLACK DRAGON MONASTERY AT SYIN DING.

- Đảnh lễ Ngũ tổ Tân Định Ô Long, Khang Công Đại Sư.

頂禮五祖新定烏龍康公大師

dǐng lǐ wǔ zǔ xīn dìng wū lóng kāng gōng dà shī

WE BOW TO THE SIXTH PATRIARCH THE NOBLE SHOU, GREAT MASTER OF ETERNAL BRILLIANCE MONASTERY AT HANG JOU.

- Đảnh lễ Lục tổ Hàng Châu Vĩnh Minh, Thọ Công Đại Sư.

頂 禮 六 祖 杭 州 永 明 壽 公 大 師

dǐng lǐ liù zǔ háng zhōu yǒng míng shòu gōng dà shī

WE BOW TO THE SEVENTH PATRIARCH THE NOBLE CHANG, GREAT MASTER OF BRIGHT JOY MONASTERY AT HANG JOU.

- Đảnh lễ Thất tổ Hàng Châu Chiếu Khánh, Thường Công Đại Sư.

頂 禮 七 祖 杭 州 昭 慶 常 公 大 師

dǐng lǐ qī zǔ háng zhōu zhāo qìng cháng gōng dà shī

WE BOW TO THE EIGTH PATRIARCH THE NOBLE HUNG, GREAT MASTER OF CLOUD PERCH MONASTERY AT HANG JOU.

- Đảnh lễ Bát tổ Hàng Châu Vân Thê, Hoằng Công Đại Sư.

頂 禮 八 祖 杭 州 雲 棲 宏 公 大 師

dǐng lǐ bā zǔ háng zhōu yún qī hóng gōng dà shī

WE BOW TO THE NINTH PATRIARCH THE NOBLE SYU, GREAT MASTER OF SPIRIT PEAK MONASTERY AT BEI TYAN MU.

- Đảnh lễ Cửu tổ Bắc Thiên Mục Linh Phong, Húc Công Đại Sư.

頂 禮 九 祖 北 天 目 靈 峯 旭 公 大 師

dǐng lǐ jiǔ zǔ běi tiān mù líng fēng xù gōng dà shī

WE BOW TO THE TENTH PATRIARCH THE NOBLE TSE, GREAT MASTER OF UNIVERSAL BENEVOLENCE MONASTERY AT YU MOUNTAIN.

- Đảnh lễ Thập tổ Ngu Sơn Phổ Nhân, Sách Công Đại Sư.

頂 禮 十 祖 虞 山 普 仁 策 公 大 師

dǐng lǐ shí zǔ yú shān pǔ rén cè gōng dà shī

WE BOW TO THE ELEVENTH PATRIARCH THE NOBLE SYAN, GREAT MASTER OF BRAHMA HEAVEN MONASTERY AT HANG JOU.

- Đảnh lễ Thập Nhất tổ Hàng Châu Phạm Thiên, Hiền Công Đại Sư.

頂 禮 十 一 祖 杭 州 梵 天 賢 公 大 師

dǐng lǐ shí yī zǔ háng zhōu fàn tiān xián gōng dà shī

WE BOW TO THE TWELETH PATRIARCH THE NOBLE SYING, GREAT MASTER OF ENDOWED-WITH-BLESSING MONASTERY AT HUNG LWO.

- Đảnh lễ Thập Nhị tổ Hồng Loa Tư Phúc, Tỉnh Công Đại Sư.

頂 禮 十 二 祖 紅 螺 資 福 醒 公 大 師

dǐng lǐ shí èr zǔ hóng luó zī fú xǐng gōng dà shī

WE BOW TO THE THIRTEENTH PATRIARCH THE NOBLE YIN, GREAT MASTER OF HOLY MEASURE TEMPLE AT SPIRIT CAVE MOUNTAIN AT SU JOU.

- Đảnh lễ Thập Tam tổ Tô Châu Linh Nham Thánh Lương, Ấn Công Đại Sư.

頂 禮 十 三 祖 蘇 州 靈 巖 聖 量 印 公 大 師

dǐng lǐ shí sān zǔ sū zhōu líng yán shèng liàng yìn gōng dà shī

WE BOW TO THE FOURTEENTH PATRIARCH THE NOBLE YUN, GREAT MASTER OF TRUE SUCHNESS MONASTERY AT JYANG SYI.

- Đảnh lễ Thập Tứ tổ Giang Tây Chân Như, Vân Công Đại Sư.

頂禮十四祖江西真如雲公大師

dǐng lǐ shí sì zǔ jiāng xī zhēn rú yún gōng dà shī

WE BOW TO THE PAST AND PRESENT MASTERS OF THE LOTUS SOCIETY.

- Đảnh lễ Cổ Kim Liên Xã Tông Sư.

頂禮古今連社宗師

dǐng lǐ gǔ jīn lián shè zōng shī

WE BOW TO THE VENERABLE ONE, THE REVEREND HSUAN, THE NOBLE HUA, LORD HIGH MASTER OF THE CITY OF TEN THOUSAND BUDDHAS

- Đảnh lễ Vạn Phật Đường Thượng, Thượng Tuyên Hạ Hóa Lão Hòa Thượng.

頂禮萬佛堂上，上宣下化，老和尚◎ (三拜)

dǐng lǐ wàn fó táng shàng shàng Hsuān xià Huà lǎo hé shàng

WE BOW TO THE HOST DHARMA MASTER OF THIS SEVEN DAY SESSION.

- Đảnh lễ Chủ Thất Hoà Thượng.

頂禮主七和尚◎

dǐng lǐ zhǔ qī hé shàng.

VERSE FOR TRANSFERING THE MERIT FROM TAKING REFUGE

Hồi Hướng Công Đức Quy Y

皈依功德回向

guī yī gōng dé huí xiàng

I DEDICATE THE MERIT AND VIRTUE FROM THE PROFOUND ACT OF TAKING REFUGE.

- Quy y công đức thù thắng hạnh

▼皈依功德殊勝行◎

guī yī gōng dé shū shèng hèng

WITH ALL ITS SUPERIOR, LIMITLESS BLESSING,

- Vô biên thắng phước giai hồi hướng

無邊勝福皆回向

wú biān shèng fú jiē huí xiàng

WITH THE UNIVERSAL VOW THAT ALL BEINGS SUNK IN DEFILEMENT,

- Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh

普願沉溺諸衆生

pǔ yuàn chén nì zhū zhòng shēng

WILL QUICKLY GO TO THE LAND OF THE BUDDHA OF LIMITLESS LIGHT (AMITABHA)

- tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

速往無量光佛刹

sù wǎng wú liàng guāng fó chà

ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME.

- Thập phương tam thế nhất thiết Phật

▼十方三世一切佛◎

shí fāng sān shì yí qiè fó

ALL BODHISATTVAS, MAHASATTVAS.

- Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát

一切菩薩摩訶薩,

yí qié pú sà mó hē sà

MAHA PRAJNA PARAMITA!

- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật!

◎摩訶般若波◎羅蜜◎。

mó hē bō rě bō luó mì

UNIVERSAL BOWING
Bái Nguyện
拜願 **bài yuàn**

INSTRUCTIONS FOR CONDUCTING THE UNIVERSAL BOWING CEREMONY

Bái Nguyện Nghi Thức
拜願儀規 **bài yuàn yí guī**

Refer to the ceremonies for the Holy Days (pp.164-184)to find the names to be recited. The assembly is divided into two equal groups: "side one" (of the hall) and "side two".The very first recitation of the entire ceremony is sung by both sides together. After that very first recitation, "side one" bows and contemplates while "side two" recites. Then "side two" bows and contemplates while "side one" recites and so on. Throughout the rest of the ceremony, the only notes sung by both sides together is on the syllable "fP" (or "sD"), until the very last recitation of the final name when the entire assembly stands and sings together.

The wei nwo leads the two sides in bowing, using the yin ching (hand bell) to signal when one side rises (on the next to last syllable of each recitation) and the other side bows down (on the final syllable of each by sounding the da ching (large bell) on the word "fP" or "sD" of "side one's" third (or twelth, or ninth) recitation. Following the sound of the large bell, "side two" recites the names for the final time.

The drum and bell accompaniment has several variations for the different names being recited. Each variation has two versions: the version marked ("A") is played while "side one" recites; the version marked "(B)" is played while "side two" recites.

.HƯỚNG DẪN BÁI NGUYỆN

Theo như mục lục (trang 164-184)vào những ngày khánh đản của Phật, Bồ Tát mà lễ bái theo danh hiệu Phật, Bồ Tát đó. Đại chúng chia làm hai bên:"bên trái" và "bên phải" của chánh điện.

Sau khi niệm danh hiệu Phật đầu tiên, chúng "bên trái" lạy xuống và quán tưởng, trong lúc chúng "bên phải" lập lại danh hiệu Phật đó.

Tiếp theo chúng "bên phải" lạy xuống và quán tưởng thì chúng "bên trái" đứng lên niệm danh hiệu Phật lần thứ hai. Như thế hai bên luân phiên nhau niệm hay lạy xuống và quán tưởng.

釋迦牟尼十二拜, 如時間不許, 六拜, 三拜均可, 餘皆三拜. 小木魚子每兩拍敲一次. 0表鼓, 一表鐘. 所有普佛拜願板眼皆同此.

I. Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (ná mó běn shī shì jiā móu ní fó)

II. 2. Nam mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật (ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó)

3. Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (ná mó wén shū shī lì pú sà)

4.Nam mô Nhựt Quang Biến Chiếu Bồ Tát (ná mó rì guāng biàn zhào pú sà)

5. Nam mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát (ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà)

6. Nam mô Thập Phương Bồ Tát Ma Ha Tát (ná mó shí fāng pú sà mó hē sà)

7.Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (ná mó qīng jìng dà hǎi zhòng pú sà)

8. Nam mô Thượng Hạ Lão Hòa Thượng (ná mó shàng xià lǎo hé shàng)

III. 9. Nam mô A Di Đà Phật (ná mó ē mí tuó fó)

10.Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát (ná mó pǔ xián pú sà)

11. Nam mô Di Lặc Bồ Tát (ná mó mí lè pú sà)

IV. 12.Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (ná mó guān shì yīn pú sà)

13.Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (ná mó dà shì zhì pú sà)

14.Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (ná mó dì zàng wáng pú sà)

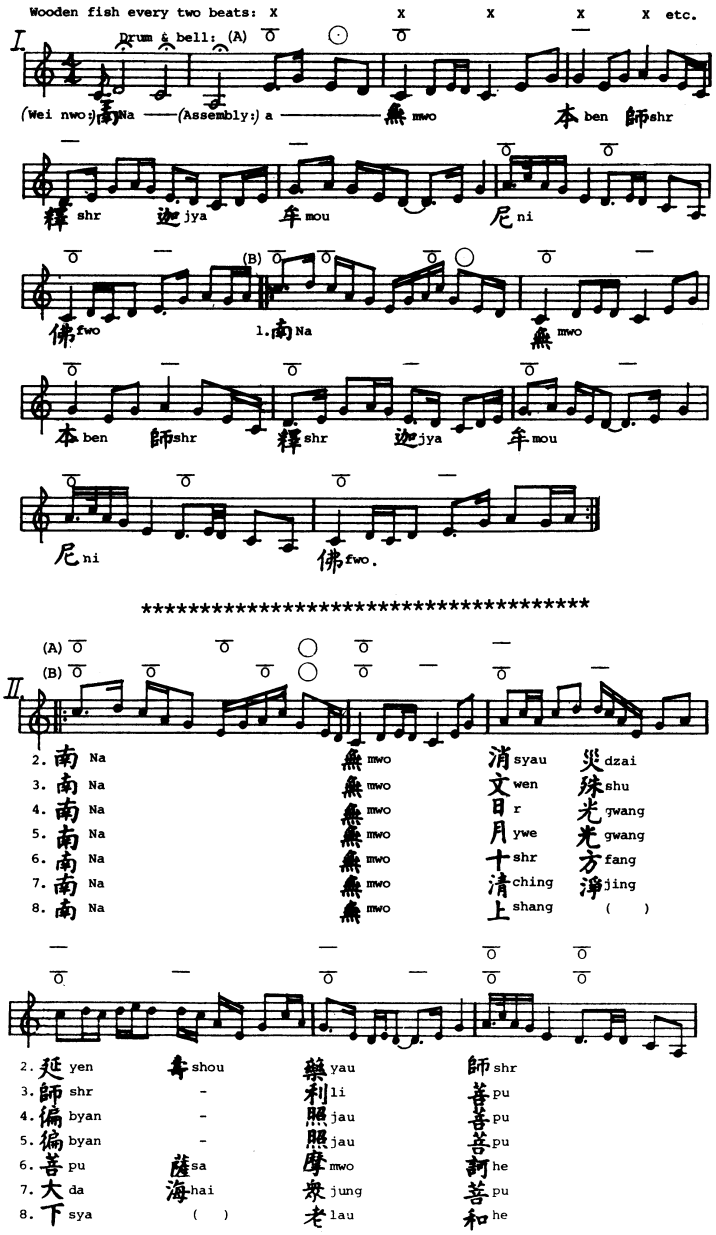

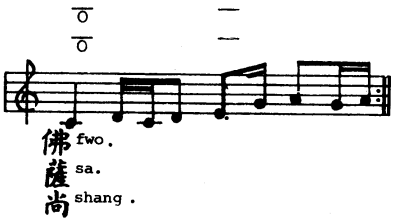
佛 fwo.
薩 sa.
尚 shang.

****

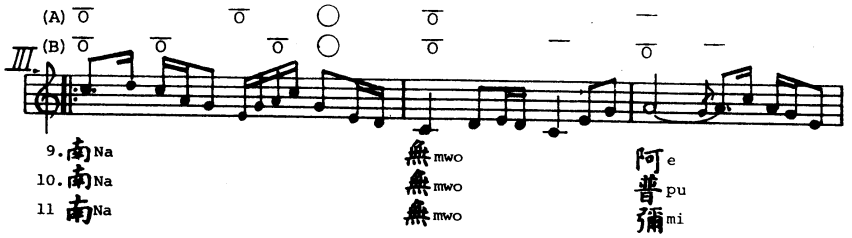
(A)
(B)
III.
9. 南 Na
10. 南 Na
11 南 Na
無 mwo
無 mwo
無 mwo
阿 e
普 pu
彌 mi

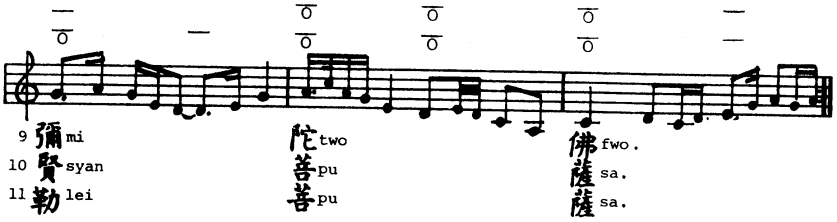
9 彌 mi
10 賢 syan
11 勒 lei
陀 two
菩 pu
菩 pu
佛 fwo.
薩 sa.
薩 sa.

****

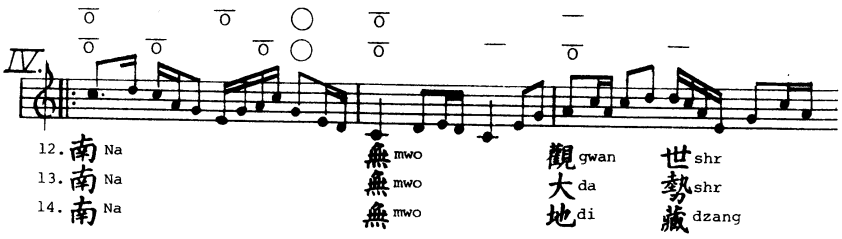
IV.
12. 南 Na
13. 南 Na
14. 南 Na
無 mwo
無 mwo
無 mwo
觀 gwan
大 da
地 di
世 shr
勢 shr
藏 dzang

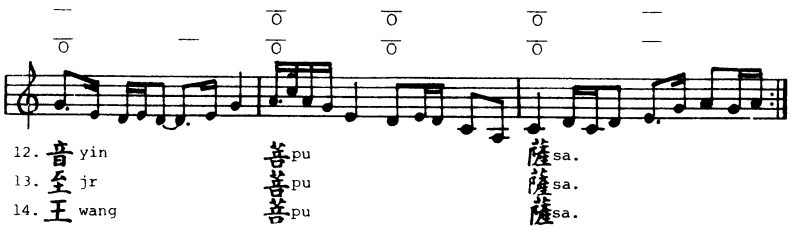
12. 音 yin
13. 至 jr
14. 王 wang
菩 pu
菩 pu
菩 pu
薩 sa.
薩 sa.
薩 sa.

CEREMONY FOR SHAKYAMUNI BUDDHA'S BIRTHDAY

Nghi Thức Lễ Phật Thích Ca Đản Sanh

釋迦文佛聖誕祝儀 **shì jiā wén fó shèng dàn zhù yí**

(四月 八日;十 二月 八 日. Mồng 8 tháng 4 & mồng 8 tháng 12)

1. JEWELED CENSER PRAISE (see page 1)

Bảo Đảnh Tán (xem trang số 1)

寶鼎讚 **bǎo dǐng zàn** (見 第 1 頁)

2. NAMO SHURANGAMA ASSEMBLY OF BUDDHAS AND BODHISATTVAS

- Nam mô Lăng Nghiêm Hội Thượng Phật Bồ Tát. (3 lần)

南 無 楞◎嚴 會 上 佛 菩 薩◎(三稱)

ná mó lèng yán huì shàng fó pú sà *(3x)*

3. SHURANGAMA MANTRA *(see page 3)*

Lăng Nghiêm Chú (xem trang số 3)

楞 嚴 咒 **lèng yán zhòu** (一偏;見 3 頁)

4. THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA *(see page 44)*

- Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (xem trang số 44)

般 若 波 羅 蜜 多 心 經 (見 第 44 頁)

bō rě bō luó mì duō xīn jīng

5. MAHA PRAJNA PARAMITA

- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa ◎

摩 訶 般 若 波 羅 蜜 多 (三稱)

mó hē bō ◎rě bō luó mì duō

6. PRAISE OF BUDDHA JEWEL

Phật Bảo Tán

佛 寶 讚 **fó bǎo zàn**

IN THE HEAVEN ABOVE, IN ALL THAT IS BELOW, NOTHING COMPARES WITH THE BUDDHA

- Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,

◤天 上 天 下 無 如 佛◎

tiān shàng tiān xià wú rú fó.

THROUGHOUT THE WORLDS OF THE TEN DIRECTIONS HE IS MATCHLESS

- Thập phương thế giới diệc vô tỷ

十 方 世 界 亦 無 比

shí fāng shì jiè yì wú bǐ

OF ALL I HAVE SEEN IN THE WORLD.

- Thế gian sở hữu ngã tận kiến.

世 間 所 有 我 盡 見
shì jiān suǒ yǒu wǒ jìn jiàn

THERE IS NOTHING AT ALL THAT IS LIKE THE BUDHA.

- Nhất thiết vô hữu như Phật giả.

一 切 無 有 如 佛 者
yí qiè wú yǒu rú fó zhě

HOMAGE TO THE GUIDING MASTER OF THE THREE REALMS OF THE SAHA WORLD,

- Nam mô Ta Bà Thế Giới, Tam Giới Đạo Sư

南 無 娑 婆 世 界◎, 三 界 導 師,
ná mó suō pó shì jiè sān jiè dǎo shī

COMPASSIONATE FATHER OF THE FOUR KINDS OF BEINGS, TEACHER OF PEOPLE AND GODS,

- Tứ sanh từ phụ, nhân thiên giáo chủ.

四 生 慈 父, 人 天 教 主
sì shēng cí fù rén tiān jiào zhǔ

WHOSE TRANSFORMATION BODIES ARE OF THREE KINDS; OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA.

- Tam loại hóa thân Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

三 類 化 身, 本 師 釋 迦 牟 尼 佛◎.
sǎn lèi huà shēn běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO FUNDAMENTAL TEACHER SKAKYAMUNI BUDDHA *(Recite while circumambulating)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (niệm và nhiễu Phật)

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛
ná mó běn shī shì jiā móu ní fó (繞 念)

6. UNIVERSAL BOWING Bái Nguyện (拜 願)

(Recite the names below; for music, see pg 162)
(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參 考 音 普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA *(bow 12 times)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (12 lạy)

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛
ná mó běn shī shì jiā móu ní fó (十二拜)

HOMAGE TO MANJUSHRI BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. (3 lạy)

南 無 文 殊 師 利 菩 薩 (三拜)
ná mó wén shū shī lì pú sà

HOMAGE TO UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát. (3 lạy)

南 無 普 賢 菩 薩 (三拜)
ná mó pǔ xián pú sà

HOMAGE TO MAITREYA BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Di Lặc Bồ Tát. (3 lạy)

南無彌勒菩薩 (三拜)

ná mó mí lè pú sà

HOMAGE TO THE BODHISATTVAS MAHASATTVAS OF THE TEN DIRECTIONS *(bow 3x)*

- Nam mô Thập Phương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南無十方菩薩摩訶薩 (三拜)

ná mó shí fāng pú sà mó hē sà

8. THE THREE REFUGES *(see page 50)*
Tam Quy Y (xem trang số 50)
三皈依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

PRAISE FOR BATHING THE BUDDHA

Kệ Tán Dục (Tắm) Phật

浴佛讚偈 **yù fó zàn jì**

I NOW BATHE ALL THUS COME ONES

- Ngã kim quán dục chư Như Lai

我今灌浴諸如來

wǒ jīn guàn yù zhū rú lái

WHO ARE ADORNED WITH PURE WISDOM, WHO HAVE AMASSED MERIT AND VIRTUE.

- Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ

淨智莊嚴功德聚

jìng zhì zhuāng yán gōng dé jù

MAY LIVING BEINGS OF THE FIVE TURBID REALMS BE LED FROM FILTH,

- Ngũ trược chúng sanh linh ly cấu

五濁衆生令離垢

wǔ zhuó zhòng shēng lìng lí gòu

AND TOGETHER REALIZE THE PURE DHARMA BODY OF THE THUS COME ONE. (3X)

- Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân (3 lần)

同證如來淨法身 (三徧)

tóng zhèng rú lái jìng fǎ shēn

TRUE WORDS FOR BATHING THE BUDDHA

Mộc Dục Chân Ngôn

沐浴真言 **mù yù zhēn yán**

- Án để sa để sa tăng già sa ha (niệm liên tục)

唵底沙底沙僧伽娑訶 (持續誦念)

nan di sha di sha seng qie suo he *(repeat continuously)*

VERSE FOR TRANSFERING THE MERIT FROM BATHING THE BUDDHA

Dục Phật Công Đức Hồi Hướng

浴佛功 德回向

yù fó gōng dé huí xiàng

I DEDICATE THE MERIT AND VIRTUE OF THE PROFOUND ACT OF BATHING THE BUDDHA

- Dục Phật công đức thù thắng hạnh

浴佛功德殊勝行◎

yù fó gōng dé shū shèng hèng

WITH ALL ITS SUPERIOR LIMITLESS BLESSINGS,

- Vô biên thắng phước giai hồi hướng

無邊勝福皆回向

wú biān shèng fú jiē huí xiàng

WITH THE UNVERSAL VOW THAT ALL BEINGS SUNK IN DEFILEMENT

- Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh

普願沉溺諸衆生

pǔ yuàn chén nì zhū zhòng shēng

WILL QUICKLY GO TO THE LAND OF THE BUDDHA OF LIMITLESS LIGHT (AMITABHA)

- Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát

速往無量 光佛刹

sù wǎng wú liàng guāng fó chà

ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME

- Thập phương tam thế nhất thiết Phật

十方三世一切佛◎

shí fāng sān shì yí qiè fó

ALL BODHISATTVAS, MAHASATTVAS

- Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát

一切菩薩摩訶薩

yí qiè pú sà mó hē sà

MAHA PRAJNA PARAMITA!

- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật!

◎摩訶般若波◎羅蜜.

mó hē bō rě bō luó mì

CEREMONY FOR MEDICINE MASTER BUDDHA'S BIRTHDAY

Nghi Thức Lễ: Phật Dược Sư Đản Sanh

藥 師 佛 聖 誕 祝 儀 **yào shī fó shèng dàn zhù yí**

(九月 三十日; Ngày 30 tháng 9)

1. JEWELED CENSER PRAISE (see page 1) Bảo Đảnh Tán (xem trang số 1)
寶鼎讚 **bǎo dǐng zàn** (見 第 1 頁)

2. RECITE EIGHTY EIGHT BUDDHAS REPENTANCE *(see page 108)*
Sám Hối Tám Mươi Tám Vị Phật (xem trang số 108)
禮 佛 大 懺 悔 文 **lǐ fó dà chàn huǐ wén** (見 第 108 頁)

3. PRAISE TO MEDICINE MASTER BUDDHA *(see page 47)*
Tán Dược Sư (xem trang số 47)
藥 師 讚 **yzào shī zàn** (見 第 47 頁)

4. NA MO DWELLING DISASTERS LENGTHNING LIFE MEDICINE MASTER BUDDHA
(recite while circumambulating)

- Nam mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật (nhiễu Phật và niệm)

南 無 消 災 延 壽 藥 師 佛
ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó 繞 念

5. UNIVERSAL BOWING Bái Nguyện (拜 願)
(Recite the names below; for music, see pg 162)
(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參 考 音 普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA *(bow3 x)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lạy)

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛 (三拜)
ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO DWELLING DISASTERS LENGTHNING LIFE MEDICINE MASTER BUDDHA
(bow 12 times)

- Nam mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật (12 lạy)

南 無 消 災 延 壽 藥 師 佛 (十二拜)
ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó

NA MO UNIVERSAL SHINING SUNLIGHT BODHISATTVA *(bow 3 x)*

- Nam mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát (3 lạy)

南 無 日 光 遍 照 菩 薩 (三拜)
ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

NA MO UNIVERSAL SHINING MOONLIGHT BODHISATVA *(bow 3 x)*

- Nam mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát (3 lạy)

南 無 月 光 遍 照 菩 薩 (三拜)
ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

NA MO MEDICINE MASTER'S GREAT ASSEMBLY OF BUDDHAS AND BODHISATTVAS VAST AS THE SEA *(bow 3 x)*

- Nam mô Dược Sư Hải Hội Phật Bồ Tát (3 lạy)
  南無藥師海會佛菩薩 (三拜)
  ná mó yào shī hǎi huì fó pú sà

6. **THE THREE REFUGES** *(see page 50)*
   Tam Quy Y (xem trang số 50)
   三皈依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

CEREMONY FOR AMITABHA BUDDHA'S BIRTHDAY
Nghi Thức Lễ: Phật A Di Đà Đản Sanh
阿彌陀佛聖誕祝儀 **ē mí tuó fó shèng dàn zhù yí**

(十一月十七日; Ngày 17 tháng 11 âm lịch)

1. **JEWELED CENSER PRAISE** (see page 1)
   Bảo Đảnh Tán (xem trang số 1)
   寶鼎讚 **bǎo dǐng zàn** (見第 1 頁)

2. **NA MO HOMAGE TO THE LOTUS POOL ASSEMBLY OF BUDDHA AND BODHISATTVA AS VAST AS THE SEA.** (*3 times*)
- Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát (3 lần)
  南無連池海會佛菩薩 (三稱)
  ná mó lián chí hǎi huì fó pú sà

THE BUDDHA SPEAKS OF AMITABHA SUTRA *(see page 87)*
Phật Thuyết A Di Đà Kinh (xem trang số 87)
佛說阿彌陀經 (見第 87 頁)
fó shuō ē mí tuó jīng

SPIRIT MANTRA FOR REBIRTH IN THE PURE LAND *(see page 105)*
Vãng Sanh Chú (xem trang số 105)
往生咒 **wǎng shēng zhòu** (見第 105 頁)

3. **PRAISE TO AMITA BUDDHA** *(see page 143)*
   Di Đà Tán (xem trang số 143)
   彌陀讚 **mí tuó zàn** (見第 143 頁)

4. **CIRCUMAMBULATION (NA MO E MI TO FO)**
- Nam mô A Di Đà Phật (nhiễu Phật và niệm)
  南無阿彌陀佛 (持名繞念)
  ná mó ē mí tuó fó

5. **UNIVERSAL BOWING** **Bái Nguyện** (拜願)
   (Recite the names below; for music, see page 162)
   (Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) / (參考音普見 162 頁)

   HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA (3x)
- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛 (三拜)
ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO AMITABHA BUDDHA

- Nam mô A Di Đà Phật (12 lạy)

南 無 阿 彌 陀 佛 (十二拜)
ná mó ē mí tuó fó

NA MO BODHISATTVA WHO OBSERVES THE WORLD'S SOUNDS. *(bow 3 times)*

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lạy)

南 無 觀 世 音 菩 薩 (三拜)
ná mó guān shì yīn pú sà

NA MO GREAT STRENGTH BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lạy)

南 無 大 勢 至 菩 薩 (三拜)
ná mó dà shì zhì pú sà

NA MO GREAT PURE SEA OF BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (3 lạy)

南 無 清 淨 大 海 衆 菩 薩 (三拜)
ná mó qīng jìng dà hǎi zhòng pú sà

6. THE THREE REFUGES *(see page 50)*
Tam Quy Y (xem trang số 50)
三 皈 依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

CEREMONY FOR MAITREYA BUDDHA'S BIRTHDAY
Nghi Thức Lễ: Phật Di Lặc Đản Sanh
彌 勒 佛 聖 誕 祝 儀 **mī lè fó shèng dàn zhù yí**

(正月初一日; Mồng 1 tháng giêng)

1. JEWELED CENSER PRAISE *(see page 1)* **Bảo Đảnh Tán** (xem trang 1)
寶 鼎 讚 **bǎo dǐng zàn** (見 1 頁)

2. RECITATION (same as Shakyamuni Buddha's birthday; see page 165)
Niệm Tụng (giống lễ Phật Thích Ca Đản Sanh, xem trang 165)
念誦: **niàn sòng** (與 釋 迦 佛 誕, 見 第 165 頁)

3. PRAISE **Di Lặc Tán**
彌 勒 讚 **mí lè zàn**

IN THE PAST HE WAS THE IMMORTAL WISDOM LIGHT.

- Quá khứ tằng tố trí quang tiên.

過 去 曾 做 智 光 仙◎
guò qù céng zuò zhì guāng xiān

HIS SAMADHI OF GREAT KINDNESS IS WONDERFUL BEYOND EXPRESSION.

- Đại từ tam muội diệu nan tuyên.

大 慈 三 昧 妙 難 宣

dà cí sān mèi miào nán xuān

BORN IN THE SOUTH, IN A COUNTRY OF ADORNMENT CALLED SEA SHORE,

- Trang nghiêm Nam Hữu Hải Ngạn Quốc.

莊 嚴 南 有 海 岸 國

zhuāng yán nán yǒu hǎi àn guó

HE ASCEND TO THE TUSHITA HEAVEN, AND BUDDHA IN HIS NEXT LIFE HE'LL BE.

- Bổ xứ Thượng Sanh Đâu Suất Thiên.

補 處 上 生 兜 率 天

bǔ chù shàng shēng dōu shuài tiān

WITH PERFECTED MIND AND CONSCIOUSNESS WHOSE BRIGHTNESS SPANS THE REALMS OF THE TEN DIRECTIONS.

- Tâm thức viên minh thập phương giới.

心 識 圓 明 十 方 界

xīn shì yuán míng shí fāng jiè

THE MERIT AND VIRTUE CULTIVATED IN HIS NATURE HE SIMULTANEOUSLY FULFILLED.

- Tánh tu công đức nhất thời viên.

性 修 功 德 一 時 圓◎

xìng xiū gōng dé yì shí yuán

MANY ARE THOSE OBTAIN REBIRTH IN THE INNER COURTYARD,

- Kỷ đa nội viện vãng sanh bối.

幾 多 内 院 往 生 輩

jǐ duō nèi yuàn wǎng shēng bèi

AS THEY ASSEMBLE AT THE DRAGON-FLOWER ASSEMBLY AND FIRST RECEIVE A PREDICTION.

- Hội khải Long Hoa thọ ký tiên

會 啓 龍 華 授 記 先

huì qǐ lóng huá shòu jì xiān

HOMAGE TO MAITREYA HONORED BUDDHA WHO DWELLS IN THE INNER COURTYARD OF THE TUSHITA HEAVEN, WHO WITH TEN THOUSAND VIRTUES REPLETE, WAITS TO BECOME BUDDHA IN HIS NEXT LIFE.

- Nam mô Đâu Suất Nội Viện, vạn đức chu viên. Vị cư bổ xứ Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

南 無 兜 率 内 院, 萬 得 周 圓, 位 居 補 處 當 來 下 生 彌 勒 尊 佛.

ná mó dōu shuài nèi yuàn wàn dé zhōu yuán wèi jū bǔ chù dāng lái xià shēng mí lè zūn fó

4. NA MO THE HONORED BUDDHA MAITREYA, SOON TO BE BORN IN THE WORLD.

(recite while circumambulating)

- Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật (nhiễu niệm)

南無當來下生彌勒尊佛 (绕念)

ná mó dāng lái xià shēng mí lè zūn fó

5. UNIVERSAL BOWING Bái Nguyện (拜願)

(Recite the names below; for music, see pg 162)

(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參考音普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA (bow 3 times)

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

南無本師釋迦牟尼佛 (三拜)

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO THE HONORED BUDDHA MAITREYA, SOON TO BE BORN IN THE WORLD.

(bow 12 times)

- Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật (12 lạy)

南無當來下生彌勒尊佛 (十二拜)

ná mó dāng lái xià shēng mí lè zūn fó

HOMAGE TO MANJUSHRI BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (3 lạy)

南無文殊失利菩薩 (三拜)

ná mó wén shū shī lì pú sà

HOMAGE TO UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát (3 lạy)

南無普賢菩薩 (三拜)

ná mó pǔ xián pú sà

HOMAGE TO THE BODHISATTVAS MAHASATTVAS OF THE TEN DIRECTIONS. *(bow 3 times)*

- Nam mô Thập Phương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南無十方菩薩摩訶薩 (三拜)

ná mó shí fāng pú sà mó hē sà

6. THE THREE REFUGES *(see page 50)*

Tam Quy Y (xem trang số 50)

三皈依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

CEREMONY FOR GWAN YIN BODHISATTVA'S BIRTHDAY

Nghi Thức Lễ: Bồ Tát Quán Thế Âm Đản Sanh

觀世音菩薩聖誕祝儀 **guān shì yīn pú sà shèng dàn zhù yí**

二月十九日,六月十九日,九月十九日; Ngày 19 tháng 2, tháng 6 và tháng 9 âm lịch)

1. JEWELED CENSER PRAISE *(see page 1)* **Bảo Đảnh Tán** (xem trang 1)

寶鼎讚 **bǎo dǐng zàn** (見 1 頁)

2. NAMO GUAN SHI YIN BODHISATTVA OF GREAT COMPASSION.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

南無大悲觀世音菩薩 (三稱)

ná mó dà bēi guān shì yīn pú sà

GREAT COMPASSION MANTRA *(see page 32)*

Chú Đại Bi 大悲咒 **dà bēi zhòu** (七徧, 見 32 頁)

3. PRAISE

Quán Âm Tán 觀音讚 **guān yīn zàn**

BODHISATTVA GWAN SHR YIN IS WONDERFUL PAST GRATITUDE.

- Quán Âm Bồ Tát diệu nan thù.

觀音菩薩妙難酬◎,

guān yīn pú sà miào nán chóu

PURE AND CLEAR ARE HER ADORNMENTS, GAINED THROUGH PRACTICE AGES LONG.

- Thanh tịnh trang nghiêm lũy kiếp tu.

清淨莊嚴累劫修,

qīng jìng zhuāng yán lěi jié xiū

SEA-VAST A RED LOTUS FLOWER FRAGRANT RESTS BENEATH HER FOOT

- Hạo hạo hồng liên an túc hạ.

浩浩紅蓮安足下,

hào hào hóng lián ān zú xià

BAY-CURVE OF AN AUTUMN MOON IS IN THE CRESCENT OF HER BROWS

- Loan loan thu nguyệt tỏa mi đầu

灣灣秋月鎖眉頭,

wān wān qiū yuè suǒ méi tóu

EVERYWHERE AND CONSTANTLY, SWEET DEW SPRINKLES FROM HER VASE

- Bình trung cam lồ thường biến sái

瓶中甘露常徧洒,

píng zhōng gān lù cháng biàn sǎ

IN HER HAND, THE WILLOW BRANCH, THROUGH THE COUNTLESS AUTUMNS.

- Thủ nội dương chi bất kế thu.

手內楊枝不計秋◎,

shǒu nèi yáng zhī bú jì qiū

PRAYERS DEPART A THOUSAND HEARTS, IN A THOUSAND HEARTS SHE ANSWERS,

- Thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng.

千處祈求千處應,

qiān chù chí qiú qiān chù yìng

SAILING THE SEA OF SUFFERING, CROSSING PEOPLE OVER.

- Khổ hải thường tác độ nhân chu.

苦海 常作度人舟,

kǔ hǎi cháng zuò dù rén zhōu

NA MO GREATLY KIND AND COMPASSIONATE BODHISATTVA OF THE CRYSTAL LAND, WHO DWELLS ON POTOLA MOUNTAIN AND OBSERVES THE SOUNDS OF THE WORLD *.(3 x)*

- Nam mô Phổ Đà Sơn Lưu Ly Thế Giới, Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

南無普陀山琉璃世界◎,大慈大悲觀世音菩薩◎(三稱)

ná mó pǔ tuó shān líu lí shì jiè dà cí dà bēi guān shì yīn pú sà

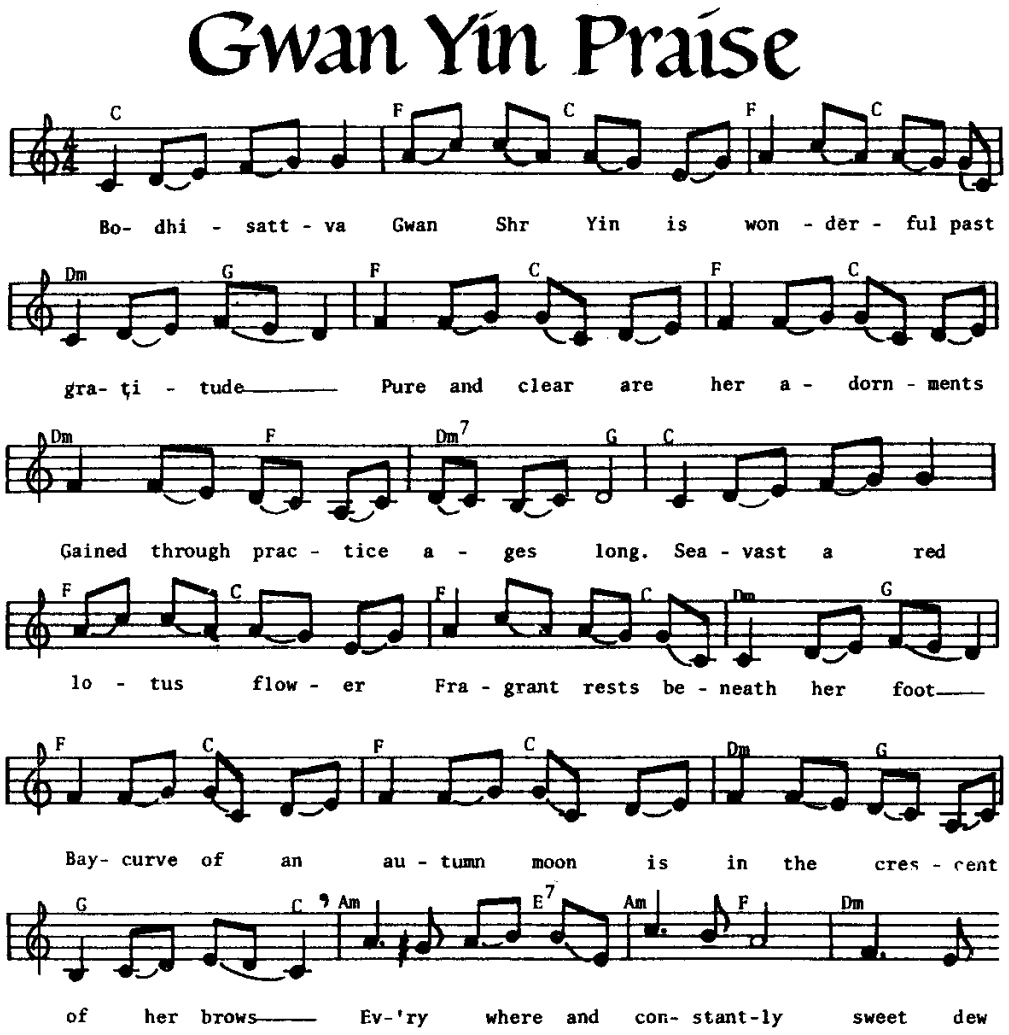

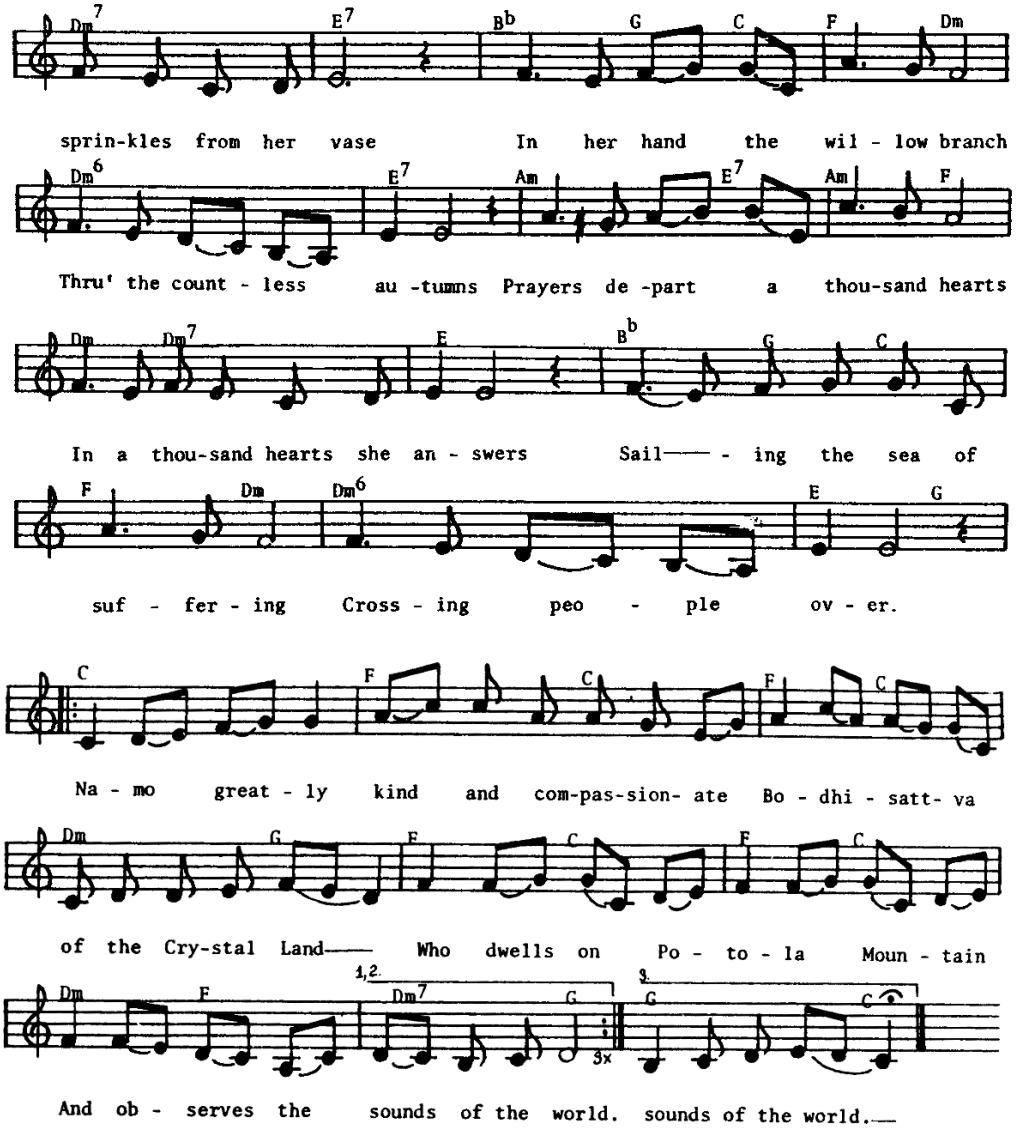

4. NA MO GUAN SHI YIN PU SA *(recite and circumambulate)*

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (nhiễu Phật và niệm)

  南無觀世音菩薩 (绕念)

  ná mó guān shì yīn pú sà

5. UNIVERSAL BOWING Bái Nguyện (拜願)

(Recite the names below; for music, see pg 162)

(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參考音普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA *(bow 3 times)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

  南無本師釋迦牟尼佛 (三拜)

  ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO AMITABHA BUDDHA *(bow 3 times)*

- Nam mô A Di Đà Phật (3 lạy)

南無阿彌陀佛 (三拜)

ná mó ē mí tuó fó

NA MO BODHISATTVA WHO OBSERVES THE WORLD'S SOUNDS. *(bow 12 times)*

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (12 lạy)

南無觀世音菩薩 (十二拜)

ná mó guān shì yīn pú sà

NA MO GREAT STRENGTH BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (3 lạy)

南無大勢至菩薩 (三拜)

ná mó dà shì zhì pú sà

NA MO GREAT PURE SEA OF BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (3 lạy)

南無清淨大海衆菩薩 (三拜)

ná mó qīng jìng dà hǎi zhòng pú sà

6. **THE THREE REFUGES** *(see page 50)*

Tam Quy Y (xem trang số 50)

三皈依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

CEREMONY FOR UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA'S BIRTHDAY

Nghi Thức Lễ: Bồ Tát Phổ Hiền Đản Sanh

普賢菩薩聖誕祝儀

pǔ xián pú sà shèng dàn zhù yí

(二月二十一日; Ngày 21 tháng 2 âm lịch)

1. **JEWELED CENSER PRAISE** (see page 1)

Bảo Đảnh Tán (xem trang số 1)

寶鼎讚 **bǎo dǐng zàn** (見第 1 頁)

2. **RECITE EIGHTY EIGHT BUDDHAS REPENTANCE** *(see page 108)*

Sám Hối Tám Mươi Tám Vị Phật (xem trang số 108)

禮佛大懺悔文 (見第 108 頁)

lǐ fó dà chàn huǐ wén

3. **PRAISE** Phổ Hiền Tán

(普賢讚) **pǔ xián zàn**

THE BODHISATTVA OF GREAT CONDUCT IS CALLED UNIVERSAL WORTHY,

- Đại Hạnh Bồ Tát xưng Phổ Hiền.

大行菩薩稱普賢◎

dà héng pú sà chēng pǔ xián

THE SEA OF HIS VOW POWER IS MULTI-LAYERED WITHOUT BOUNDS.

- Trùng trùng nguyện hải hạo vô biên.

重 重 願 海 浩 無 邊
chóng chóng yuàn hǎi hào wú biān

WITH DIGNITY HE REPOSES UPON A SIX-TUSKED ELEPHANT;

- Đoan nghiêm thị tọa lục nha tượng

端 嚴 示 坐 六 牙 象
duān yán shì zuò liù yá xiàng

BY WISDOM HE IS BORN, TRANSFORMATIONALLY FROM A LOTUS OF THE SEVEN GEMS.

- Trí huệ hóa sanh thất bảo liên.

智 慧 化 生 七 寶 蓮
zhì huì huà shēng qī bǎo lián

IN ALL SAMADHIS HE ATTAINS SOVEREIGNTY,

- Nhất thiết tam muội giai tự tại.

一 切 三 昧 皆 自 在
yí qiè sān mèi jiē zì zài

HIS ORIGINALLY WONDERFUL VIRTUE IS PERVASIVE AND PERFECTED.

- Bổn lai diệu đức tận châu viên.

本 來 妙 德 盡 周 圓
běn lái miào dé jìn zhōu yuán

PRAISES OF HIS JEWELED AWESOMENESS ARRIVES TO TEACH THE SAHA WORLD;

- Bảo uy lai tán Ta bà hóa.

寶 威 來 贊 娑 婆 化
bǎo wēi lái zàn suō pó huà

HIS EFFICACIOUS RESPONSE AND SPIRITUAL POWERS SHAKE THE GREAT-THOUSAND REALM.

- Linh cảm thần thông chấn đại thiên.

靈 感 神 通 震 大 千
líng gǎn shén tōng zhèn dà qiān

HOMAGE TO UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA OF GREAT CONDUCT, WHO DWELLS IN THE SILVER WORLD OF E MEI MOUNTAIN.

- Nam mô Nga Mi Sơn, ngân sắc thế giới, Đại Hạnh Phổ Hiền Vương Bồ Tát.

南 無 峨 嵋 山 銀 色 世 界◎, 大 行 普 賢 王 菩 薩
ná mó é méi shān yín sè shì jiè dà hèng pǔ xián wáng pú sà

4. NA MO UNIVERSAL WORTHY KING BODHISATTVA *(recite and circumambulate)*

- Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát (nhiễu Phật và niệm)

南 無 普 賢 王 菩 薩 (绕念)
ná mó pǔ xián wáng pú sà

5. UNIVERSAL BOWING Bái Nguyện (拜 願)

(Recite the names below; for music, see pg 162)
(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參考音普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA *(bow 3 times)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

南無本師釋迦牟尼佛 (三拜)
ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

HOMAGE TO MANJUSHRI BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (3 lạy)

南無文殊失利菩薩 (三拜)
ná mó wén shū shī lì pú sà

HOMAGE TO UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA *(bow 12 times)*

- Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát (12 lạy)

南無普賢菩薩(十二拜)
ná mó pǔ xián pú sà

HOMAGE TO MAITREYA BODHISATTVA. *(bow 3 times)*

- Nam mô Di Lặc Bồ Tát (3 lạy)

南無彌勒菩薩 (三拜)
ná mó mí lè pú sà

HOMAGE TO THE BODHISATTVAS MAHASATTVAS OF THE TEN DIRECTIONS. *(bow 3 times)*

- Nam mô Thập Phương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南無十方菩薩摩訶薩(三拜)
ná mó shí fāng pú sà mó hē sà

6. THE THREE REFUGES *(see page 50)*
Tam Quy Y (xem trang số 50)
三皈依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

CEREMONY FOR MANJUSHRI BODHISATTVA'S BIRTHDAY

Nghi Thức Lễ: Bồ Tát Văn Thù Đản Sanh

文殊菩薩聖誕祝儀
wén shū pú sà shèng dàn zhù yí

1. JEWELED CENSER PRAISE (see page 1)
Bảo Đảnh Tán (xem trang số 1)
寶鼎讚 **bǎo dǐng zàn** (見第 1 頁)

2. RECITE EIGHTY EIGHT BUDDHAS REPENTANCE *(see page 108)*
Sám Hối Tám Mươi Tám Vị Phật (xem trang số 108)
禮佛大懺悔文 (見第 108 頁)
lǐ fó dà chàn huǐ wén

3. PRAISE Văn Thù Tán
文殊讚 **wén shū zàn**

"WONDERFUL AUSPICIOUS" IS REPLETE WITH GREAT KINDNESS.

- Cụ đại từ tâm diệu cát tường.

具 大 慈 心 妙 吉 祥◎

jù dà cí xīn miào jí xiáng

MOTHER OF ENLIGHTENED ONES THROUGHOUT THE THREE PERIODS OF TIME, HIS WISDOM IS BEYOND MEASURE.

- Tam thế giác mẫu trí nan lường

三 世 覺 母 智 難 量

sān shì jué mǔ zhì nán liáng

HIS LEFT HAND BRANDISHES A SHARP SWORD THAT SEVERS ALL AFFLICTIONS;

- Tả trì lợi kiếm phiền não đoạn

左 持 利 劍 煩 惱 斷

zuǒ chí lì jiàn fán nǎo duàn

AND HIS RIGHT HAND HOLDS THE BLUE LOTUS WHICH REFLECTS THE MARK OF HIS VIRTUE.

- Hữu chấp thanh liên đức tướng chương.

右 執 青 蓮 德 相 彰

yòu zhí qīng lián dé xiàng zhāng

A PEACOCK AND LION-SPIRIT ACT AS HIS CARRIAGE,

- Khổng Tước thần sư cúng thừa ngự

孔 雀 神 獅 供 乘 馭

kǒng què shén shī gōng chèng yù

POISONOUS DRAGONS AND FIERCE BEASTS ARE SUBDUED AND BECOME PURE AND COOL.

- Độc Long mãnh thú phục thanh lương.

毒 龍 猛 獸 伏 清 涼◎

dú lóng měng shòu fú qīng liáng

THE PURE YOUTH WITH THE FIVE TOPKNOTS- -THIS IS A PROVISIONAL MANIFESTATION.

- Đồng hình ngũ kế tri quyền hiện.

童 形 五 髻 知 權 現

tóng xíng wǔ jì zhī quán xiàn

ORIGINALLY, HE IS THE HAPPY TREASURY OF THE THUS COME ONE.

- Bổn thị Như Lai hoan hỉ tạng.

本 是 如 來 歡 喜 藏

běn shì rú lái huān xǐ zàng

HOMAGE TO MANJUSHRI BODHISATTVA OF GREAT WISDOM, WHO DWELLS IN THE GOLDEN WORLD OF PURE COOL MOUNTAIN.

- Nam mô Thanh Lương Sơn, Kim Sắc Thế Giới, Đại □Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

南 無 清 涼 山 金 色 世 界◎, 大 智 文 殊 師 利 菩 薩◎.

ná mó qīng liáng shān jīn sè shì jiè dà zhì wén shū shī lì pú sà

4. HOMAGE TO WONDERFUL AUSPICIOUS BODHISATTVA *(recite and circumambulate)*

- Nam mô Diệu Cát Tường Bồ Tát (nhiễu Phật và niệm)

南 無 妙 吉 祥 菩 薩(绕 念)

ná mó miào jí xiáng pú sà

5. UNIVERSAL BOWING Bái Nguyện (**拜 願**)

(Recite the names below; for music, see pg 162)

(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參 考 音 普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA *(bow 3 times)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛 (三拜)

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

HOMAGE TO MANJUSHRI BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (3 lạy)

南 無 文 殊 失 利 菩 薩 (三拜)

ná mó wén shū shī lì pú sà

HOMAGE TO UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA *(bow 12 times)*

- Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát (12 lạy)

南 無 普 賢 菩 薩 (十二拜)

ná mó pǔ xián pú sà

HOMAGE TO MAITREYA BODHISATTVA. (bow 3 times)

- Nam mô Di Lặc Bồ Tát (3 lạy)

南 無 彌 勒 菩 薩(三拜)

ná mó mí lè pú sà

HOMAGE TO THE BODHISATTVAS MAHASATTVAS OF THE TEN DIRECTIONS. *(bow 3 times)*

- Nam mô Thập Phương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南 無 十 方 菩 薩 摩 訶 薩 (三拜)

ná mó shí fāng pú sà mó hē sà

6. THE THREE REFUGES *(see page 50)*

Tam Quy Y (xem trang số 50)

三 皈 依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

CEREMONY FOR GREAT STRENGTH BODHISATTVA'S BIRTHDAY

Nghi Thức Lễ: Bồ Tát Đại Thế Chí Đản Sanh

大 勢 至 菩 薩 聖 誕 祝 儀

dà shì zhì pú sà shèng dàn zhù yí

(七月十三日; Ngày 13 tháng7)

1. JEWELED CENSER PRAISE (see page 1)

Bảo Đảnh Tán (xem trang số 1)

寶 鼎 讚 **bǎo dǐng zàn** (見 第 1 頁)

2. **RECITE AMITABHA SUTRA** *(see page 87)*

Niệm Tụng: Di Đà Kinh (xem trang 87)

念誦: 彌 陀 經 **niàn sòng:** (見 第 87 頁)

SPIRIT MANTRA FOR REBIRTH IN THE PURE LAND *(3 times; see page 105)*

Vãng Sanh Chú (3 lần; xem trang 105)

往 生咒 **wǎng shēng zhòu** (三徧 , 見 第 105 頁)

3. **PRAISE** **Thế Chí Tán**

勢 至 讚 **shì zhì zàn**

HIS WISDOM LIGHT UNIVERSALLY ILLUMINATES, LUCID AND JADE-LIKE.

- Huệ quang phổ chiếu hà linh lung

◤慧 光 普 照 何 玲 瓏◎

huì guāng pǔ zhào hé líng lóng

THE THREE DESTINIES GET OUT OF SUFFERING AS HE CROSSES OVER SENTIENT BEINGS.

- Tam đồ thoát khổ độ hàm linh

三 塗 脫 苦 度 含 靈

sān tú tuō kǔ dù hán líng

THE LIGHT FROM FIVE HUNDRED FLORAL PLATFORMS INTERREFLECT,

- Hoa đài ngũ bách giao huy ánh.

華 臺 五 百 交 輝 映

huā tái wǔ bǎi jiāo huī yìng

AS HE MANIFESTS A BODY THROUGHOUT BUDDHA KSHETRAS OF THE TEN DIRECTIONS.

- Phật sát thập phương tận hiện hình.

佛 刹 十 方 盡 現 形

fó chà shí fāng jìn xiàn xíng

WALKING OR SITTING, HE QUAKES THE GREAT-THOUSAND COSMOS;

- Hành tọa chấn diêu đại thiên giới.

行 坐 震 搖 大 千 界

xíng zuò zhèn yào dà qiān jiè

ATOP HIS ADORNED SUMMIT, STANDS THE FLASK OF JEWELLED LIGHT.

- Trang nghiêm đảnh trĩ bảo quang bình

莊 嚴 頂 峙 寶 光 瓶◎

zhuāng yán dǐng zhì bǎo guāng píng

HOW DID HE CERTIFY TO SUCH PERFECT PENETRATION AND SELF-MASTERY?

- Viên thông tự tại do hà chứng?

圓 通 自 在 由 何 證

yuán tōng zì zài yóu hé zhèng

PURE MINDFULNESS, CONSTANTLY AWARE- - THE UNSURPASSED VEHICLE!

- Tịnh niệm thường tỉnh tối thượng thừa.

淨 念 常 惺 最 上 乘
jìng niàn cháng xīng zuì shàng chèng

HOMAGE TO GREAT STRENGTH BODHISATTVA OF BOUNDLESS BODIES OF BLAZING LIGHT, WHO DWELLS IN THE WESTERN WORLD OF ULTIMATE BLISS.

- Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Vô Biên Quang Xí Thân Đại Thế Chí Bồ Tát.

南無西方極樂世界◎,無邊光熾身大勢至菩薩◎.
ná mó xī fāng jí lè shì jiè wú biān guāng chì shēn dà shì zhì pú sà

4. HOMAGE TO GREAT STRENGTH BODHISATTVA *(recite while circumambulating)*

- Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (nhiễu Phật và niệm)

南無大勢至菩薩 (绕念)
ná mó dà shì zhì pú sà

5. UNIVERSAL BOWING Bái Nguyện (拜願)

(Recite the names below; for music, see pg 162)
(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參考音普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA *(bow 3 times)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

南無本師釋迦牟尼佛 (三拜)
ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO AMITABHA BUDDHA *(bow 3 times)*

- Nam mô A Di Đà Phật (3 lạy)

南無阿彌陀佛 (三拜)
ná mó ē mí tuó fó

NA MO BODHISATTVA WHO OBSERVES THE WORLD'S SOUNDS. *(bow 3 times)*

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lạy)

南無觀世音菩薩 (三拜)
ná mó guān shì yīn pú sà

NA MO GREAT STRENGTH BODHISATTVA *(bow 12 times)*

- Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (12 lạy)

南無大勢至菩薩 (十二拜)
ná mó dà shì zhì pú sà

NA MO GREAT PURE SEA OF BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (3 lạy)

南無清淨大海衆菩薩 (三拜)
ná mó qīng jìng dà hǎi zhòng pú sà

6. THE THREE REFUGES *(see page 50)*

Tam Quy Y (xem trang số 50)
三皈依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

EARTH STORE BODHISATTVA PRAISE

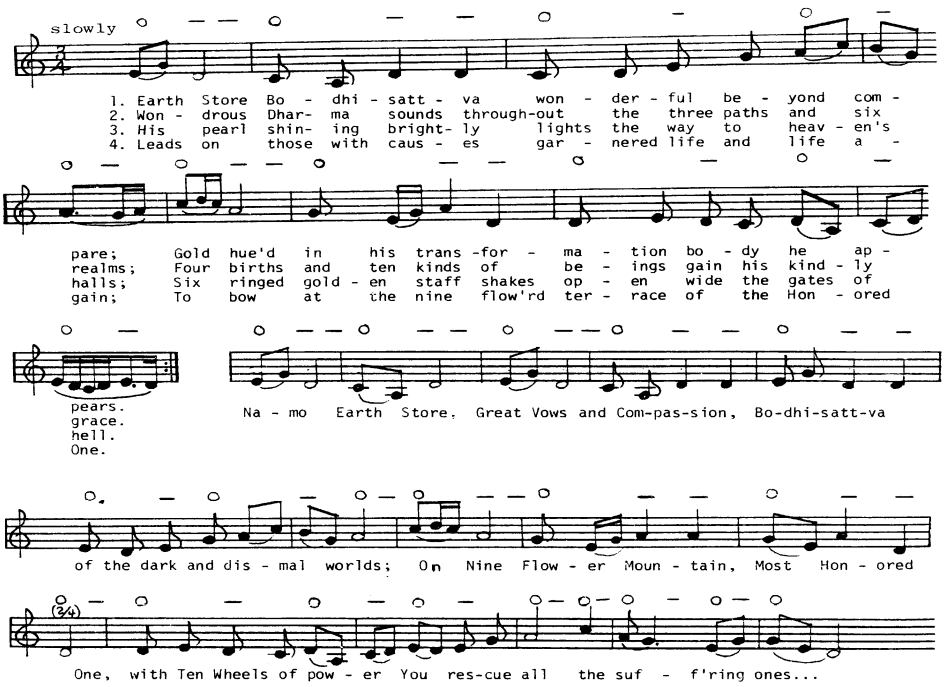

CEREMONY FOR EARTH STORE BODHISATTVA'S BIRTHDAY

Nghi Thức Lễ: Bồ Tát Địa Tạng Đản Sanh

地藏菩薩聖誕祝儀

dì zàng pú sà shèng dàn zhù yí

(七月三十日; Ngày 30 tháng7)

1. JEWELED CENSER PRAISE (see page 1)

Bảo Đảnh Tán (xem trang số 1)

寶鼎讚 **bǎo dǐng zàn** (見第 1 頁)

2. RECITE EIGHTY EIGHT BUDDHAS REPENTANCE *(see page 108)*

Sám Hối Tám Mươi Tám Vị Phật (xem trang số 108)

禮佛大懺悔文 (見第 108 頁)

lǐ fó dà chàn huǐ wén

3. PRAISE Địa Tạng Tán

地藏讚 **dì zàng zàn**

EARTH STORE BODHISATTVA WONDERFUL BEYOND COMPARE;

▸ Địa Tạng Bồ Tát diệu nan luân.

地藏菩薩妙難倫◎

dì zàng pú sà miào nán lún

GOLDHUED IN HIS TRANSFORMATION BODY OF APPEARS.

- Hóa hiện kim dung xứ xứ phân.

化 現 金 容 處 處 分

huà xiàn jīn róng chù chù fēn

WONDROUS DHARMA SOUNDS THROUGHOUT THE THREE PATHS AND SIX REALMS.

- Tam đồ lục đạo văn diệu pháp.

三 途 六 道 聞 妙 法

sān tú liù dào wén miào fǎ

THOSE OF THE FOUR KINDS OF BIRTH AND TEN KINDS OF BEINGS GAIN HIS KINDLY GRACE.

- Tứ sanh thập loại mông từ ân.

四 生 十 類 蒙 慈 恩

sì shēng shí lèi méng cí ēn

HIS PEARL SHINING BRIGHTLY LIGHTS THE WAY TO HEAVEN'S HALLS.

- Minh châu chiếu triệt thiên đường lộ.

明 珠 照 徹 天 堂 路

míng zhū zhào chè tiān táng lù

SIX-RINGED GOLDEN STAFF SHAKES OPEN WIDE THE GATES OF HELL.

- Kim tích chấn khai địa ngục môn.

金 錫 振 開 地 獄 門◎

jīn xí zhèn kāi dì yù mén

LEADS ON THOSE WITH CAUSES GARNERED LIFE AND LIFE AGAIN;

- Lũy thế thân nhân mông tiếp dẫn.

累 世 親 因 蒙 接 引

lěi shì qīn yīn méng jiē yǐn

TO BOW AT THE NINE-FLOWERED TERRACE OF THE HONORED ONE.

- Cửu liên đài bán lễ Từ Tôn.

九 蓮 臺 畔 禮 慈 尊

jiǔ lián tái pàn lǐ cí zūn

NA MO EARTH STORE BODHISATTVA OF GREAT VOWS AND COMPASSION, OF THE DARK AND DISMAL WORLDS; ON NINE FLOWER MOUNTAIN, MOST HONORED ONE, WITH TEN WHEELS OF POWER YOU RESCUE ALL THE SUFFERING ONES.

- Nam mô Cửu Hoa Sơn, U Minh Thế Giới, Đại Từ Đại Bi Thập Luân Bạt Khổ, Bổn Tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát.

南 無 九 華 山 幽 冥 世 界◎,大 慈 大 悲 十 輪 拔 苦,本 尊

ná mó jiǔ huá shān yōu míng shì jiè dà cí dà bēi shí lún bá kǔ běn zūn

地 藏 王 菩 薩

dì zàng wáng pú sà

4. HOMAGE TO EARTH STORE BODHISATTVA *(recite while circumambulating)*

- Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (nhiễu Phật và niệm)

南無地藏王菩薩 (绕念)

ná mó dì zàng wáng pú sà

5. UNIVERSAL BOWING **Bái Nguyện** (拜願)

(Recite the names below; for music, see pg 162)

(Niệm các danh hiệu dưới đây, xem nhạc trang số 162) (參考音普見 162 頁)

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA *(bow 3 times)*

- Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật . (3 lạy)

南無本師釋迦牟尼佛 (三拜)

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

HOMAGE TO MANJUSHRI BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (3 lạy)

南無文殊失利菩薩 (三拜)

ná mó wén shū shī lì pú sà

HOMAGE TO UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA *(bow 3 times)*

- Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát (3 lạy)

南無普賢菩薩 (三拜)

ná mó pǔ xián pú sà

HOMAGE TO THE BODHISATTVA WHO OBSERVES THE WORLD'S SOUNDS. *(bow 3 times)*

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lạy)

南無觀世音菩薩 (三拜)

ná mó guān shì yīn pú sà

HOMAGE TO EARTH STORE BODHISATTVA *(bow 12 times)*

- Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (12 lạy)

南無地藏王菩薩(十二拜)

ná mó dì zàng wáng pú sà

HOMAGE TO THE BUDDHAS AND BODHISATTVAS OF THE TUSHITA ASSEMBLY. *(bow3 times)*

- Nam mô Đao Lợi Hội Thượng Phật Bồ Tát (3 lạy)

南無忉利會上佛菩薩(三拜)

ná mó dāo lì huì shàng fó pú sà

6. THE THREE REFUGES *(see page 50)*

Tam Quy Y (xem trang số 50)

三皈依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

THE BUDDHA SPEAKS THE ULLAMBANA SUTRA

Phật Thuyết Vu Lan Bồn Kinh

佛說盂蘭盆經

fó shuō yú lán pén jīng

NA MO HOMAGE TO THE ULLAMBANA ASSEMBLY OF BUDDHAS AND BODHISATTVAS

(recite 3 times)

- Nam mô Vu Lan Bồn Hội Phật Bồ Tát (3 lần)

南無盂蘭盆會佛菩薩 (三稱)

ná mó yú lán pén huì fó pú sà

THUS I HAVE HEARD, AT ONE TIME, THE BUDDHA DWELT AT SHRAVASTI IN THE GARDEN OF THE BENEFACTOR OF ORPHANS AND THE SOLITARY.

- Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc Viên.

如是我聞,一時佛在舍衛國.祇樹給孤獨園.

rú shì wǒ wén yí shì fó zài shè wèi guó qí shù jǐ gū dú yuán

MAHAMAUDGALYAYANA HAD JUST OBTAINED THE SIX PENETRATIONS AND WISHED TO CROSS OVER HIS FATHER AND MOTHER TO REPAY THEIR KINDNESS FOR RAISING HIM.

- Đại Mục Kiền Liên thỉ đắc lục thông, dục độ phụ mẫu, báo nhũ bộ chi ân;

大目乾連,始得六通,欲度父母,報乳哺之恩.

dà mù jián lián shǐ dé liù tōng yù dù fù mǔ bào rǔ bǔ zhī ēn

THUS, USING HIS WAY EYE, HE REGARDED THE WORLD AND SAW THAT HIS DECEASED MOTHER HAD BEEN BORN AMONG THE HUNGRY GHOSTS,

- Tức dĩ đạo nhãn, quán thị thế gian, kiến kỳ vong mẫu sanh ngạ quỉ trung,

即以道眼觀視世間,見其亡母生餓鬼中

jí yǐ dào yǎn guān shì shì jiān jiàn qí wáng mǔ shēng è guǐ zhōng

HAVING NEITHER FOOD NOR DRINK, SHE WAS BUT SKIN AND BONES.

- Bất kiến ẩm thực, bì cốt liên lập.

不見飲食,皮骨連立.

bú jiàn yǐn shí pì gǔ lián lì

MAHAMAUGALAYAYANA FELT DEEP PITY AND SADNESS, FILLED A BOWL WITH FOOD AND WENT TO PROVIDE FOR HIS MOTHER. SHE GOT THE BOWL, SCREENED IT WITH HER LEFT HAND, AND WITH HER RIGHT HAND MADE A FIST OF FOOD. BUT, BEFORE IT ENTERED HER MOUTH, IT TURNED INTO BURNING COALS WHICH COULD NOT BE EATEN.

- Mục Liên bi ai, tức bát thạnh phạn, vãng hướng kỳ mẫu. Mẫu đắc bát phạn, tiện dĩ tả thủ chướng phạn, hữu thủ đoàn phạn. Thực vị nhập khẩu, hóa thành hỏa thán, toại bất đắc thực.

目連悲哀,即鉢盛飯,往餉其母.母得鉢飯,便以左

mù lián bēi āi jí bō chéng fàn wǎng xiǎng qí mǔ mǔ dé bō fàn biàn yǐ zuǒ

手障飯,右手摶飯,食未入口, 化成火炭,遂不得食.
shǒu zhàng fàn yòu shǒu tuán fàn shí wèi rù kǒu huà chéng huǒ tàn suì bù dé shí

MAHAMAUDGALYAYANA CALLED OUT AND WEPT SORROWFULLY, AND HASTENED TO RETURN TO THE BUDDHA TO SET FORTH ALL OF THIS.

- Mục Liên đại khiếu bi hiếu thế khấp, trì hoàn bạch Phật, cụ trần như thử.

目連大叫,悲號啼泣.馳還白佛,具陳如此.
mù lián dà jiào bēi hào tí qì chí huán bái fó jù chén rú cǐ

THE BUDDHA SAID, " YOUR MOTHER'S OFFENSES ARE DEEP AND FIRMLY ROOTED. YOU ALONE DO NOT HAVE ENOUGH POWER. ALTHOUGH YOUR FILIAL SOUNDS MOVE HEAVEN AND EARTH, THE HEAVEN SPIRITS, THE EARTH SPIRITS, TWISTED DEMONS, AND THOSE OUTSIDE THE WAY, BRAHMANS, AND THE FOUR HEAVENLY KING GODS, ARE ALSO WITHOUT SUFFICIENT STRENGTH.

- Phật ngôn: " Nhữ mẫu tội căn thâm kết, phi nhữ nhất nhân lực sở nại hà! Nhữ tuy hiếu thuận, thanh động thiên địa, thiên thần, địa thần, tà ma, ngoại đạo, đạo sĩ, tứ thiên vương thần, diệc bất năng nại hà!

佛言,汝母罪根深結,非汝一人力所奈何.汝雖孝順,
fó yán rǔ mǔ zuì gēn shēn jié fēi rǔ yì rén lì suǒ nài hé rǔ suī xiào shìn
聲動天地,天神.地神.邪魔外道,道士,四天王神, 亦
shēng dòng tiān dì tiān shén dī shén xié mó wài dào dào shì sì tiān wáng shén yì
不能奈何
bù něng nài hé

THE AWESOME SPIRITUAL POWER OF THE ASSEMBLED SANGAHA OF THE TEN DIRECTIONS IS NECESSARY FOR LIBERATION TO BE ATTAINED.

- Đương tu thập phương chúng Tăng oai thần chi lực, nãi đắc giải thoát.

當須十方衆僧威神之力,乃得解脫.
dāng xū shí fāng zhòng sēng wēi shén zhī lì nǎi dé jiě tuō

I SHALL NOW SPEAK A DHARMA OF RESCUE WHICH CAUSES ALL THOSE IN DIFFICULTY TO LEAVE WORRY AND SUFFERING, AND TO ERADICATE OBSTACLES FROM OFFENSES.

- Ngô kim đương vi nhữ thuyết cứu tế chi pháp, linh nhất thiết nạn, giai ly ưu khổ, tội chướng tiêu trừ.

吾今當為汝說救濟之法,令一切難皆離憂苦,罪
wú jīn dāng wèi rǔ shuō jiù jì zhī fǎ ling yí qiè nàn jiē lí yōu kǔ zuì
障消除
zhàng xiāo chú.

THE BUDDHA TOLD MAUDGALYAYANA: "THE FIFTEENTH DAY OF THE SEVENTH MONTH IS THE PRAVARANA DAY FOR THE ASSEMBLED SANGHA OF THE TEN DIRECTIONS.

- Phật cáo Mục Liên : Thập phương chúng Tăng ư thất nguyệt thập ngũ nhật, Tăng tự tứ thời.

佛告目連:十方 衆 僧 於七月十五日,僧自恣時.
fó gào mù lián shí fāng zhòng sēng yú qī yuè shí wǔ rì sēng zì zì shí

FOR THE SAKE OF FATHERS AND MOTHERS OF SEVEN GENERATIONS PAST, AS WELL AS FOR FATHERS AND MOTHERS OF THE PRESENT WHO ARE IN DISTRESS, YOU SHOULD PREPARE AN OFFERING OF CLEAN BASINS FULL OF HUNDREDS OF FLAVORS AND THE FIVE FRUITS,

- Đương vị thất thế phụ mẫu, cập hiện tại phụ mẫu ách nạn trung giả, cụ phạn bách vị, ngũ quả, cấp quán bồn khí.

當 為七世父母,及現在父母厄難中者,具飯百味
dāng wèi qī shì fù mǔ jí xiàn zài fù mǔ è nàn zhōng zhě jù fàn bǎi wèi
五果,汲灌盆器,
wǔ guǒ jí guàn pén qì

AND OTHER OFFERINGS OF INCENSE, OIL, LAMPS, CANDLES, BEDS, AND BEDDING, ALL THE BEST OF THE WORLD, TO THE GREATLY VIRTUOUS ASSEMBLED SANGHA OF THE TEN DIRECTIONS.

- Hương du, đĩnh chúc, sàng phu ngọa cụ, tận thế cam mỹ, dĩ trước bồn trung, cúng dường thập phương đại đức chúng Tăng.

香 油 錠燭, 床 敷臥具,盡世甘美,以著 盆 中. 供
xiāng yóu dèng zhú chuáng fū wò jù jìn shì gān měi yǐ zháo pén zhōng gòng
養十方大德 衆僧.
yàng shí fāng dà dé zhòng sēng.

ONE THAT DAY, ALL THE HOLY ASSEMBLY, WHETHER IN THE MOUNTAINS PRACTICING DHYANA SAMADHI, OR OBTAINING THE FOUR FRUITS OF THE WAY, OR WALKING BENEATH TREES, OR USING THE INDEPENDENCE OF THE SIX PENETRATIONS, TO TEACH AND TRANSFORM SOUND HEARERS AND THOSE ENLIGHTENED TO CONDITIONS,

- Đương thử chi nhật, nhất thiết Thánh chúng, hoặc tại sơn gian thiền định, hoặc đắc tứ đạo quả, hoặc thọ hạ kinh hành, hoặc lục thông tự tại, giáo hóa Thanh Văn, Duyên Giác.

當此之日,一切聖衆, 或在山間禪定, 或得四
dāng cǐ zhī rì yí qiè shèng zhòng huò zài shān jiān chán dìng huò dé sì
道果, 或樹下經行,或六通自在,教化聲聞緣覺.
dào guǒ huò shù xià jīng xíng huò liù tōng zì zài jiào huà shēng wén yuán jué

OR PROVISIONALLY MANIFESTING AS BHIKSHUS WHEN IN FACT THEY ARE GREAT BODHISATTVAS ON THE TENTH GROUND- - ALL COMPLETE IN PURE PRECEPTS AND OCEANLIKE VIRTUE OF THE HOLY WAY - - SHOULD GATHER IN A GREAT ASSEMBLY AND ALL OF LIKE MIND RECEIVE THE PRAVARANA FOOD.

- Hoặc Thập địa Bồ tát đại nhân, quyền hiện Tỳ Kheo tại đại chúng trung, giai đồng nhất tâm thọ bát hòa la phạn, cụ thanh tịnh giới, Thánh chúng chi đạo, kỳ đức giang dương.

或十地菩薩大人,權現比丘在大衆中, 皆同一心
huò shí dì pú sà dà rén quán xiàn bī qiū zài dà zhòng zhōng jiē tóng yì xīn
受鉢和羅飯.具清淨戒,聖 衆 之道,其德汪洋.
shòu bō hé luó fàn jù qīng jìng jiè shèng zhòng zhī dào qí dé wāng yáng.

IF ONE THUS MAKES OFFERINGS TO THESE PRAVARANA SANGHA, ONE'S PRESENT FATHER AND MOTHER, PARENTS OF SEVEN GENERATIONS, AS WELL AS THE SIX KINDS OF CLOSE RELATIVES, WILL ESCAPE FROM THE THREE PATHS OF SUFFERINGS,

- Kỳ hữu cúng dường thử đẳng tự tứ Tăng giả, hiện tại phụ mẫu, thất thế phụ mẫu, lục chủng thân thuộc, đắc xuất tam đồ chi khổ.

其有供養此等自恣僧者.現在父母,七世父母,六
qí yǒu gòng yàng cǐ děng zì zì sēng zhě xiàn zài fù mǔ qī shì fù mǔ liù
種 親屬得出三途之苦.
zhǒng qīn shǔ dé chū sān tú zhī kǔ.

AND AT THAT TIME ATTAIN RELEASE. THEIR CLOTHING AND FOOD WILL SPONTANEOUSLY APPEAR. IF THE PARENTS ARE STILL ALIVE, THEY WILL HAVE WEALTH AND BLESSINGS FOR A HUNDRED YEARS.

- Ứng thời giải thoát, y thực tự nhiên. Nhược phục hữu nhân phụ mẫu hiện tại giả, phúc lạc bách niên.

應時解脫,衣食自然.若復有人父母現在者.福樂百年.
yìng shí jiě tuō yī shí zì rán ruò fù yǒu rén fù mǔ xiàn zài zhě fú lè bǎi nián

PARENTS OF SEVEN GENERATIONS WILL BE BORN IN THE HEAVENS, TRANSFORMATIONALLY BORN, THEY WLL INDEPENDENTLY ENTER THE CELESTIAL FLOWER LIGHT, AND EXPERIENCE LIMITLESS BLISS.

- Nhược dĩ vong thất thế phụ mẫu sanh Thiên, tự tại hóa sanh, nhập Thiên hoa quang, thọ vô lượng khoái lạc.

若已亡七世父母生天,自在化生,入天華光, 受
ruò yǐ wáng qī shì fù mǔ shēng tiān zì zài huà shēng rù tiān huá guāng shòu
無量快樂.
wú liàng kuài lè.

AT THAT TIME THE BUDDHA COMMANDED THE ASSEMBLEED SANGHA OF THE TEN DIRECTIONS TO RECITE MANTRAS AND VOWS FOR THE SAKE OF THE DONOR'S FAMILY, FOR PARENTS OF SEVEN GENERATIONS.

- Thời, Phật sắc thập phương chúng tăng, giai tiên vi thí chủ gia chú nguyện, thất thế phụ mẫu

時佛勅十方 衆 僧,皆先為施主家咒願. 七世父母.
shí fó chì shí fāng zhòng sēng jiē xiān wèi shī zhǔ jiā zhòu yuàn qī shì fù mǔ

AFTER PRACTICING DHYANA CONCENTRATION, THEY THEN MAY ACCEPT THE FOOD. WHEN FIRST RECEIVING THE BASIN, PLACE IT BEFORE THE BUDDHA IN THE

STUPA. WHEN THE ASSEMBLED SANGHA HAS FINISHED THE MANTRAS AND VOWS, THEN THEY MAY ACCEPT IT.

- Hành thiền định ý, nhiên hậu thọ thực. Sơ thọ bồn thời, tiên an tại Phật tháp tiền, chúng Tăng chú nguyện cánh, tiện tự thọ thực.

行 禪 定 意, 然 後 受 食. 初 受 盆 時, 先 安 在 佛 塔 前.
xíng chán dìng yì rán hòu shòu shí chū shòu pén shí xiān ān zài fó tǎ qián
衆 僧 咒 願 竟, 便 自 受 食.
zhòng sēng zhòu yuàn jìng biàn zì shòu shí.

AT THAT TIME THE BHIKSHU MAUDGALYAYANA AND THE ASSEMBLY OF GREAT BODHISATTVAS WERE ALL EXTREMELY DELIGHTED AND THE SORROWFUL SOUND OF MAUDGALYAYANA'S CRYING CEASED.

- Nhĩ thời Mục Liên Tỳ Kheo, cập thử đại hội đại Bồ Tát chúng, giai đại hoan hỷ, nhi Mục Liên bi đề khấp thinh, thích nhiên trừ diệt.

爾 時 目 連 比 丘, 及 此 大 會 大 菩 薩 衆, 皆 大 歡 喜.
ěr shí mù lián bǐ qiū jí cǐ dà huì dà pú sà zhòng jiē dà huān xǐ
而 目 連 悲 啼 泣 聲. 釋 然 除 滅.
ér mù lián bēi tí qì shēng shì rán chú miè

AT THAT TIME MAUDGALYAYANA'S MOTHER OBTAINED LIBERATION FROM ONE KALPA OF SUFFERING AS A HUNGRY GHOST.

- Thị thời Mục Liên kỳ mẫu tức ư thị nhật, đắc thoát nhất kiếp ngạ quỉ chi khổ.

是 時 目 連 其 母, 即 於 是 日 得 脫 一 劫 餓 鬼 之 苦.
shì shí mù lián qí mǔ jí yú shì rì dé tuō yì jié è guǐ zhī kǔ

MAUDGALYAYANA ADDRESSED THE BUDDHA AND SAID, "THIS DISCIPLE'S PARENTS HAVE RECEIVED THE POWER OF THE MERIT AND VIRTUE OF THE TRIPLE JEWEL, BECAUSE OF THE AWESOME SPIRITUAL POWER OF THE ASSEMBLED SANGHA.

- Nhĩ thời Mục Liên phục bạch Phật ngôn: " Đệ tử sở sanh phụ mẫu, đắc mông Tam bảo công đức chi lực, chúng Tăng uy thần chi lực cố.

爾 時 目 連 復 白 佛 言: 「弟 子 所 生 父 母 得 蒙 三 寶
ěr shí mù lián fù bái fó yán dì zǐ suǒ shēng fù mǔ dé méng sān bǎo
功 德 之 力, 衆 僧 威 神 之 力 故.
gōng dé zhī lì zhòng sēng wēi shén zhī lì gù

IF IN THE FUTURE THE BUDDHA'S DISCIPLES PRACTICE FILIALITY BY OFFERING UP THE ULLAMBANA BASINS, WILL THEY BE ABLE TO CROSS OVER THEIR PRESENT FATHERS AND MOTHERS AS WELL AS THOSE OF SEVEN GENERATIONS PAST?"

- Nhược vị lai thế, nhất thiết Phật đệ tử, hành hiếu thuận giả, diệc ưng phụng thử Vu Lan Bồn, cứu độ hiện tại phụ mẫu, nãi chí thất thế phụ mẫu, vi khả nhĩ phủ?

若 未 來 世 一 切 佛 弟 子, 行 孝 順 者, 亦 應 奉 此 盂
ruò wèi lái shì yí qiè fó dì zǐ xíng xiào shùn zhě yì yīng fèng cǐ yú

蘭盆, 救度現在父母,乃至七世父母,為可爾否?
lán pén jìu dù xiàn zài fù mǔ nǎi zhì qī shì fù mǔ wéi kě ěr fǒu ?

THE BUDDHA REPLIED: "GOOD INDEED, I AM HAPPY YOU ASKED THAT QUESTION. I JUST WANTED TO SPEAK ABOUT THAT AND NOW YOU HAVE ALSO ASKED ABOUT IT.

- Phật ngôn: Đại thiện khoái vấn! Ngã chánh dục thuyết, nhữ kim phục vấn.

佛言:大善快問. 我正欲說, 汝今復問.
fó yán dà shàn kuài wèn wǒ zhèng yù shuō rǔ jīn fù wèn

GOOD MAN, IF BHIKSHUS, BHISHUNIS, KINGS, CROWN PRINCES, GREAT MINISTERS, GREAT OFFICIALS, CABINET MEMBERS, THE HUNDREDS OF OFFICERS, AND THE TENS OF THOUSANDS OF CITIZENS WISH TO PRACTICE COMPASSIONATE FILIAL CONDUCT.

- Thiện nam tử ! Nhược hữu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Quốc vương, Thái tử, vương tử, đại thần, tể tướng, tam công, bá quan, vạn dân, thứ nhân, hành hiếu từ giả.

善男子,若有比丘,比丘尼. 國王,太子,王子,大臣,
shàn nán zǐ ruò yǒu bǐ qiū bǐ qiū ní guǒ wáng tài zǐ wáng zǐ dà chén
宰相,三公,百官,萬民, 庶人, 行孝,慈者.
zǎi xiàng sān gōng bǎi guān wàn mín shù rén xíng xiào cí zhě

FOR THE SAKE OF THE PARENTS WHO BORE THEM, AS WELL AS FOR THE SAKE OF FATHERS AND MOTHERS OF SEVEN LIVES PAST, ON THE FIFTEENTH DAY OF THE SEVENTH MONTH, THE DAY OF THE BUDDHAS' DELIGHT, THE DAY OF THE SANGHA'S PRAVARANA,

- Giai ưng vi sở sanh hiện tại phụ mẫu, quá khứ thất thế phụ mẫu. Ư thất nguyệt thập ngũ nhật. Phật hoan hỉ nhật, Tăng tự tứ nhật.

皆應為所生 現 在父母,過去七世父母.於七月十
jiē yīng wèi suǒ shēng xiàn zài fù mǔ guò qù qī shì fù mǔ yú qī yuè shí
五日.佛歡喜日,僧自恣日.
wǔ rì fó huān xǐ rì sēng zì zì rì

THEY ALL SHOULD PLACE HUNDREDS OF FLAVORS OF FOODS IN THE ULLAMBANA BASINS, AND OFFER THEM TO THE PRAVARANA SANGHA OF THE TEN DIRECTIONS, THEY SHOULD VOW TO CAUSE THE LENGTH OF LIFE OF THE PRESENT FATHER AND MOTHER TO REACH A HUNDRED YEARS WITHOUT ILLNESS, WITHOUT SUFFERINGS, AFFLICTIONS, OR WORRIES,

- Dĩ bách vị ẩm thực, an Vu Lan Bồn trung, thí thập phương tự tứ Tăng. Khất nguyện tiện sử hiện tại phụ mẫu thọ mạng bách niên vô bệnh, vô nhất thiết khổ não chi hoạn.

以百味飲食安盂蘭盆中, 施十方自恣僧.乞願
yǐ bǎi wèi yǐn shí ān yú lán pén zhōng shī shí fāng zì zì sēng qǐ yuàn
便使 現在父母, 壽命百 年無病, 無一切苦惱之患.
biàn shǐ xiàn zài fù mǔ shòu mìng bǎi niàn wú bìng wú yí qiè kǔ nǎo zhī huàn

AND ALSO VOW TO CAUSE SEVEN GENERATIONS OF FATHERS AND MOTHERS TO LEAVE THE SUFFERINGS OF THE HUNGRY GHOSTS, TO BE BORN AMONG MEN AND GODS, AND TO HAVE BLESSINGS AND BLISS WITHOUT LIMIT."

- Nãi chí thất thế phụ mẫu, ly ngạ quỉ khổ, đắc sanh thiên nhân trung, phước lạc vô cực.”

乃至七世父母,離餓鬼苦,得生天人中, 福樂無極.

nǎi zhì qī shì fù mǔ lí è guǐ kǔ dé shēng tiān rén zhōng fú lè wú jí

THE BUDDHA TOLD ALL THE GOOD MEN AND GOOD WOMEN, "THOSE DISCIPLES OF THE BUDDHA WHO CULTIVATE FILIAL CONDUCT SHOULD IN THOUGHT AFTER THOUGHT, CONSTANTLY RECALL THEIR PRESENT FATHERS AND MOTHERS WHEN MAKING OFFERINGS, AS WELL AS THE FATHERS AND MOTHERS OF SEVEN LIVES PAST.

- Phật cáo chư thiện nam tử, thiện nữ nhân: “Thị Phật đệ tử tu hiếu thuận giả, ưng niệm niệm trung, thường ức phụ mẫu, cúng dường nãi chí thất thế phụ mẫu.

佛告諸善男子,善女人:「是佛弟子修孝順者, 應

fó gào zhū shàn nán zǐ shàn nǚ rén shì fó dì zǐ xiū xiào shùn zhě yīng

念念中, 常憶父母供養,乃至七世父母

niàn niàn zhōng cháng yì fù mǔ gòng yàng nǎi zhì qī shì fù mǔ

EVERY YEAR, ON THE FIFTEENTH DAY OF THE SEVENTH MONTH, THEY SHOULD ALWAYS, OUT OF FILIAL COMPASSION, RECALL THEIR PARENTS WHO BORE THEM AND THOSE OF SEVEN LIVES PAST,

- Niên niên thất nguyệt thập ngũ nhật, thường dĩ hiếu thuận từ, ức sở sanh phụ mẫu, nãi chí thất thế phụ mẫu.

年年七月十五日,常以孝順慈憶所生父母, 乃至

nián nián qi yuè shí wǔ rì cháng yǐ xiào shùn cí yì suǒ shēng fù mǔ nǎi zhì

七世父母.

qī shì fù mǔ .

AND FOR THEIR SAKES PERFORM THE OFFERING OF THE ULLAMBANA BASIN TO THE BUDDHA AND THE SANGHA AND THUS REPAY THE LOVING KINDNESS OF THE PARENTS WHO RAISED AND NOURISHED THEM.

- Vị tác Vu Lan Bồn, thí Phật cập Tăng, dĩ báo phụ mẫu trưởng dưỡng từ ái chi ân.

為作盂蘭盆,施佛及僧,以報父母長養慈愛之恩.

wèi zuò yú lán pén shī fó jí sēng yǐ bào fù mǔ zhǎng yǎng cí ài zhī ēn

ALL BUDDHAS' DISCIPLES SHOULD RESPECTFULLY RECEIVE THIS DHARMA."

- Nhược nhất thiết Phật đệ tử, ưng đương phụng trì thị pháp.

若一切佛弟子,應當奉持是法.」

ruò yí qiè fó dì zǐ yīng dāng fèng chí shì fǎ

AT THAT TIME THE BHIKSHU MAUDGALYAYANA AND THE FOUR-FOLD ASSEMBLY OF DISCIPLES, HEARING WHAT THE BUDDHA SAID, PRACTICED IT WITH DELIGHT.

- Nhĩ thời Mục Liên Tỳ kheo, tứ bối đệ tử , văn Phật sở thuyết, hoan hỉ phụng hành.

爾時目連比丘,四輩弟子聞佛所說,歡喜奉行.

ěr shí mù lián bǐ qiū sì bèi dì zǐ wén fó suǒ shuō huān xǐ fèng xíng

END OF THE BUDDHA SPEAKS OF ULLAMBANA SUTRA

Phật Thuyết Vu Lan Bồn Kinh

佛說盂蘭盆經

fó shuō yú lán pén jīng

TRUE WORDS FOR REPAYING PARENTS' KINDNESS

Báo Phụ Mẫu Ân Chân Ngôn

報父母恩真言

bào fù mǔ ēn zhēn yán

- Nam mô mật lật đa đá bà dạ tá ha

南無密栗多,哆婆曳莎訶

na mo mi li duo duo po ye suo he

(Circumambulate and recite) / (Nhiễu niệm) / (绕念)

DHARMA GATHERING TO LIBERATING THE LIVING

Nghi Thức Phóng Sanh

放生儀規 **fàng shēng yí guī**

1. PRAISE FOR PURIFYING THE WATER *(see page 145)*

Tịnh Thủy Tán (xem trang số 145)

淨水贊 **jìng shuǐ zàn** (見第 145 頁)

HOMAGE TO THE GREATLY COMPASSIONATE BODHISATTVA WHO OBSERVES THE SOUNDS OF THE WORLD. *(recite 3 times)*

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

南無大悲觀 世 音菩薩◎ (三稱)

ná mó dà bēi guān shì yīn pú sà

2. THE GREAT COMPASSION MANTRA *(see page 32; recite 3 times or many times)*

Đại Bi Chú (xem trang 32 ; 3 biến hoặc nhiều biến)

大悲咒 **dà bēi zhòu** (見第 32 頁; 三遍 或 多 遍)

3. THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA *(see page 44, recite once)*

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (xem trang 44 , 1 biến))

般若波羅蜜多心經 (見第 44 頁; 一 遍)

bō rě bō ló mì duō xīn jīng

4. SPIRIT MANTRA FOR REBIRTH IN THE PURE LAND *(see page 105)*

Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú (xem trang 105 ; 3 biến)

往 生 淨 土 神 咒 (見第 105 頁; 三遍)

wǎng shēng jìng dù shén zhòu

HOMAGE TO SWEET DEW KING BODHISATTVA *(3 times)*

- Nam mô Cam Lồ Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

南 無 甘 露 王 菩 薩 摩 訶 薩 (三稱)

ná mó gān lù wáng pú sà mó hē sà

5. INVITATION TO THE TRIPLE JEWEL

Khởi thỉnh Tam Bảo

啟 請 三 寶 **qǐ qǐng sān bǎo**

WITH FRAGNANT FLOWERS, WE WELCOME. WITH FRAGNANT FLOWERS, WE MAKE OUR REQUEST. NAMO, WITH ONE HEART WE OFFER UP REQUEST TO THE ETERNALLY DWELLING TRIPLE JEWEL OF THE TEN DIRECTIONS, WHO PERVADE THE DHARMA REALMS TO THE ENDS OF EMPTY SPACE.

- Hương hoa nghênh, hương hoa thỉnh. Nam mô nhất tâm phụng thỉnh, tận hư không biến pháp giới, thập phương thường trụ Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

香 花 迎　香 花 請　南 無 一 心 奉 請

xiāng huā yíng xiāng huā qǐng ná mó yī xīn fèng qǐng

盡 虛 空　徧 法 界　十 方 常 住 佛 法 僧 三 寶

jìn xū kōng biàn fǎ jiè shí fāng cháng zhù fó fǎ sēng sān bǎo

Presiding Dharma Master Recites: Pháp Sư xướng: 法師白云 **fǎ shī bái yún**

We beseech the Triple Jewel of the ten directions, our Original Teacher Shakyamuni Buddha, Compassionate Father Amitabha, Jewelled Victory Tathagata, Avalokiteshvara Bodhisattva, Flowering Water Elder's Son, Tyan Tai Master Yungming, and all the other Bodhisattvas. We only wish that they will be compassionate, certify with their knowledge and protect these proceedings with their mindfulness. Now there are all manner of living creatures who move in the water, on land or in the air, who, because they had been caught in the nets of others, were about to enter the door of death. Disciple(s)(names of those who purchased the animals for liberation) have filled their minds with compassion and, having learned about the conduct of the Bodhisattva, have ransomed these doomed animals and will release them to roam freely. In accord with the teachings of the Great Vehicle, we repent and reform on behalf of these animals and transmit to them the Three Refuges. On their behalf we proclaim the Ten Names and recite the Twelve Links of Conditioned Causation. Only because the offenses of these species are so heavy, are their spirits and consciousnesses obscured so that they are unable to understand the profound vaipulya Dharma.
We beseech the Triple Jewel of the ten directions to use their awesome virtue invisibly to infuse them so they become enlightened and are soon liberated.
Disciples of the Buddha! Be mindful that your heavy karma of many lives has made you fall among the animals. Now, on your behalf, before the Triple Jewel, we confess our offenses and mistakes. You should sincerely follow us in repentance and reform:

- Thập phương Tam Bảo, Thích Ca Bổn Sư, Từ Phụ Di Đà, Như Lai Bảo Thắng, Bồ Tát Quán Âm, Trưởng Giả Tử Lưu Thủy, Thiên Thai Vĩnh Minh cùng chư đại sĩ, duy nguyện từ bi, chứng tri hộ niệm. Nay các loài súc sanh di động dưới nước, trên đất, bay trên không- bị sa lưới rập, như vào đường chết. Đệ tử phát tâm từ bi, học Bồ Tát hạnh, mua chuộc và phóng sanh các thân mạng nầy được tự do. Thừa thuận đại thừa kinh điển, đại diện chúng sám hối, truyền tam quy, xưng dương thập hiệu, và thuyết thập nhị nhân duyên. Chỉ vì tội chướng của chúng thâm trọng, thần thức hôn mê, nên không hiểu nổi pháp phương đẳng thâm sâu.
Ngưỡng mong thập phương Tam Bảo, oai đức gia hộ, mau đắc giải thoát. Phật tử! Nên nhớ nhiều đời đã tạo nghiệp nặng, đọa làm súc sanh, nay vì các ngươi, chúng tôi đối trước Tam Bảo, phát lồ tội khiên, các ngươi nên chí thành, nghe theo mà sám hối.

十方三寶釋迦本師，彌陀慈父，寶勝如來，觀音菩薩，流水長者子，天台永明諸大士等，惟願慈悲，證知護念，今有水陸飛行諸衆生，為他網捕將入死門。弟子某等發慈悲心，學菩薩行，贖其身命，放使逍遙。承順大乘經典，代為懺悔，授與三皈，稱揚十號，及說十二因緣。但以此類罪障深重，神識昏迷不能了知方等深法，仰乞十方三寶威德冥加，令其開悟，早得解脫。佛子！念汝多生業

重，墮在畜生。今為汝等，對三寶前，發露罪愆，汝當志誠，隨我懺悔。

6. Assembly recites: **Đại chúng đồng niệm** 大衆齊念 **dà zhòng qí niàn**

▲ **FOR ALL BAD KARMA CREATED IN THE PAST,**

- Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

往昔所造諸惡業

wǎng xi suǒ zào zhū è yè

BASED UPON BEGINNINGLESS GREED, HATRED, AND STUPIDITY,

- Giai do vô thỉ tham, sân, si

皆由無始貪瞋癡

jiē yóu wú shǐ tān chēn chī

AND BORN OF BODY, MOUTH, AND MIND,

- Tùng thân, ngữ, ý chi sở sanh

從身語意之所生

cóng shēn yǔ yì zhī suǒ shēng

I NOW REPENT AND REFORM. *(recite 3 times)*

- Nhất thiết ngã kim giai sám hối. (3 lần)

一切我今皆懺悔. (三遍)

yí qiè wǒ jīn jiē chàn huǐ

▲ **OFFENSES ARISE FROM THE MIND; REPENTANCE IS BY THE MIND.**

- Tội tùng tâm khởi tương tâm sám.

罪從心起將心懺.

zuì cóng xīn qǐ jiāng xīn chàn

IF THE MIND IS EXTINGUISHED, OFFENSES ARE FORGOTTEN.

- Tâm nhược diệt thời tội diệc vong

心若滅時罪亦忘.

xīn ruò miè shí zuì yì wàng

THE MIND FORGOTTEN, OFFENSES WIPED OUT—BOTH ARE EMPTY.

- Tâm vong tội diệt lưỡng câu không.

心忘 罪滅兩俱空.

xīn wàng zuì miè liǎng jù kōng

THIS IS CALLED TRUE REPENTANCE AND REFORM . *(3 times)*

- Thị tắc danh vị chân sám hối. (3 lần)

是則名為真懺悔. (三遍)

shì zé míng wéi zhēn chàn huǐ

▲ **HOMAGE TO COOL REFRESHING GROUND BODHISATTVA** *(3 times)*

- Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

南 無◎清 涼 地 菩 薩 摩 訶 薩◎ (三稱)
ná mó qīng liáng dì pú sà mó hē sà

▲ **THE SEVEN BUDDHAS' TRUE WORDS FOR ERADICATING OFFENSES**
Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn
七佛滅罪真言 **qī fó miè zuì zhēn yán**

1.離婆離婆帝
li po li po di — Ly bà ly bà đế
2.求 訶 求 訶 帝
qiu he qiu he di — Cầu ha cầu ha đế
3.陀羅尼帝
tuo la ni di — Đà ra ni đế
4.尼訶囉帝
ni he la di — Ni ha ra đế
5.毗黎你帝
pi li ni di — Tỳ lê nể đế
6.摩 訶 伽 帝
mo he qie di — Ma ha dà đế
7.真 陵 乾 帝
zhen lin qian di — Chơn lăng càng đế
8.莎 婆 訶
suo po he — Ta bà ha

▲ **LIBERATING THE LIVING MANTRA**
Phóng Sanh Chú
放生咒 **fàng shēng zhòu**

唵
na — án
薩斡巴鉢
sa wa ba bo — tát oát ba bát
月斯普吒
nguyệt tư phổ tra
怛賀囉
da he la — hằng hạ ra
斡資囉耶
wa zi la ye — oát tư ra da
莎訶 (三徧)
suo he *(recite 3 times)* — sa ha (3 biến)

Presiding Dharma Master recites: Pháp Sư xướng: 法師白云 **fǎ shī bái yún**

All of you disciples of the Buddha! You have not heard of the Triple Jewel and do not understand "Taking Refuge." Therefore, after revolving in the three realms of existence, you have presently fallen among the animals. I shall now transmit to you the dharma of the three refuges, so you should listen attentively. ZHU FO ZI DENG!

- Chư Phật tử ! Các vị không nghe đến Tam Bảo, không hiểu quy y là gì, cho nên luân hồi ba cõi nay bị đọa làm súc sanh. Tôi nay truyền pháp tam quy y cho các vị, các vị hãy chú ý nghe. Chư Phật tử đẳng !

諸佛子！汝等不聞三寶，不解皈依，所以輪回三有。今墮畜生，我今授汝等，三皈依法，汝今諦聽。諸佛子等！

All recite: **Đại chúng đồng niệm :** 大衆齊念 **dà zhòng qí niàn**

▲ **WE TAKE REFUGE WITH THE BUDDHA. WE TAKE REFUGE WITH THE DHARMA. WE TAKE REFUGE WITH THE SANGHA.**

- Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

皈依佛，皈依法，皈依僧。
guī yī fó guī yī fǎ guī yī sēng

WE TAKE REFUGE WITH THE BUDDHA, THE VENERABLE ONE WHO IS DOUBLY PERFECTED.

- Quy y Phật, lưỡng túc tôn.

皈依佛，兩足尊。
guī yī fó liǎng zú zūn

WE TAKE REFUGE WITH THE REVERED DHARMA WHICH ALLOWS ONE TO LEAVE DESIRE.

- Quy y Pháp, ly dục tôn.

皈依法，離欲尊。
guī yī fǎ lí yù zūn

WE TAKE WITH THE SANGHA, THE VENERABLE ONES AMONG MULTITUDES.

- Quy y Tăng, chúng trung tôn.

皈依僧，衆中尊。
guī yī sēng zhòng zhōng zūn

WE TAKE REFUGE WITH THE BUDDHA, SO THAT WE SHALL NOT FALL INTO THE HELLS.

- Quy y Phật, bất đọa địa ngục.

皈依佛，不墮地獄。
guī yī fó bú duò dì yù

WE TAKE REFUGE WITH THE DHARMA, SO THAT WE SHALL NOT FALL AMONG THE HUNGRY GHOSTS.

- Quy y Pháp, bất đọa ngạ quỷ.

皈依法，不墮餓鬼。
guī yī fǎ bù duò è guǐ

WE TAKE REFUGE WITH THE SANGHA, SO THAT WE SHALL NOT FALL AMONG THE ANIMALS.

- Quy y Tăng, bất đọa bàng sanh.

皈依僧，不墮傍生。
guī yī sēng bù duò bàng shēng

WE HAVE COMPLETED TAKING REFUGE WITH THE BUDDHA, WE HAVE COMPLETED TAKING REFUGE WITH THE DHARMA, WE HAVE COMPLETED TAKING REFUGE WITH THE SANGHA.

- Quy y Phật cánh, quy y Pháp cánh, quy y Tăng cánh. (3 lần)

皈依佛竟, 皈依法竟, 皈依僧竟(三徧)
guī yī fó jìng guī yī fǎ jìng guī yī sēng jìng

Presiding Dharma Master recites: **Pháp Sư xướng**: 法師白云 **fǎ shī bái yún**

Disciples of the Buddha!
You have now taken refuge with the Buddha,
You have now taken refuge with the Dharma,
You have now taken refuge with the Sangha.

From today onwards you will take the Buddha as your Teacher and no longer take refuge with demons and those of external paths. From today onwards you will take the Dharma as your Teacher and no longer take refuge in the scriptures of external paths. From today onwards you will take the Sangha as your Teacher and no longer take refuge in the improper assemblies of those of external paths.

All of you disciples of the Buddha! Now that you have taken refuge, on your behalf I will proclaim the characteristics of both the production and extinction of the Twelve Links of Conditioned Causation so that you will totally understand the Dharma of production and extinction and so that you will awaken to the Dharma of non-production and non-extinction. In this very place is the ultimate. In this very place is very purity. In this very place is liberation. When one thought is pure. When one thought is ultimate, all is ultimate. When one thought is pure, all is pure. When one thought is liberated, all is liberated. Together with all Buddhas, one certifies to the great Nirvana. In other words:

- **Ignorance is the condition for karmic activity;**
- **Karmic activity is the condition for consciousness;**
- **Consciousness is the condition for name and form;**
- **Name and form is the condition for the six entrances;**
- **The six entrances are the condition for contact;**
- **contact is the condition for feeling;**
- **Feeling is the condition for emotional love;**
- **Emotional love is the condition for grasping**
- **Grasping is the condition for existence;**
- **Existence is the condition for birth;**
- **Birth is the condition for old age, death, worry**

In other words:

When ignorance is extinguished, karmic activity is extinguished; when karmic activity is extinguished, consciousness is extinguished; when consciousness is extinguished, name and form are extinguished; when name and form are extinguished, the six entrances are extinguished; when the six entrances are extinguished, contact is extinguished; when contact is extinguished, feeling is extinguished; when feeling is extinguished, emotional love is extinguished; when emotional love is extinguished, grasping is extinguished; when grasping is extinguished, existence is extinguished; when existence is extinguished, birth is extinguished; when birth is extinguished,old age, death, worry, sadness, suffering and despair are all extinguished.

Ignorance is without a nature. What is fundamental is unmoving substance of all Buddhas. You all become attached and falsely give rise to ignorance. For instance,a diseased eye may see flowers in empty space, but after one knows them for what they are, that ignorance is extinguished.

Disciples of the Buddha!

For your sake we will now recite the Four Great Vows so that you may hear them. By relying on the Buddha, we make vows; by relying on our vows, we cultivate. Listen attentively!

- Chư Phật tử!

Các vị đã Quy y Phật rồi, Quy y Pháp rồi, Quy y Tăng rồi, nên kể từ nay xưng Phật làm Thầy mà không Quy y tà ma ngoại đạo nữa. Cũng từ bây giờ, các vị xưng Pháp làm thầy, mà không Quy y điển tích, ngoại đạo. Và cũng kể từ nay, các vị xưng Tăng làm Thầy mà không Quy y tà chúng ngoại đạo.

Chư Phật tử!

Các vị quy y Tam Bảo rồi, nay tôi nói 12 nhân duyên, sanh tướng diệt tướng, khiến cho các vị hiểu rõ sanh diệt, giác ngộ pháp bất sanh diệt, ngay đây cứu cánh, ngay đây thanh tịnh, ngay đây tự tại. Một khi cứu cánh, tất cả cứu cánh. Một khi thanh tịnh, tất cả thanh tịnh. Một khi tự tại, tất cả tự tại - Đồng như chư Phật, chứng Đại Niết Bàn. Cho nên:

➨vô minh duyên hành,
➨hành duyên thức,
➨thức duyên danh sắc,
➨danh sắc duyên lục nhập,
➨lục nhập duyên xúc,
➨xúc duyên thọ,
➨thọ duyên ái,
➨ái duyên thủ,
➨thủ duyên hữu,
➨hữu duyên sanh,
➨sanh duyên lão tử, ưu bi khổ não.

Cho nên vô minh diệt, tức hành diệt, hành diệt tức thức diệt, thức diệt tức danh sắc diệt, danh sắc diệt, tức lục nhập diệt, lục nhập diệt, tức xúc diệt, xúc diệt tức thọ diệt, thọ diệt tức ái diệt, ái diệt tức thủ diệt, thủ diệt tức hữu diệt, hữu diệt tức sanh diệt,

sanh diệt tức lão tử, ưu bi khổ não diệt, Vô minh vô tánh, vốn là chư Phật, thể chất bất động. Các vị vì chấp trước, nên mới vọng khởi vô minh. Thí như mắt bị bệnh nên thấy hoa đốm trong hư không. Nhưng khi nghe xong hiểu ra nghĩa lý, vô minh tức diệt.

Phật tử, tôi nay lại vì các vị, xưng bốn hoằng thệ nguyện,khiến cho các vị nghe rồi, nên y theo Phật phát nguyện, và y theo nguyện mà tu hành. Các vị hãy lắng nghe !

汝等佛子，皈依佛竟，皈依法竟，皈依僧竟。從今以往，稱佛為師，更不皈依，邪魔外道。從今以往，稱法為師，更不皈依，外道典籍。從今以往，稱僧為師，更不皈依，外道邪衆。

諸佛子等，皈依三寶已，我今更為汝說，十二因緣，生相滅相，今汝等，了知生滅之法，悟 不生滅之法，當處究竟，當處清淨，當處自在。一究竟，一切究竟。一清淨，一切清淨。一自在，一切自在。同於諸佛，證大涅槃。所謂無明緣行，行緣識，識緣名色，名色緣六入，六入緣觸，觸緣受，受緣愛，愛緣取，取緣有，有緣生，生緣老死，憂悲苦惱。所謂無明滅，則行滅，行滅則識滅，識滅則名色滅，名色滅，則六入滅，六入滅，則觸滅，觸滅則受滅，受滅則愛滅，愛滅則取滅，取滅則有滅，有滅則生滅，生滅則老死，憂悲苦惱滅。無明無性，本是諸佛，不動之體。汝等執著，妄起無明。譬如病目，見空中花。既知是已，無明即滅。

佛子，再為汝等，稱四弘誓願，令汝得聞，依佛發願，依願修行。汝今謗聽！

All recite: **Đại chúng đồng niệm :** 大衆齊念 **dà zhòng qí niàn**

▲ **I VOW TO TAKE ACROSS THE NUMBERLESS LIVING BEINGS.**

▸ Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

衆 生 無 邊 誓 願 度

zhòng shēng wú biān shì yuàn dù

I VOW TO CUT OFF THE ENDLESS AFFLICTIONS.

▸ Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

煩 惱 無 盡 誓 願 斷

fán nǎo wú jìn shì yuàn duàn

I VOW TO STUDY THE COUNTLESS DHARMA DOORS.

▸ Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

法 門 無 量 誓 願 學

fǎ mén wú liàng shì yuàn xué

I VOW TO REALIZE THE SUPREME BUDDHA WAY.

▸ Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành (3 biến)

佛 道 無 上 誓 願 成 (三徧)

fó dào wú shàng shì yuàn chéng *(recite 3 times)*

▲ **I VOW TO TAKE ACROSS THE LIVING BEINGS OF MY OWN NATURE.**

- Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ.

自性衆生誓願度

zì xìng zhòng shēng shì yuàn dù

I VOW TO CUT OFF THE AFFLICTIONS OF MY OWN NATURE.

- Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn

自性煩惱誓願斷

zì xìng fán nǎo shì yuàn duàn

I VOW TO STUDY THE DHARMA DOORS OF MY OWN NATURE.

- Tự tánh pháp môn thệ nguyện học.

自性法門誓願學

zì xìng fǎ mén shì yuàn xué

I VOW TO REALIZE THE BUDDHA WAY OF MY OWN NATURE.

- Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành. (3 biến)

自性佛道誓願成 (三徧)

zí xìng fó dào shì yuàn chéng *(recite 3 times)*

Presiding Dharma Master recites: ***Pháp Sư xướng:*** 法師白云 **fǎ shl bái yún**

All of you disciples of the Buddha! For your sake I will now recite and praise the auspicious names of Tathagatas which can cause you leave the sufferings of the three paths and of the eight difficulties so that you will always be pure disciples of the Buddha, the Tathagata.

- Chư Phật tử, tôi vì các vị, xưng tán Như Lai, danh hiệu cát tường, khiến cho các vị viễn ly tam đồ, bát nạn, thường là đệ tử chân tịnh cuả Phật, Như Lai.

諸佛子，我更為汝，稱讚如來，吉祥名號，能令汝等，永離三途，八難之苦，常為如來，真淨佛子。

All recites : ***Đại chúng đồng niệm :*** 大衆齊念 **dà zhòng qí niàn**

HOMAGE TO MANY JEWELS TATHAGATA.

- Nam mô Đa Bảo Như Lai,

南無多寶如來

ná mó duō bǎo rú lái

HOMAGE TO JEWELED VICTORY TATHAGATA.

- Nam mô Bảo Thắng Như Lai,

南無寶勝如來

ná mó bǎo shèng rú lái

HOMAGE TO WONDERFULLY COLORED BODY TATHAGATA.

- Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai,

南無妙色身如來
ná mó miào sè shēn rú lái

HOMAGE TO EXTENSIVE BODY TATHAGATA.

- Nam mô Quảng Bát Thân Như Lai,

南無廣博身如來
ná mó guǎng bó shēn rú lái

HOMAGE TO APART FROM FEAR TATHAGATA.

- Nam mô Ly Bố Úy Như Lai

南無離怖畏如來
ná mó lí bù wèi rú lái

HOMAGE TO SWEET DEW KING TATHAGATA.

- Nam mô Cam Lồ Vương Như Lai

南無甘露王如來
ná mó gān lù wáng rú lái

HOMAGE TO AMITA TATHAGATA

- Nam mô A Di Đà Như Lai (3 x hoặc nhiều lần)

南無阿彌陀如來. (三遍或多遍)
ná mó ē mí tuó rú lái *(recite 3 times or many times)*

Presiding Dharma Master recites: Pháp Sư xướng :
法師白云 fǎ shī bái yún

All of you disciples of the Buddha! Those seven Tathagatas rescue living beings by means of the power of their vows. By reciting their names three times one can avoid suffering for a thousand lives and certify to the supreme Way. We only wish that after you are released you will never again encounter evil demons, be devoured by predators or snared in nets, and that you will live out your natural span of years. We wish that at the end of your lives you will, because you have received the power of the Triple Jewel, be reborn in accord with conditions, maintain the precepts, cultivate, see the Buddha, hear the Dharma, receive the prediction of the Bodhisattva, and transform living beings.

What is more, we wish that those who are liberating the living, Disciple(s)_____will increase their understanding, their Bodhi conduct and Bodhi vows in thought after thought. In rescuing and protecting living beings, they should always think of living beings as of themselves, so all may obtain the rebirth in the Land of Ultimate Bliss, that they may see Amitabha Buddha, and certify to the patience of non-production. With division-bodies as numerous as dust motes in the many lands, to the ends of the boundaries of the future, may they take across vast numbers of living beings.

We also wish that those people who capture living beings will turn their mind toward the good and together obtain liberation and the certification of true permanence.

- Chư Phật tử! Do thệ nguyện lực, cứu tế chúng sanh của bảy vị Phật nầy, cho nên nếu xưng danh các Ngài ba lần sẽ miễn nạn khổ ngàn đời và chứng Vô Thượng Đạo. Duy nguyện khi được phóng sanh rồi, các ngươi sẽ không bao giờ gặp ác ma ăn nuốt, hay lại bị vào lưới rập mà được sống tới ngàn năm, và sau khi mạng chung được thừa lực Tam Bảo, tùy duyên vãng sanh, trì giới tu hành, thấy Phật nghe Pháp, thọ ký Bồ Tát, chuyển hóa chúng sanh.

  Lại nguyện cho các người đệ tử (tên …) phóng sanh, bồ đề hạnh nguyện, niệm niệm tăng minh, cứu hộ chúng sanh, thường nghĩ như chính mình, đắc sanh an dưỡng, thấy A Di Đà Phật, chứng vô sanh nhẫn, phân thân trần sát, tận vị lai tế, quảng độ chúng sanh.

  Cũng nguyện cho những kẻ bắt nhốt các loài sanh vật, hồi tâm hướng thiện, đồng đắc giải thoát, cùng chứng chân thường.

諸佛子等，此七如來，以誓願力，拔濟衆生。三稱其名，千生離苦，證無上道，唯願汝等，既放以後，永不遭遇惡魔吞噉，網捕相加。獲盡天年，命終之後，承三寶力，隨緣往生，持戒修行，見佛聞法，授菩薩記，轉化衆生。

更願放生，弟子某等，菩提行願，念念增明，救護衆生，常如己想，得生安養，見阿彌陀佛，證無生忍，分身塵刹，盡未來際，廣度衆生。並願捕生人等，回心向善，同得解脫，共證真常。

All recite: ***Đại chúng đồng niệm*** 唱讚 **chàng zàn**

MAY THOSE BORN FROM WOMBS, FROM EGGS, FROM MOISTURE, OR BY TRANSFORMATION, WHO FOR MANY AEONS HAVE BEEN SUNK IN CONFUSION,

- Thai noãn thấp hóa, đa kiếp trầm mê.

◤胎卵濕化，◎多劫沉迷。

tāi luǎn shī huà duō jié chén mí

TAKE REFUGE WITH THE TRIPLE JEWEL, BRING FORTH BODHI, AND AVOID CAPTURE IN CAGES OR NETS.

- Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề, lồng võng bộ miễn ly.

皈依三寶發菩提◎,籠網捕免離◎。

guī yī sān bǎo fā pú tí lóng wǎng bǔ miǎn lí

MAY THEY BE FREE ON LAND, IN THE SEAS, AND FLYING IN THE HEAVENS, AND FOLLOW THE BUDDHA TO BE BORN IN THE HEAVEN OF THE THIRTY-THREE.

- Hải khoát thiên phi, tùy Phật sanh Đao Lợi

海濶天飛，隨◎佛生忉利

hǎi kuò tiān fēi suí fó shēng dāo lì

HOMAGE TO RISING TO THE HEAVENLY REALMS BODHISATTVA MAHASATTVA. MAHA PRAJNA PARAMITA.

- Nam mô Thăng Thiên Giới Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

南 無 昇◎ 天 界 菩 薩 摩 訶 薩, 摩◎ 訶 般 若 波◎ 羅 蜜◎
ná mó shēng tiān jiè pú sà mó hē sà mó hē bō rě bō luó mì

All recite: ***Đại chúng đồng niệm :*** 大衆齊念 **dà zhòng qí niàn**

HOMAGE TO THE GREATLY KIND AND COMPASSIONATE AMITA BUDDHA IN THE LAND OF ULTIMATE BLISS IN THE WEST.

- Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.

南 無 西 方 極 樂 世 界, 大 慈 大 悲 阿 彌 陀 佛。
ná mó xī fāng jí lè shì jiè dà cí dà bēi ē mí tuó fó。

(Assembly recites Na Mo Amita Buddha or Great Compassion Mantra while liberating the creatures. Then returns to their original bowing places for the transferences of merit.)
(Khi Phóng sanh chúng niệm Phật hoặc tụng Chú Đại Bi, sau niệm Kệ Hồi Hướng).
(放 生 時 念 佛 或 誦 大 悲 咒, 後 回 位 念 回 向 偈)

****

VERSE FOR TRANSFERING THE MERIT FROM LIBERATING THE LIVING

Phóng Sanh Công Đức Hồi Hướng

放生功德回向

fàng shēng gōng dé huí xiàng

THE MERIT FROM LIBERATING THE LIVING, THIS SUPREME CONDUCT AND BOUNDLESS SUPREME BLESSINGS ARE ALL TRANSFERRED.

- Phóng sanh công đức thù thắng hạnh, vô biên thắng phúc giai hồi hướng.

放 生 功 德 殊 勝 行, 無 邊 勝 福 皆 回 向。
fàng shēng gōng dé shū shèng xíng wú biān shèng fú jiē huí xiàng

WE UNIVERSALLY WISH THAT ALL DROWNING LIVING BEINGS WILL QUICKLY GO TO THE LAND OF THE BUDDHA OF INFINITE LIGHT.

- Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

普 願 沈 溺 諸 衆 生, 速 往 無 量 光 佛 刹。
pǔ yuàn chén nì zhū zhòng shēng sù wǎng wú liàng guāng fó chà

ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME. ALL THE BODHISATTVAS, MAHASATTVAS.

- Thập phương tam thế nhất thiết Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát

十 方 三 世 一 切 佛, 一 切 菩 薩 摩 訶 薩。
shí fāng sān shì yí qiè fó yí qiè pú sà mó hē sà

MAHA PRAJNA PARAMITA!

- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật,

摩訶般若波羅蜜。

mó hē bō rě bō luó mì

(3 bows to Triple Jewel; 3 bows to the Master or "universally")

(3 lạy tam bảo, 3 lạy trụ trì hòa thượng)

三拜三寶，三拜住持和尚）

THE DHARMA OF REPENTANCE OF THE GREAT COMPASSION WITH A THOUSAND HANDS AND A THOUSAND EYES

Đại Bi Sám

千手千眼大悲懺法

qiān shǒu qiān yǎn dà bēi chàn fǎ

The assembly says: Đại chúng niệm: 衆云

NA MO GUAN SHI YIN BODHISATTVA OF GREAT COMPASSION (3X)

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3x)

南無大悲觀世音菩薩（三稱）◎

ná mó dà bēi guān shì yīn pú sà

The Leader says: Duy Na xướng : 维那師云：

LET ALL BE RESPECTFUL AND REVERENT

- Nhất thiết cung kính

一切恭敬◎

yí qiè gōng jìng

The assembly says: Đại chúng niệm: 衆云

WITH ONE MIND I BOW TO THE EVERLASTING TRIPLE JEWEL OF THE TEN DIRECTIONS (bow once, then stand, ½ bow)

- Nhất tâm đảnh lễ thập phương thường trụ Tam Bảo (lạy 1x, xá)

一心頂禮十方常住三寶◎

yì xīn dǐng lǐ shí fāng cháng zhù sān bǎo (一拜起立,問訊)

The Leader says: Duy Na xướng : 维那師云：

ALL IN THIS ASSEMBLY, EACH ONE KNEELING, HOLDING IN ADORNMENT INCENSE AND A FLOWER, IN ACCORD WITH DHARMA MAKE OFFERINGS.

- Thị chư chúng đẳng, các các hồ quỵ, nghiêm trì hương hoa, như pháp cúng dường.

是諸衆等　　各各胡跪

shì zhū zhòng děng gè gè hú guì

嚴持香花　　如法供養

yán chí xiāng huā rú fǎ gòng yàng

The assembly kneels holding up incense and a flower, and then says

Đại chúng quỳ, dâng hương hoa và niệm (衆跪,手持香花云)

MAY THIS FRAGRANT FLOWER CLOUD FULLY PERVADE THE TEN DIRECTIONS. MAY ONE BY ONE ALL BUDDHALANDS BE ADORNED. MAY THE BODHISATTVA PATH BE FULFILLED AND THE THUS COME ONE FRAGRANCE PERFECTED.

- Nguyện thử hương hoa vân, biến mãn thập phương giới, nhất nhất chư Phật độ, vô lượng hương trang nghiêm, cụ túc Bồ Tát đạo, thành tựu Như Lai hương.

願此香花雲,遍滿十方界,一一諸佛土,

yuàn cǐ xiāng huā yún biàn mǎn shí fāng jiè yī yī zhū fó dù

無量香 莊嚴,具足菩薩道,成就如來◎香

wú liàng xiāng zhuāng yán jù zú pú sà dào chéng jiù rú lái xiāng

(*Bow and reflect silently:*) Lạy xuống và mặc niệm (拜下默念)

The incense and flower pervade the ten directions, making a tower of subtle, wonderful light. All heavenly music, jeweled heavenly incense, rare heavenly delicacies, and jeweled heavenly garments, all inconceivably wonderful dharma-objects, each object emitting all objects, each object emitting all dharmas, revolving unobstructed and adorning each other, are offered everywhere to the Triple Jewel of the ten directions. Before the Triple Jewel of the Dharma Realm of the ten directions, my body everywhere makes offerings. Each one entirely pervades the Dharma Realm, each one unalloyed and unimpeded, exhausting the bounds of the future, doing the Buddhas' work, and spreading fragrance everywhere over all the living beings in the Dharma Realm. Having received the fragrance, they bring forth the Bodhi-mind, and together they enter the unproduced and are certified to the Buddhas' wisdom.

Ngã thử hương hoa biến thập phương, dĩ vi vi diệu quang minh đài. Chư thiên âm nhạc thiên bảo hương, chư thiên hào thiện thiên bảo y. Bất khả tư nghị diệu pháp trần, nhất nhất trần xuất nhất thiết trần. Nhất thiết trần xuất nhất thiết pháp, toàn chuyển vô ngại hỗ trang nghiêm. Biến chí thập phương Tam Bảo tiền. Thập phương pháp giới Tam Bảo tiền. Tất hữu ngã thân tu cúng dường. Nhất nhất giai tất biến pháp giới. Bỉ bỉ vô tạp vô chướng ngại. Tận vị lai tế tác Phật sự. Phổ huân pháp giới chư chúng sanh. Mông huân giai phát bồ đề tâm. Đồng nhập vô sanh chứng Phật trí.

我此香花徧十方,以為微妙光明臺,
諸天音樂天寶香,諸天肴膳天寶衣,
不何思議妙法塵,一一塵出一切塵,
一一塵出一切法,旋轉無礙互莊嚴,
徧至十方三寶前,十方法界三寶前,
悉有我身修供養,一一皆悉徧法界,
彼彼無雜無障礙,盡未來際作佛事,
普熏法界諸眾生,蒙熏皆發菩提心,
◤同入無生證佛◎智.

The Leader says: Duy Na xướng : 维那師云:

THE OFFERING IS NOW COMPLETE. LET ALL BE REVERENT AND RESPECTFUL.

(stand and half bow)

- Cúng dường dĩ nhất thiết cung kính (đứng lên, xá)

◥供養已一切◤恭敬.◎ (拜起,問訊)

gòng yàng yǐ yí qiè gōng jìng

Assembly kneels and recites , Đại chúng quỳ niệm (眾胡跪,同念讚觀音文)

NA MO THE FORMER THUS COME ONE LIGHT OF PROPER DHARMA, THE PRESENT GUAN SHI YIN BODHISATTVA, PERFECT IN MIRACULOUS MERIT, COMPLETE IN GREAT COMPASSION,

- Nam mô Quá Khứ Chánh Pháp Minh Như Lai hiện tiền Quán Thế Âm Bồ Tát, thành diệu công đức, cụ đại từ bi

南無過去正法明如來,現前觀世音菩薩,成妙功

ná mó guò qù zhèng fǎ míng rú lái xiàn qián guān shì yīn pú sà chéng miào gōng

德,具大慈悲.

dé jù dà cí bēi

WHO IN A SINGLE BODY AND MIND MANIFESTS A THOUSAND HANDS, A THOUSAND EYES, WHO ILLUMINES AND LOOKS UPON THE DHARMA REALM AND PROTECTS AND UPHOLDS LIVING BEINGS AND CAUSES THEM TO BRING FORTH THE GREAT MIND OF THE WAY, WHO TEACHES THEM TO HOLD THE PERFECT SPIRITUAL MANTRA.

- Ư nhất thân tâm hiện thiên thủ nhãn, chiếu kiến pháp giới hộ trì chúng sanh, linh phát quảng đại đạo tâm, giáo trì viên mãn thần chú.

於一身心現千手眼,照見法界,護持眾生, 令發

yú yī shēn xīn xiàn qiān shǒu yǎn zhào jiàn fǎ jiè hù chí zhòng shēng lìng fā

廣 大道心,教持圓滿神咒。

guǎng dà dào xīn jiào chí yuán mǎn shén zhòu

TO LEAVE FOREVER THE EVIL PATHS, AND TO BE REBORN AT THE TIME OF A BUDDHA. GRAVE OFFENSES WHICH DESERVE THE UNINTERRUPTED HELLS AND EVIL ILLS WHICH BIND THE BODY, FROM WHICH NO ONE CAN BE SAVED OR EXTRICATED, ARE CAUSED TO MELT AWAY.

- Vĩnh ly ác đạo, đắc sanh Phật tiền, vô gián trọng khiên, triền thân ác tật, mạc năng cứu tế, tất sử tiêu trừ.

永離惡道,得生佛前,無間 重愆,纏身惡疾,莫能

yǒng lí è dào dé shēng fó qián wú jiān zhòng qiān chán shēn è jí mò néng

濟,救悉使消除。

jiù jì xī shǐ xiāo chú

SAMADHI, ELOQUENCE, AND WHATEVER IS SOUGHT IN THIS PRESENT LIFE, ARE ALL BROUGHT TO ACCOMPLISHMENT.

- Tam muội biện tài, hiện sanh cầu nguyện, giai linh quả toại.

三昧辨才, 現生求願,皆令果遂。

sān mèi biàn cái xiàn shēng qiú yuàn jiē lìng guǒ suì

THERE IS NO DOUBT WHATEVER THAT THE THREE VEHICLES CAN BE QUICKLY ATTAINED AND THAT THE GROUND OF THE BUDDHAS CAN SOON BE REACHED.

- Quyết định vô nghi, năng sử tốc hoạch tam thừa tảo đăng Phật địa.

決 定無疑,能使速獲三乘, 早 登佛地。

jué dìng wú yí néng shǐ sù huò sān chèng zǎo dēng fó dì

NO ONE CAN EXHAUST THE PRAISES OF HIS AWESOME SPIRITUAL MIGHT. THEREFORE WITH ONE MIND I RETURN MY LIFE IN WORSHIP. *(stand and half bow)*

- Oai thần chi lực, thán mạc năng cùng, cố ngã nhất tâm quy mạng đảnh lễ. (đứng lên, xá)

威神之力,歎莫能窮,故我一心,歸命頂禮。(拜)(拜起, 問訊)

wēi shén zhī lì tàn mò néng qióng , gù wǒ yì xīn guī mìng dǐng lǐ

WITH ONE MIND I BOW TO MY ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA, WORLD-HONORED ONE. (3x)

- Nhất tâm đảnh lễ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn (3x)

二心頂禮本師釋迦牟尼世尊

yì xīn dǐng lǐ běn shī shì jiā móu ní shì zūn

(bow to each Buddha or group of Buddhas, reflecting silently in turn:)

The worshipped and the worshipper are empty and still in nature. The response and the Way are intertwined, inconceivably. This Way-place of mine is like a wish-fulfilling pearl; the Buddha(s)[reflect on name(s)] appear before me. I appear before (name of Buddha or Buddhas). Bowing down, I return my life in worship.

(Khi lạy xuống tưởng niệm)

Năng lễ sở lễ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghì
Ngã thử đạo tràng như đế châu, (*danh hiệu Như Lai*) ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện (*danh hiệu Như Lai*) tiền. Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ

(諸眾皆須五體投地, 勤重致禮, 想云:)
能禮所禮性空寂, 感應道交難思議
我此道場如帝珠, (如來名號) 影現中
我身影現 (如來名號) 前, 頭面接足皈命禮

WITH ONE MIND I BOW TO AMITA BUDDHA OF THE WESTERN LAND OF ULTIMATE BLISS, WORLD HONORED ONE.

- Nhất tâm đảnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Thế Tôn.

一心頂禮西方極樂世界阿彌陀世尊

yì xīn dǐng lǐ xī fāng jí lè shì jiè ē mí tuó shì zūn

WITH ONE MIND I BOW TO KING OF A THOUSAND LIGHTS BUDDHA OF COUNTLESS KOTIS OF KALPAS PAST, WORLD HONORED ONE.

- Nhất tâm đảnh lễ Quá Khứ Vô Lượng Ức Kiếp Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Thế Tôn

一心頂禮過去無量億劫千光 王 靜住世尊

yì xīn dǐng lǐ guò qù wú liàng yì jié qiān guāng wáng jìng zhù shì zūn

WITH ONE MIND I BOW TO ALL THE BUDDHAS OF THE PAST, MANY AS THE SANDS OF NINETY-NINE KOTIS OF GANGES RIVERS, WORLD-HONORED ONES.

- Nhất tâm đảnh lễ Quá Khứ Cửu Thập Cửu Ức Căng Già Sa chư Phật Thế Tôn

一心頂禮過去九十九億殑伽沙諸佛世尊

yì xīn dǐng lǐ guò qù jiǔ shí jiǔ yì qíng qié shā zhū fó shì zūn

WITH ONE MIND I BOW TO LIGHT OF PROPER DHARMA OF COUNTLESS KALPAS PAST, WORLD-HONORED ONE.

- Nhất tâm đảnh lễ quá khứ vô lượng kiếp Chánh Pháp Minh Thế Tôn

一心頂禮過去無量劫正法明世尊

yì xīn dǐng lǐ guò qù wú liàng jié zhèng fǎ míng shì zūn

WITH ONE MIND I BOW TO ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS, WORLD-HONORED ONES.

- Nhất tâm đảnh lễ thập phương nhất thiết chư Phật Thế Tôn

一心頂禮十方一切諸佛世尊

yì xīn dǐng lǐ shí fāng yí qiè zhū fó shì zūn

WITH ONE MIND I BOW TO ALL THE THOUSAND BUDDHAS OF THE THREE PERIODS OF TIME IN THE WORTHY KALPA, WORLD-HONORED ONES

- Nhất tâm đảnh lễ hiền kiếp thiên Phật tam thế nhất thiết chư Phật Thế Tôn.

一心頂禮賢劫千佛三世一切諸佛世尊

yì xīn dǐng lǐ xián jié qiān fó sān shì yí qiè zhū fó shì zūn

(stand, half bow) (đứng lên, xá) (拜起, 問訊)

WITH ONE MIND I BOW TO THE SPIRITUAL, WONDERFUL WORDS OF THE DHARANI OF THE GREATLY COMPASSIONATE MIND, PERFECT, FULL, UNIMPEDED, VAST, AND GREAT.

- Nhất tâm đảnh lễ quảng đại viên mãn vô ngại đại bi tâm đại đà la ni thần diệu chương cú (lạy 3x)

一心頂禮廣大圓滿無礙大悲大陀羅尼神妙章句

yì xīn dǐng lǐ guǎng dà yuán mǎn wú ài dà bēi dà tuó luó ní shén miào zhāng jù

(bow 3x, reflecting) (lạy 3x, tưởng niệm) (三稱; 三拜; 想云)

The Dharma Nature, like emptiness, cannot be seen. The everlasting Dharma-Jewel is difficult to conceive of. With my three karmas now in accord with Dharma, I pray that it will manifest and accept this offering.

Pháp tánh như không bất khả kiến. Thường trụ pháp bảo nan tư nghị. Ngã kim tam nghiệp như pháp thỉnh. Duy nguyện hiển hiện thọ cúng dường.

法性如空不可見,常住法寶難思議,
我今三業如法請,唯願顯現受供養.

WITH ONE MIND I BOW TO ALL THE DHARANIS SPOKEN BY GUAN YIN AND TO ALL THE HONORED DHARMAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME.

- Nhất tâm đảnh lễ Quán Âm sở thuyết chư đà la ni cập thập phương tam thế nhất thiết tôn Pháp.

一心頂禮觀音所說諸陀羅尼及十方三世一切尊法

yì xīn dǐng lǐ guān yīn suǒ shuō zhū tuó luó ní jí shí fāng sān shì yí qiè zūn fǎ

(bow, reflecting) (lạy và tưởng niệm) (頂 禮想 云)

True emptiness, the Dharma-nature, is like empty space. The everlasting Dharma-Jewel is difficult to conceive of. I now manifest before the Dharma-Jewel, with one mind, in accord with Dharma, I return my life in worship.

Chân không pháp tánh như hư không. Thường trụ pháp bảo nan tư nghị
Ngã thân ảnh hiện pháp bảo tiền. Nhất tâm như pháp quy mạng lễ.

真 空 法 性 如 虛 空, 常 住 法 寶 難 思 議
我 身影 現 法 寶 前, 一 心 如 法 皈 命 禮.

WITH ONE MIND I BOW TO THE GREATLY KIND, GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN BODHISATTVA, WHO WITH A THOUSAND HANDS AND A THOUSAND EYES CONTEMPLATES AT EASE THE SOUNDS OF THE WORLD, MAHASATTVA.

- Nhất tâm đảnh lễ thiên thủ thiên nhãn đại từ đại bi Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát.

一 心 頂 禮 千 手 千 眼 大 慈 大 悲 觀 世 音 自 在 菩 薩
yì xīn dǐng lǐ qiān shǒu qiān yǎn dà cí dà bēi guān shì yīn zì zài pú sà

摩 訶 薩
mó hē sà

(bow, reflect 3x)

The worshipped and the worshipper are empty and still in nature. The response and the Way are intertwined, inconceivably. This Way-place of mine is like a wish-fulfilling pearl. The Greatly Compassionate Bodhisattva manifests in it; I now manifest before the Greatly Compassionate One as I seek eradication of obstacles, prostrate and worshipping.

(lạy , tưởng niệm 3x)

Năng lễ sở lễ tánh không tịch, Cảm ứng đạo giao nan tư nghì
Ngã thử đạo tràng như đế châu, Đại bi Bồ Tát ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện đại bi tiền, Vi cầu diệt chướng tiếp túc lễ

(三稱; 三拜; 想 云)

能 禮 所 禮 性 空寂, 感 應 道 交 難 思 議
我 此 道 場 如 帝珠, 大 悲 菩 薩影 現 中
我 身 影 現 大 悲前, 為 求 滅 障 接 足禮

WITH ONE MIND I BOW TO THE BODHISATTVA WHO HAS ATTAINED GREAT STRENGTH, MAHASATTVA.

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát

一心 頂 禮 大 勢 至 菩 薩 摩 訶 薩
yì xīn dǐng lǐ dà shì zhì pú sà mó hē sà

(Bow once to Great Strength Bodhisattva and to each subsequent Bodhisattva or Bodhisattvas, reflecting as when bowing to Guan Yin Bodhisattva, but substituting the appropriate name or names.)
(Khi đảnh lễ Bồ Tát Đại Thế Chí và các Bồ Tát khác, tưởng niệm như câu tưởng niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, chỉ thay tôn hiệu vị Bồ tát đang đảnh lễ.)
頂禮大勢至菩薩及其他菩薩時,默想法句與觀世音菩薩同,但念至尊號時分別改挽.

WITH ONE MIND I BOW TO DHARANI-KING BODHISATTVA, MAHASATTVA.

- Nhất tâm đảnh lễ Tổng Trì Vương Bồ Tát Ma Ha Tát

◤一心◤頂禮◤總持王菩薩摩◤訶薩
yì xīn dǐng lǐ zǒng chí wáng pú sà mó hē sà

WITH ONE MIND I BOW TO SUNLIGHT BODHISATTVA AND MO ONLIGHT BODHISATTVA, MAHASATTVAS.

- Nhất tâm đảnh lễ Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát Ma Ha Tát

◤一心◤頂禮◤日光菩薩,月光菩薩摩◤訶薩
yì xīn dǐng lǐ rì guāng pú sà yuè guāng pú sà mó hē sà

WITH ONE MIND I BOW TO KING OF JEWELS BODHISATTVA, PHYSICIAN-KING BODHISATTVA, AND SUPREME PHYSICIAN BODHISATTVA, MAHASATTVAS.

- Nhất tâm đảnh lễ Bảo Vương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Ma Ha Tát.

◤一心◤頂禮◤寶王菩薩,藥王菩薩,藥上菩薩摩◤訶薩
yì xīn dǐng lǐ bǎo wáng pú sà yào wáng pú sà yào shàng pú sà mó hē sà

WITH ONE MIND I BOW TO FLOWER-ADORNMENT BODHISATTVA, GREAT ADORNMENT BODHISATTVA, AND TREASURE OF JEWELS BODHISATTVA, MAHASATTVAS

- Nhất tâm đảnh lễ Hoa Nghiêm Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Ma Ha Tát.

◤一心◤頂禮◤華嚴菩薩,大莊 嚴菩薩,寶藏菩薩摩◤訶薩
yì xīn dǐng lǐ huá yán pú sà dà zhuāng yán pú sà bǎo zàng pú sà mó hē sà

WITH ONE MIND I BOW TO MERIT-TREASURY BODHISATTVA, VAJRA-TREASURY BODHISATTVA, AND EMPTY-SPACE TREASURY BODHISATTVA, MAHASATTVAS.

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Ma Ha Tát.

◤一心◤頂禮◤德藏菩薩,金剛藏菩薩,虛空藏菩薩摩◤訶薩
yì xīn dǐng lǐ dé zàng pú sà jīn gāng zàng pú sà xū kōng zàng pú sà mó hē sà

WITH ONE MIND I BOW TO MAITREYA BODHISATTVA, UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA, AND MANJUSHRI BODHISATTVA, MAHASATTVAS.

- Nhất tâm đảnh lễ Di Lặc Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát.

◤一心◤頂禮◤彌勒菩薩,普賢菩薩, 文殊師利菩薩
yì xīn dǐng lǐ mí lè pú sà pǔ xián pú sà wén shū shī lì pú sà

摩訶薩
mó hē sà

WITH ONE MIND I BOW TO ALL THE BODHISATTVAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME, MAHASATTVAS.

- Nhất tâm đảnh lễ thập phương tam thế nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát.

一心頂禮十方三世一切菩薩摩訶薩
yì xīn dǐng lǐ shí fāng sān shì yí qiè pú sà mó hē sà

WITH ONE MIND I BOW TO MAHAKASHYAPA AND THE IMMEASURABLE, INNUMBERABLE GREAT SOUND-HEARER SANGHA. *(stand and half bow)*

- Nhất tâm đảnh lễ Ma Ha Ca Diếp vô lượng vô số Đại Thanh Văn Tăng. (lạy, xá)

一心頂禮摩訶迦葉, 無量無數大聲聞僧
yì xīn dǐng lǐ mó hē jiā shè wú liàng wú shù dà shēng wén sēng

(stand and half bow) (lạy, xá) (拜起, 問訊)

WITH ONE MIND I BOW TO THE VENERABLE ONE OF SI MING MOUNTAIN, EXPOUNDER OF THE TIAN TAI TEACHING AND CONTEMPLATIONS, GREAT MASTER FA ZHI

- Nhất tâm đảnh lễ Xiển Thiên Thai Giáo Quán Tứ Minh Tôn Giả Pháp Trí Đại Sư. (lạy, xá)

一心頂禮闡天台教觀四明尊者法智大師
yì xīn dǐng lǐ chǎn tiān tái jiào guān sì míng zūn zhě fǎ zhì dà shī

(stand and half bow) (lạy, xá) (拜起, 問訊)

WITH ONE MIND, ON BEHALF OF THE GOOD GODS ZHA FAN MO AND QU PO QIE.

- Nhất tâm đại vị Thiện Tra Phạm Ma Cù Bà Dà Thiện Tử,

一心代為善吒梵摩瞿婆伽天子,
yì xīn dài wéi shàn zhà fàn mó qú pó qié tiān zǐ

THE FOUR WORLD-PROTECTING KINGS, THE GODS, DRAGONS, AND THE REST OF THE EIGHT DIVISIONS, THE GODDESS PURE EYES,

- hộ thế tứ vương thiên long bát bộ đồng mục thiên nữ

護世四王, 天龍八部, 童目天女
hù shì sì wáng tiān lóng bā bù tóng mù tiān n

THE SPIRITS OF EMPTY SPACE, THE SPIRITS OF RIVERS AND OCEANS, THE SPIRITS OF FOUNTAINS AND SPRINGS, THE SPIRITS OF STREAMS AND POOLS.

- Hư không thần, giang hải thần, tuyền nguyên thần, hà chiểu thần

虛空神, 江海神, 泉源神, 河沼神.
xū kōng shén jiāng hǎi shén quán yuán shén hé zhǎo shén

THE SPIRITS OF HERBS, GRASSES, AND WOODS, THE HOUSEHOLD SPIRITS, THE WATER SPIRITS, THE FIRE SPIRITS,

- Dược thảo thụ lâm thần xá trạch thần, thủy thần, hoả thần

藥 草 樹 林 神, 舍 宅 神, 水 神, 火 神

yào cǎo shù lín shén shè zhái shén shuǐ shén huǒ shén

THE WIND SPIRITS, THE EARTH SPIRITS, THE MOUNTAIN SPIRITS, THE GROUND SPIRITS, THE PALACE SPIRITS, AND OTHERS.

- phong thần, thổ thần, sơn thần, địa thần cung điện thần đẳng

風 神, 土 神, 山 神, 地 神, 宮 殿 神 等

fēng shén tǔ shén, shān shén, dì shén, gōng diàn shén děng

ALL THE GODS, DRAGONS, GHOSTS, AND SPIRITS WHO PROPECT THOSE WHO HOLD MANTRAS, EACH WITH HIS OR HER RETINUE: ON THEIR BEHALF I BOW TO THE TRIPLE JEWEL. *(bow, stand, and half bow)*

- cập thủ hộ trì chú nhất thiết thiên long quỷ thần, các cập quyến thuộc đảnh lễ Tam Bảo. (lạy, đứng dậy, & xá)

及 守 護 持 咒 一 切 天 龍 鬼 神, 各 及 眷 屬, 頂 禮 三 寶

jí shǒu hù chí zhòu yí qiè tiān lóng guǐ shén gè jí juàn shǔ dǐng lǐ sān bǎo

(一拜起, 立,問訊)

All kneel. The leader says: Chúng quỳ. Sư Duy Na xướng: (眾跪,维那師云)

THE SUTRA SAYS, " IF THERE ARE BHIKSHUS, BHIKSHUNIS, UPASAKAS, UPASIKAS, YOUNG MEN, OR YOUNG WOMEN WHO WISH TO RECITE AND BEAR IN MIND THIS MANTRA AND TO BRING FORTH A HEART OF KINDNESS AND COMPASSION FOR ALL LIVING BEINGS, THEY SHOULD FIRST FOLLOW ME IN MAKING THESE VOWS":

- Kinh vân: Nhược hữu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, ưu bà tắc, ưu bà di, đồng nam đồng nữ, dục tụng trì giả, ư chư chúng sanh khởi từ bi tâm, tiên đang tùng ngã, phát như thị nguyện.

經 云: 若 有 比 丘、比 丘 尼, 優 婆 塞、優 婆 夷,

jīng yún : ruò yǒu bǐ qiū bǐ qiū ní yōu pó sài yōu pó yí

童 男、童 女, 欲 誦 持 者, 於 諸 衆 生 起 慈

tóng nán tóng n yù sòng chí zhě yú zhū zhòng shēng qǐ cí

悲 心, 先 當 從 我, 發 如 是 願.

bēi xīn xiān dāng cóng wǒ fā rú shì yuàn

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN. I VOW THAT I WILL QUICKLY KNOW ALL DHARMA.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tốc trí nhất thiết pháp.

南 無 大 悲 觀 世 音, 願 我 速 知 一 切 法,

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ sù zhī yí qiè fǎ

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL SOON OBTAIN THE WISDOM EYE.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đắc trí huệ nhãn.

南 無 大 悲 觀 世 音, 願 我 早 得 智 慧 眼.

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ zǎo dé zhì huì yǎn

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL QUICKLY CROSS ALL LIVING BEINGS OVER.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tốc độ nhất thiết chúng.

南無大悲觀世音,願我速度一切眾

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ sù dù yí qiè zhòng

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL SOON OBTAIN GOOD SKILL IN MEANS.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đắc thiện phương tiện.

南無大悲觀世音,願我早得善方便

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ zǎo dé shàn fāng biàn

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL QUICKLY BOARD THE PRAJNA BOAT.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tốc thừa bát nhã thuyền.

南無大悲觀世音,願我速承般若船

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ sù chéng bō rě chuán

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL SOON CROSS OVER THE SEA OF SUFFERING.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đắc việt khổ hải.

南無大悲觀世音,願我早得越苦海

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ zǎo dé yuè kǔ hǎi

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL QUICKLY ATTAIN PRECEPTS, SAMADHI, AND THE WAY.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tốc đắc giới định đạo.

南無大悲觀世音,願我速得戒定道

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ sù dé jiè dìng dào

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL SOON CLIMB NIRVANA MOUNTAIN.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đăng Niết Bàn sơn.

南無大悲觀世音,願我早登涅槃山

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ zǎo dēng niè pán shān

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL QUICKLY DWELL IN THE UNCONDITIONED.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tốc hội vô vi xá

南無大悲觀世音,願我速會無為舍

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ sù huì wú wéi shè

NA MO GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN I VOW THAT I WILL SOON UNITE WITH THE DHARMA-NATURE BODY.

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đồng pháp tánh thân.

南 無 大 悲 觀 世 音 ,願 我早 同法 性身

ná mó dà bēi guān shì yīn yuàn wǒ zǎo tóng fǎ xìng shēn

IF I FACE THE MOUNTAIN OF KNIVES, THE MOUNTAIN OF KNIVES OF ITSELF BREAKS UP.

- Ngã nhược hướng đao sơn, đao sơn tự tồi triết.

我 若 向 刀 山, 刀 山 自 摧 折

wǒ ruò xiàng dāo shān dāo shān zì cuī zhé

IF I FACE THE BOILING OIL, THE BOILING OIL OF ITSELF DRIES UP.

- Ngã nhược hướng hỏa thang, hỏa thang tự khô kiệt.

我 若 向 火 湯, 火 湯 自 枯 竭

wǒ ruò xiàng huǒ tāng huǒ tāng zì kū jié

IF I FACE THE HELLS, THE HELLS OF THEMSELVES DISAPPEAR.

- Ngã nhược hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt.

我 若 向 地 獄, 地 獄 自 消 滅

wǒ ruò xiàng dì yù dì yù zì xiāo miè

IF I FACE THE HUNGRY GHOSTS, THE HUNGRY GHOSTS BY THEMSELVES BECOME FULL.

- Ngã nhược hướng ngạ quỷ, ngạ quỷ tự bão mãn

我 若 向 餓 鬼, 餓 鬼 自 飽 滿

wǒ ruò xiàng è guǐ è guǐ zì bǎo mǎn

IF I FACE THE ASURAS, THEIR EVIL THOUGHTS BY THEMSELVES ARE TAMED.

- Ngã nhược hướng tu la, ác tâm tự điều phục.

我 若 向 修 羅, 惡 心 自 調 伏

wǒ ruò xiàng xiū luó è xīn zì tiáo fú

IF I FACE THE ANIMALS, THEY BY THEMSELVES ATTAIN GREAT WISDOM.

- Ngã nhược hướng súc sanh, tự đắc đại trí huệ.

我 若 向 畜 生, 自 得大 智 慧

wǒ ruò xiàng chù shēng, zì dé dà zhì huì

NA MO GUAN SHI YIN BODHISATTVA *(recite 10x)*

- Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (10x)

南 無 觀 世 音 菩 薩 (十 聲)

ná mó guān shì yīn pú sà

NA MO AMITA BUDDHA *(recite 10x, bow once, stand, and half bow)*

- Nam mô A Di Đà Phật (10x, lạy, đứng lên, xá)

南 無 阿 彌 陀 佛。 (唸十 聲, 拜下,起立,問訊)
ná mó ē mí tuó fó

GUAN SHI YIN BODHISATTVA SAID TO THE BUDDHA: "WORLD HONORED ONE,

- Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật ngôn, Thế Tôn:

觀 世 音 菩 薩 白 佛 言, 世 尊,
guān shì yīn pú sà bái fó yán shì zūn

IF ANY LIVING BEING WHO RECITES AND HOLDS THE SPIRITUAL MANTRA OF GREAT COMPASSION SHOULD FALL INTO THE THREE EVIL PATHS, I VOW NOT TO ATTAIN THE RIGHT ENLIGHTENMENT.

- "Nhược chư chúng sanh, tụng trì Đại Bi thần chú, đọa tam ác đạo giả, ngã thệ bất thành chánh giác.

若諸 眾 生, 誦 持 大 悲 神 咒, 墮 三 惡 道 者, 我 誓 不 成
ruò zhū zhòng shēng sòng chí dà bēi shén zhòu duò sān è dào zhě wǒ shì bù chéng
正 覺
zhèng jué

IF ANY LIVING BEING WHO RECITES AND HOLDS THIS SPIRITUAL MANTRA OF GREAT COMPASSION SHOULD NOT BE REBORN IN ANY BUDDHALAND, I VOW NOT TO ATTAIN THE RIGHT ENLIGHTENMENT

- Tụng trì Đại Bi thần chú, nhược bất sanh chư Phật quốc giả, ngã thệ bất thành chánh giác

誦 持 大 悲 神 咒, 若 不 生 諸 佛 國 者, 我 誓 不 成 正 覺
sòng chí dà bēi shén zhòu ruò bù shēng zhū fó guó zhě wǒ shì bù chéng zhèng jué

IF ANY LIVING BEING WHO RECITES AND HOLDS THE SPIRITUAL MANTRA OF GREAT COMPASSION SHOULD NOT ATTAIN IMMEASURABLE SAMADHIS AND ELOQUENCE, I VOW NOT TO ATTAIN THE RIGHT ENLIGHTENMENT.

- Tụng trì Đại Bi thần chú, nhược bất đắc vô lượng tam muội biện tài giả, ngã thệ bất thành chánh giác.

誦 持 大 悲 神 咒, 若 不 得 無 量 三 昧 辯 才 者, 我 誓 不
sòng chí dà bēi shén zhòu ruò bù dé wú liàng sān mèi biàn cái zhě wǒ shì bù
成 正 覺.
chéng zhèng jué

IF ANY LIVING BEING WHO RECITES AND HOLDS THE SPIRITUAL MANTRA OF GREAT COMPASSION SHOULD NOT OBTAIN WHATEVER HE SEEKS IN THIS PRESENT LIFE,

- Tụng trì Đại Bi thần chú, ư hiện tại sanh trung, nhất thiết sở cầu, nhược bất quả toại giả.

誦 持 大 悲 神 咒, 於 現 在 生 中, 一 切 所 求, 若 不 果 遂
sòng chí dà bēi shén zhòu yú xiàn zài shēng zhōng, yí qiè suǒ qiú ruò bù guǒ suì
者,
zhě

THEN IT CANNOT BE THE DHARANI OF THE GREAT COMPASSION MIND."

- bất đắc vi Đại Bi Tâm Đà La Ni dã.

不得為大悲心陀羅尼◎也.

bù dé wéi dà bēi xīn tuó luó ní yě

HAVING SPOKEN THESE WORDS BEFORE THE ASSEMBLY, HE PUT HIS PALMS TOGETHER.

- Nãi chí thuyết thị ngữ dĩ, ư chúng hội tiền, hợp chưởng chánh trụ.

乃至說是語已,於眾會前, 合掌 正住.

nǎi zhì shuō shì yǔ yǐ yú zhòng huì qián hé zhǎng zhèng zhù

STOOD UPRIGHT, AND BROUGHT FORTH A THOUGHT OF GREAT COMPASSION FOR ALL BEINGS. HE SMILED BROADLY.

- Ư chư chúng sanh, khởi đại bi tâm, khai nhan hàm tiếu.

於諸眾生, 起大悲心, 開顏含笑,

yú zhū zhòng shēng qǐ dà bēi xīn kāi yán hán xiào

AND IN THIS WAY SPOKE THE WONDERFUL SPIRITUAL PHRASES OF THE DHARANI OF GREAT COMPASSION, PERFECT, FULL, UMIMPEDED, VAST AND GREAT. THE DHARANI RUNS LIKE THIS:

- Tức thuyết như thị Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà La Ni, Thần Diệu Chương Cú, Đà La Ni viết:

即說如是廣大圓滿無礙大悲心大陀羅◎尼,

jí shuō rú shì guǎng dà yuán mǎn wú ài dà bēi xīn dà tuó luó ní,

神妙章句, 陀羅尼曰:

shén miào zhāng jù tuó luó ní yuē:

1.南無喝囉怛那哆囉夜耶◎ **na mo he la da nuo duo la ye ye◎**	Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da
2.南無阿唎耶 **na mo e li ye**	Nam mô a rị da
3.婆盧羯帝爍缽囉耶 **po lu jie di shao bo la ye**	Bà lô yết đế thước báC ra da
4.菩提薩埵婆耶 **pu ti sa tuo po ye**	Bồ đề tát đỏa bà da
5.摩訶薩埵婆耶 **mo he sa tuo po ye**	Ma ha tát đỏa bà da
6.摩訶迦盧尼迦耶 **mo he jia lu ni jia ye**	Ma ha ca lô ni ca da
7.唵 **nan**	Án
8.薩皤囉罰曳 **sa pan la fa ye**	Tát bàn ra phạt duệ

9. 數怛那怛寫 **suo da nuo da xie**	Số đát na đát tỏa
10.南無悉吉嚂埵伊蒙阿唎耶 **na mo xi ji li tuo yi meng e li ye**	Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da
11. 婆盧吉帝室佛囉愣馱婆 **po lu ji di shi fo la leng tuo po**	Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà
12. 南無那囉謹墀 **na mo nuo la jin chi**	Nam mô na ra cẩn trì
13. 醯利摩訶皤哆沙咩 **xi li mo he pan duo sa mie**	Hê rị ma ha bàn đa sa mế
14. 薩婆阿他豆輸朋 **sa po e tuo dou shu peng**	Tát bà a tha đậu thâu bằng
15. 阿逝孕 **e shi yun**	A thệ dựng
16. 薩婆薩哆那摩婆薩多 **sa po sa duo na mo po sa duo**	Tát bà tát đa na ma bà tát đa
17. 那摩婆伽 **na mo po qie**	Na ma bà già
18. 摩罰特豆 **mo fa te dou**	Ma phạt đạt đậu
19. 怛姪他 **da zhi tuo**	Đát điệt tha
20.唵 **nan**	Án
21.阿婆盧醯 **e po lu xi**	A bà lô hê
22.盧迦帝 **lu jia di**	Lô ca đế
23. 迦羅帝 **jia la di**	Ca ra đế
24.夷醯唎 **yi xi li**	Di hê rị
25.摩訶菩提薩埵 **mo he pu ti sa tuo**	Ma ha bồ đề tát đỏa
26.薩婆薩婆 **sa po sa po**	Tát bà tát bà
27. 摩囉摩囉 **mo la mo la**	Ma ra ma ra

28. 摩醯摩醯唎馱孕 **mo xi mo xi li tuo yun**	Ma hê ma hê rị đà dựng
29.俱盧俱盧羯蒙 **ju lu ju lu jie meng**	Cu lô cu lô yết mông
30.度盧度盧罰闍耶帝 **du lu du lu fa she ye di**	Độ lô độ lô phạt xà da đế
31.摩訶罰闍耶帝 **mo he fa she ye di**	Ma ha phạt xà da đế
32. 陀囉陀囉 **tuo la tuo la**	Đà ra đà ra
33. 地唎尼 **di li ni**	Địa rị ni
34. 室佛囉耶 **shi fo la ye**	Thất phật ra da
35. 遮囉遮囉 **zhe la zhe la**	Dá ra dá ra
36. 麼麼罰摩囉 **mo mo fa mo la**	Mạ mạ phạt ma ra
37. 穆帝隸 **mu di li**	Mục đế lệ
38. 伊醯伊醯 **yi xi yi xi**	Y hê y hê
39. 室那室那 **shi nuo shi nuo**	Thất na thất na
40. 阿囉嗏佛囉舍利 **e la shen fo la she li**	A ra sâm phật ra xá lợi
41. 罰娑 罰嗏 **fa sha fa shen**	Phạt sa phạt sâm
42. 佛囉舍耶 **fo la she ye**	Phật ra xá da
43. 呼嚧呼嚧摩囉 **hu lu hu lu mo la**	Hô lô hô lô ma ra
44. 呼嚧呼嚧醯利 **hu lu hu lu xi li**	Hô lô hô lô hê rị
45.娑囉娑囉 **suo la suo la**	Ta ra ta ra
46.悉唎悉唎 **xi li xi li**	Tất rị tất rị

47. 蘇嚧蘇嚧 **su lu su lu**	Tô rô tô rô
48.菩提夜菩提夜 **pu ti ye pu ti ye**	Bồ đề dạ bồ đề dạ
49.菩馱夜菩馱夜 **pu tuo ye pu tuo ye**	Bồ đà dạ bồ đà dạ
50.彌帝利夜 **mi di li ye**	Di đế rị dạ
51.那囉謹墀 **nuo la jin chi**	Na ra cẩn trì
52.地利瑟尼那 **di li shai ni nuo**	Địa rị sắc ni na
53.婆夜摩那 **po ye mo nuo**	Ba dạ ma na
54.娑婆訶 **suo po he**	Ta bà ha
55.悉陀夜 **xi tuo ye**	Tất đà dạ
56. 娑婆訶 **suo po he**	Ta bà ha
57.摩訶悉陀夜 **mo he xi tuo ye**	Ma ha tất đà dạ
58.娑婆訶 **suo po he**	Ta bà ha
59.悉陀喻藝 **xi tuo yu yi**	Tất đà du nghệ
60.室皤囉耶 **shi pan la ye**	Thất bàn ra dạ
61.娑婆訶 **suo po he**	Ta bà ha
62.那囉謹墀 **nuo la jin chi**	Na ra cẩn trì
63.娑婆訶 **suo po he**	Ta bà ha
64.摩囉那囉 **mo la nuo la**	Ma ra na ra
65.娑婆訶 **suo po he**	Ta bà ha

66.悉囉僧阿穆佉耶
xi lu seng e mu que ye — Tất ra tăng a mục khê ra

67. 娑婆訶
suo po he — Ta bà ha

68.娑婆摩訶阿悉陀夜
suo po mo he e xi tuo ye — Ta bà ma ha a tất đà dạ

69. 娑婆訶
suo po he — Ta bà ha

70.者吉囉阿悉陀夜
zhe ji la e xi tuo ye — Giả kiết ra a tất đà dạ

71.娑婆訶
suo po he — Ta bà ha

72.波陀摩 羯悉陀夜
bo tuo mo jie xi tuo ye — Ba đà ma yết tất đà dạ

73.娑婆訶
suo po he — Ta bà ha

74.那囉謹墀皤伽囉耶
nuo la jin chi pan qie la ye — Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ

75.娑婆訶
suo po he — Ta bà ha

76.摩婆利 勝羯囉夜
mo po li sheng jie la ye — Ma bà lị thắng yết ra dạ

77. 娑婆訶
suo po he — Ta bà ha

78.南無喝囉怛 那哆囉夜耶
na mo he la da nuo duo la ye ye — Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da

79.南無阿利耶
na mo e li ye — Nam mô a rị da

80.婆嚧吉帝
po lu ji di — Bà lô kiết đế

81.爍皤囉夜
shao pan la ye — Thước bàn ra dạ

82.娑婆訶
suo po he — Ta bà ha

83. 唵
nan — Án

84.悉殿都
xi dian du — Tất điện đô

85.漫多囉
man duo la Mạn đa ra

86.跋陀耶
ba tuo ye Bạt đà dạ

87.娑婆訶
suo po he Ta bà ha

WHEN GUAN SHI YIN BODHISATTVA HAD FINISHED SPEAKING THIS MANTRA,

- Quán Thế Âm Bồ Tát thuyết thử chú dĩ

觀世音菩薩說此咒◎已,
guān shì yīn pú sà shuō cǐ zhòu yǐ

THE GREAT EARTH SHOOK IN SIX WAYS. THE HEAVENS RAINED FORTH JEWELED FLOWERS, WHICH FELL IN COLORFUL PROFUSION.

- Đại địa lục biến chấn động, thiên vũ bảo hoa, tân phân nhi hạ

大地六變 震 動,天雨寶花,繽紛而下,
dà dì liù biàn zhèn dòng tiān yǔ bǎo huā bīn fēn ér xià

ALL THE BUD DHAS OF THE TEN DIRECITONS WERE DELIGHTED.

- Thập phương chư Phật, tất giai hoan hỷ.

十方諸佛,悉皆歡喜
shí fāng zhū fó xī jiē huān xǐ

WHILE THE HEAVENLY DEMONS AND EXTERNALISTS WERE SO AFRAID THEIR HAIR STOOD ON END.

- Thiên ma ngoại đạo, khủng bố mao thụ

天魔外道,恐怖毛豎
tiān mó wài dào kǒng bù máo shù

EVERYONE IN THE ENTIRE ASSEMBLY WAS CERTIFIED TO THE FRUITION,

- Nhất thiết chúng hội, giai hoạch quả chứng,

一切眾會,皆獲果證
yí qiè zhòng huì jiē huò guǒ zhèng

SOME ATTAINING THE FRUITION OF A STREAM-ENTERER, SOME THE FRUITION OF A ONCE-RETURNER,

- Hoặc đắc Tu Đà Hoàn quả, hoặc đắc Tư Đà Hàm quả,

或得須陀 洹果,或得斯陀含果
huò dé xū tuó huán guǒ huò dé sī tuó hán guǒ

SOME THE FRUITION OF A NEVER-RETURNER, SOME THE FRUITION OF AN ARHAT,

- Hoặc đắc A Na Hàm quả, hoặc đắc A La Hán quả

或得阿那含果,或得阿羅漢果
huò dé ē nà hán guǒ huò dé ē luó hàn guǒ

OTHERS ATTAINING THE FIRST GROUND OF A BODHISATTVA, THE SECOND GROUND, THE THIRD, FOURTH, OR FIFTH GROUND.

- Hoặc đắc Nhất Địa, Nhị Địa, Tam, Tứ, Ngũ Địa,

或得一地二地,三四五地

huò dé yí dì èr dì sān sì wǔ dì

END UP TO THE TENTH GROUND. INNUMBERABLE LIVING BEINGS BROUGHT FORTH THE BODHI-MIND.

- Nãi chí Thập Địa giả, vô lượng chúng sanh, phát Bồ Đề Tâm

乃至十地者,◤無量眾生,發菩提◎心

nǎi zhì shí dì zhě wú liàng zhòng shēng fā pú tí xīn

(bow and reflect silently) (lạy và tưởng niệm) (拜下,默念想云)

I and all living beings, from beginningless time, have been constantly obstructed by the grave offenses of the three karmic actions and the six sense-faculties, not seeing any Buddhas, not knowing the essentials of escape, merely complying with birth and death and not knowing the wonderful principle. Now, although I know, I continue, along with all other living beings, to be obstructed by all kinds of grave offenses. Now, before Guan Yin and the Buddhas of the ten directions, for the sake of all living beings everywhere, I return my life in repentance and reform, praying that there will be protection, and that offenses will be caused to be eradicated.

Ngã cập chúng sanh, vô thỉ thường vi tam nghiệp lục căn, trọng tội sở chướng, bất kiến chư Phật, bất tri xuất yếu, đãn thuận sanh tử, bất tri diệu lý. Ngã kim tuy tri, do dữ chúng sanh, đồng vi nhất thiết trọng tội sở chướng. Kim đối Quán Âm, thập phương Phật tiền, phổ vị chúng sanh, quy mạng sám hối, duy nguyện gia hộ, linh chướng tiêu diệt

我及眾生無始常為三業六根,重罪所障,不見諸佛不知出要,但順生死,不知妙理,我今雖知,猶與眾生,同為一切重罪所障,今對觀音,十方佛前,普為眾生,皈命懺悔,◤唯願加護,◤今障消滅.

(*stand with joined palms and say*:) (Niệm xong, đứng lên chắp tay niệm) (念已起立,合長唱云)

EVERYWHERE, FOR THE SAKE OF THE FOUR SUPERIORS, FOR ALL IN THE TRIPLE WORLD, FOR LIVING BEINGS OF THE DHARMA REALM.

- Phổ vị tứ ân tam hữu, pháp giới chúng sanh

◤普為四恩三◎有,法界眾生,

pǔ wèi sì ēn sān yǒu fǎ jiè zhòng shēng

I VOW THAT ALL CUT OFF THE THREE OBSTRUCTIONS, AS I RETURN MY LIFE IN REPENTANCE AND REFORM.

- Tất nguyện đoạn trừ tam chướng, quy mạng sám hối.

悉願斷除三障,◤歸命懺◎悔

xī yuàn duàn chú sān zhàng guī mìng chàn huǐ

(bow and reflect silently :) (lạy và tưởng niệm) (唱已,五 體 投 地, 心復念 云)

Along with living beings, from beginningless time until the present, because of love and views, I scheme for myself within, and consort with bad friends outside. I do not rejoice compliantly in even a hair's breath of the good of others, but with the three karmic actions commit all manner of offenses on a wide scale. Although what I do is not a very great matter in itself, my evil mind pervades everything. It continues day and night without cease, covering up its transgressions, errors, and mistakes, not wanting people to know, not fearing evil ways, not ashamed, without remorse, denying cause and effect.

Therefore, on this day, I have come to believe deeply in cause and effect. I give birth to deep shame and great fear and repent. I cut off that incessant mind, bring forth the Bodhi-mind, cut off evil and cultivate good, go diligently forward in the three karmic actions, reform all my past errors, and rejoice compliantly in the slightest hair's breath of the good of sages and ordinary people. I recollect the Buddhas of the ten directions, who have great blessings and wisdom which can rescue me and pull me, along with all other living beings, out of the sea of the two deaths, and can bring me straight to the shore of the three virtues. From beginningless time onward, I have not known that all dharmas are in their fundamental nature empty and still, and I have committed all manner of evil on a wide scale.Knowing now that all dharmas are empty and still, for the sake of seeking Bodhi and for the sake of living beings, I completely cut off every evil, and cultivate all good on a wide scale. I only pray that Guan Yin will compassionately gather it in and receive it.

Ngã dữ chúng sanh, vô thủy lai kim, do ái kiến cố, nội kế ngã nhân, ngoại gia ác hữu, bất tùy hỉ tha, nhất hào chi thiện. Duy biến tam nghiệp, quảng tạo chúng tội, sự tuy bất quảng, ác tâm biến bố, trú dạ tương tục, vô hữu gián đọan, phúc hủy quá thất, bất dục nhân tri, bất úy ác đạo, vô tàm vô quý, bát vô nhân quả. Cố ư kim nhật, thâm tín nhân quả, sanh trọng tàm quý, sanh đại bố úy, phát lộ sám hối, đoạn tương tục tâm, phát bồ đề tâm, đoạn ác tu thiện, cần sách tam nghiệp, phiên tích trọng quá, tuỳ hỷ phàm thánh, nhất hào chi thiện, niệm thập phương Phật, hữu đại phước huệ, năng cứu bạt ngã cập chư chúng sanh, tòng nhị tử hải, trí tam đức ngạn. Tòng vô thủy lai, bất tri chư pháp, bổn tánh không tịch, quảng tạo chúng ác. Kim tri không tịch, vị cầu bồ đề, vị chúng sanh cố, quảng tu chư thiện, biến đoạn chúng ác.
Duy nguyện Quán Âm, từ bi nhiếp thọ.

我 與 眾 生, 無 始 來 今, 由 愛 見 故, 內 計 我 人, 外 加 惡 友, 不 隨 喜 他, 一 毫 之 善.唯 徧 三 業, 廣 造 眾 罪, 事 雖 不 廣, 惡 心 徧 布. 晝 夜 相 續, 無 有 間 斷. 覆 諱 過 失, 不 欲 人 知. 不 畏 惡 道, 無 慚 無 愧, 撥 無 因 果. 故 於 今 日, 深 信 因 果. 生 重 慚 愧, 生 大 怖 畏, 發 露 懺 悔. 斷 相 續 心, 發 菩 提 心, 斷 惡 修 善. 勤 策 三 業, 翻 昔 重 過, 隨 喜 凡 聖, 一 毫 之 善. 念 十 方 佛, 有 大 福 慧, 能 救 拔 我 及 諸 眾 生; 從 二 死 海, 置 三 德 岸. 從 無 始 來, 不 知 諸 法, 本 性

空寂,廣造眾惡.今知空寂,為求菩提,為眾生故,廣修諸善,
徧斷眾惡.唯願觀音慈悲攝 受.

(*All kneel*) (Quán tưởng xong, đồng quỳ niệm) (觀已, 眾跪唱云:)

WITH THE UTMOST SINCERITY OF MIND, I DISCIPLE (____), REPENT.THIS VERY MIND, SHARED BY ALL LIVING BEINGS OF THE DHARMA REALM, IS FUNDAMENTALLY COMPLETE WITH THE THOUSAND DHARMAS.

- Chí tâm sám hối, đệ tử (__) đẳng, dữ pháp giới nhất thiết chúng sanh, hiện tiền nhất tâm, bổn cụ thiên pháp.

至心懺悔,弟子(某甲)等, 與法界一切眾生,

zhì xīn chàn huǐ dì zǐ (mǒu jiǎ) děng yǔ fǎ jiè yí qiè zhòng shēng

現前一心,本具千法,

xiàn qián yì xīn běn jù qiān fǎ

IT HAS IN FULL ALL SPIRITUAL STRENGTH AND THE USE OF BRIGHT WISDOM.

- Giai hữu thần lực, cập dĩ trí minh,

皆有神力,及以智明,

jiē yǒu shén lì jí yǐ zhì míng

ABOVE, IT EQUALS THE BUDDHA-MIND; BELOW, IT IS IDENTICAL TO ALL THAT LIVES.

- Thượng đẳng Phật tâm, hạ đồng hàm thức.

上 等佛心,下同含識,

shàng děng fó xīn xià tóng hán shì

BEGINNINGLESS DARK MOVEMENT BLOCKS THIS STILL BRIGHTNESS.

- Vô thủy ám động, chướng thử tĩnh minh,

無始闇動,障此靜明,

wú shǐ àn dòng zhàng cǐ jìng míng

CONTACT WITH THINGS DIMS AND CONFUSES IT, AND THOUGHTS ARISE AND BIND IT IN ATTACHMENTS.

- Xúc sự hôn mê, cử tâm phược trước,

觸事昏迷,舉心縛著,

chù shì hūn mí jǔ xīn fú zháo

IN THE MIDST OF THE SAMENESS OF DHARMAS ARISE THE NOTIONS OF SELF AND OTHER.

- Bình đẳng pháp trung, khởi tự tha tưởng,

平等法中, 起自他想,

píng děng fá zhōng qǐ zì tā xiǎng

IN ALL EXISTENCE, LOVE AND VIEWS ARE THE BASIS AND THE BODY AND MOUTH ARE THE CONDITIONS: WITH THEM NO OFFENSE IS NOT CREATED.

- Ái kiến vi bổn, thân khẩu vi duyên, ư chư hữu trung, vô tội bất tạo.

愛見為本,身口為緣,於諸有中, 無罪不造
ài jiàn wéi běn shēn kǒu wéi yuán yú zhū yǒu zhōng wú zuì bú zào

THE TEN EVILS, THE FIVE REBELLIOUS OFFENSES, SLANDERING DHARMA, SLANDERING PEOPLE.

- Thập ác ngũ nghịch, báng pháp báng nhân,

十惡五逆,謗法謗人,
shí è wǔ nì bàng fǎ bàng rén

BREAKING THE PRECEPTS, BREAKING THE RULES OF PURE EATING, DESTROYING STUPAS, RUINING TEMPLES,

- Phá giới phá trai, hủy tháp hoại tự

破戒破齋,毀塔壞寺,
pò jiè pò zhāi huǐ tǎ huài sì

STEALING FROM THE SANGHA, DEFILING THE CONDUCT OF THE PURE,

- Thâu tăng kỳ vật, ô tịnh phạm hạnh

偷僧祇物,污淨梵行,
tōu sēng qí wù wū jìng fàn hèng

DESTROYING PROPERTY OF THE SANGHA, EATING AND DRINKING THE SANGHA'S FOOD

- Xâm tổn thường trụ, ẩm thực tài vật,

侵損常住,飲食財物,
qīn sǔn cháng zhù yǐn shí cái wù

AND FALLING TO KNOW REPENTANCE THOUGH A THOUSAND BUDDHAS APPEAR IN THE WORLD- -

- Thiên Phật xuất thế, bất thông sám hối

千佛出世,不通懺悔,
qiān fó chū shì bù tōng chàn huǐ

OFFENSES SUCH AS THESE ARE MEASURELESS AND BOUNDLESS;

- Như thị đẳng tội, vô lượng vô biên,

如是等罪,無量無邊,
rú shì děng zuì wú liàng wú biān

WHEN THIS BODY IS CAST ASIDE, IT IS FITTING THAT I FALL INTO THE THREE PATHS OF REBIRTH AND THERE BE ENTANGLED IN A MYRIAD OF ILLS.

- Xả tư hình mạng, hợp đọa tam đồ, bị anh vạn khổ,

捨茲形命,合墮三途,備嬰萬苦,
shě zī xíng mìng hé duò sān tú bèi yīng wàn kǔ

MOREOVER, IN THIS PRESENT LIFE, BECAUSE A SWARM OF TROUBLES EMBROILS ME, FOUL ILLNESSES WHICH BIND ME UP,

- Phục ư hiện thế, chúng não giao tiên, hoặc ác tật oanh triền,

復於現世,眾惱交煎,或惡疾縈纏,

fù yú xiàn shì zhòng nǎo jiāo jiān huò è jí yíng chán

AND OPRESSIVE CONDITIONS BROUGHT ABOUT BY OTHERS, I AM OBSTRUCTED IN THE DHARMAS OF THE PATH, AND DO NOT BECOME WELLSEASONED IN MY CULTIVATION. NOW, HAVING MET *(bow)*

- Tha duyên bức bách, chướng ư đạo pháp, bất đắc huân tu, Kim ngộ (lạy)

他緣逼迫,障於道法,不得熏修.今遇

tā yuán bī pò zhàng yú dào fǎ bù dé xùn xiū jīn yù

THE PERFECT SPIRITUAL MANTRA OF GREAT COMPASSION, I AM ABLE TO QUICKLY WIPE OUT THE OBSTACLES OF OFFENSES LIKE THESE.*(rise,remain kneeling)*

- Đại bi viên mãn thần chú, tốc năng diệt trừ, như thị tội chướng, (quỳ)

◎大悲圓滿神咒,速能滅除,如是罪障,(起; 持跪)

dà bēi yuán mǎn shén zhòu sù néng miè chú rú shì zuì zhàng

THEREFORE, ON THIS DAY, WITH UTTER SINCERITY, I RECITE AND HOLD THIS MANTRA AND RETURN *(bow)*

- Cố ư kim nhật, chí tâm tụng trì, quy hướng (lạy)

故於今日,至心誦持,歸向(拜)

gù yú jīn rì zhì xīn sòng chí guī xiàng

TO GUAN SHI YIN BODHISATTVA AND TO ALL THE GREAT MASTERS OF THE TEN DIRECTIONS *(rise,remain kneeling)*

- Quán Thế Âm Bồ Tát, cập thập phương đại sư (quỳ)

◎觀世音菩薩,及十方大師,(起; 持跪)

guān shì yīn pú sà jí shí fāng dà shī

I BRING FORTH THE BODHI-MIND AND CULTIVATE THE PRACTICE OF TRUE WORDS.

- Phát Bồ Đề tâm, tu chân ngôn hành

發菩提心,修真言行,

fā pú tí xīn xiū zhēn yán hèng

TOGETHER WITH ALL LIVING BEINGS I CONFESS MY MANY OFFENSES AND SEEK REPENTANCE SO THAT THEY WILL BE EXTINGUISHED AT LAST. I ONLY WISH. *(bow)*

- Dữ chư chúng sanh, phát lồ chúng tội, cầu khất sám hối, tất cánh tiêu trừ.
  Duy nguyện (lạy)

與諸眾生,發露眾罪,求乞懺悔,畢竟消除.唯願(拜)

yǔ zhū zhòng shēng fā lòu zhòng zuì qiú qǐ chàn huǐ bì jìng xiāo chú wéi yuàn

THAT THE GREATLY COMPASSIONATE GUAN SHI YIN BODHISATTVA, MAHASATTVA, WILL PROTECT AND UPHOLD US WITH HIS THOUSAND HANDS. *(rise,remain kneeling)*

- Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, thiên thủ hộ trì

◎大悲觀世音菩薩摩訶薩,千手護持,(起; 持跪)

dà bēi guān shì yīn pú sà mó hē sà qiān shǒu hù chí

AND THAT WITH HIS THOUSAND EYES HE WILL ILLUMINE US AND LOOK UPON US AND CAUSE OUR INNER AND OUTER CONDITIONS OF OBSTRUCTION TO BECOME STILL AND EXTINGUISHED.

- Thiên nhãn chiếu kiến, lịnh ngã đẳng nội ngoại chướng duyên tịch diệt

千 眼 照 見, 令 我 等 內 外 障 緣 寂 滅,

qiān yǎn zhào jiàn lìng wǒ děng nèi wài zhàng yuán jí miè

I VOW THAT MY PRACTICE AND THE PRACTICE OF OTHERS WILL BE COMPLETE IN ACCOMPLISHMENT. I VOW TO OPEN THE KNOWLEDGE OF MY ORIGINAL SEEING AND TO HAVE CONTROL OVER DEMONS AND EXTERNALIST PATHS.

- Tự tha hạnh nguyện viên thành, khai bổn kiến tri, chế chư ma ngoại

自他 行 願 圓 成. 開 本 見 知, 制 諸 魔 外.

zì tā hèng yuàn yuán chéng kāi běn jiàn zhī zhì zhū mó wài

I VOW TO BE VIGOROUS IN THE THREE KARMIC ACTIONS AND TO CULTIVATE THE PURE LAND CAUSE, SO THAT WHEN THIS BODY IS CAST ASIDE I WILL HAVE NO OTHER DESTINY BUT TO ATTAIN REBIRTH *(bow)*

- Tam nghiệp tinh tiến, tu tịnh độ nhân, chí xả thử thân, canh vô tha thú, quyết định đắc sanh. (lạy)

三業精進,修淨土因,至捨此身,更無他趣,決定得生,(拜)

sān yè jīng jìn xiū jìng dù yīn zhì shě cǐ shēn gèng wú tā qù jué dìng dé shēng

IN AMITA BUDDHA'S LAND OF ULTIMATE BLISS, AND DRAW NEAR TO, SERVER, AND MAKE OFFERINGS TO THE GREATLY COMPASSIONATE GUAN YIN *(rise,remain kneeling)*

- A Di Đà Phật, Cực Lạc Thế Giới, thân thừa cúng dường. Đại Bi Quán Âm (quỳ)

◎阿彌陀佛極樂世界,親承供養, 大悲觀音, (起; 持跪)

ē mí tuó fó jí lè shì jiè qīn chéng gong yang dà bēi guān yīn

I VOW TO BE COMPLETE IN ALL THE DHARANIS AND ON A WIDE SCALE TO CROSS OVER THE MANY CLASSES OF BEINGS SO THAT THEY ALL ESCAPE THE WHEEL OF SUFFERING AND REACH THE GROUND OF WISDOM TOGETHER. NOW THAT THE VOWS OF REPENTANCE ARE MADE, I RETURN MY LIFE IN WORSHIP TO THE TRIPLE JEWEL. *(bow and then stand)*

- Cụ chư tổng trì, quảng độ quần phẩm, giai xuất khổ luân, đồng đáo trí địa. Sám hối phát nguyện dĩ, quy mạng lễ Tam Bảo. (lạy, xá)

具諸總持, 廣度群品,皆出苦輪.同到智◎地.懺悔

jù zhū zǒng chí guǎng dù qún pǐn jiē chū kǔ lún tóng dào zhì dì chàn huì

發願已,歸命禮三◎寶. (拜起 立,問訊)◎

fā yuàn yǐ guī mìng lǐ sān bǎo

(for each name, each side of the Assembly bows once while the other side recites)

(đại chúng phân làm hai bên, thay phiên niệm , bái) (兩邊輪流一唱一拜)

NA MO THE BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS. NA MO THE DHARMA OF THE TEN DIRECTIONS. NA MO THE SANGHA OF THE TEN DIRECTIONS.

- Nam mô Thập Phương Phật. Nam mô Thập Phương Pháp. Nam mô Thập Phương Tăng

南無十方佛. 南無十方法. 南無十方僧.

ná mó shí fāng fó ná mó shí fāng fǎ ná mó shí fāng sēng

NA MO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA

▸ Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (lạy)

南無本師釋迦牟尼佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

NA MO AMITABHA BUDDHA. NA MO KING OF A THOUSAND LIGHTS BUDDHA WHO ABIDES IN STILLNESS.

▸ Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Phật. (lạy)

南無阿彌陀佛. 南無千光王靜住佛

ná mó ē mí tuó fó ná mó qiān guāng wáng jìng zhù fó

NA MO THE GREAT DHARANI OF THE GREATLY COMPASSIONATE MIND, PERFECT, FULL, UNIMPEDED, VAST, AND GREAT

▸ Nam mô Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà La Ni (lạy)

南無廣大圓滿無礙大悲心大陀羅尼

ná mó guǎng dà yuán mǎn wú ài dà bēi xīn dà tuó luó ní

NA MO GUAN SHI YIN BODHISATTVA OF THE THOUSAND HANDS AND THOUSAND EYES.

▸ Nam mô Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát (lạy)

南無千手千眼觀世音菩薩

ná mó qiān shǒu qiān yǎn guān shì yīn pú sà

NA MO BODHISATTVA WHO HAS ATTAINED GREAT STRENGTH.

▸ Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (lạy)

南無大勢至菩薩

ná mó dà shì zhì pú sà

NA MO DHARANI KING BODHISATTVA

▸ Nam mô Tổng Trì Vương Bồ Tát

南無總持王菩薩

ná mó zǒng chí wáng pú sà

TO THE BUDDHA, I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS UNDERSTAND THE GREAT WAY PROFOUNDLY, AND BRING FORTH THE BODHI-MIND

(bow)

▼ Tự Quy Y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (lạy)

自皈依佛, 當願眾生, 體解大道, 發無上心.

zì guī yī fó dāng yuàn zhòng shēng tǐ jiě dà dào fā wú shàng xīn

TO THE DHARMA, I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS DEEPLY ENTER THE SUTRA TREASURY AND HAVE WISDOM LIKE THE SEA. *(bow)*

▼ Tự Quy Y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải (lạy)

自皈衣法,當願 眾 生, 深入經藏,智慧如海.

zì guī yī fǎ dāng yuàn zhòng shēng shēn rù jīng zàng zhì huì rú hǎi

TO THE SANGHA, I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS, FORM TOGETHER A GREAT ASSEMBLY, ONE AND ALL IN HARMONY

▼Tự Quy Y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

自皈衣僧, 當願 眾 生, 統理大眾, 一切無礙

zì guī yī sēng dāng yuàn zhōng shēng tǒng lǐ dà zhòng yí qiè wú ài

HE NAN SHENG ZHONG *(on the word "sheng" the entire Assembly stands, and half-bows)*

▸ Hòa Nam Thánh Chúng!

和南聖眾 (誦 至聖字, 拜者起立, 與大眾一起拜下, 再起立,問訊)

hé nán shèng zhòng !

NA MO GUAN SHI YIN BODHISATTVA OF GREAT COMPASSION

▸ Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3x)

南無大悲觀世音菩薩 (三稱)

ná mó dà bēi guān shì yīn pú sà

VERSE FOR TRANSFERING THE MERIT FROM BOWING REPENTANCE

Lễ Sám Công Đức Hồi Hướng

禮懺功德回向

lǐ chàn gōng dé huí xiàng

I DEDICATE THE MERIT AND VIRTUE FROM THE PROFOUND ACT OF BOWING REPENTANCE.

▸ Lễ sám công đức thù thắng hạnh

禮懺 功德殊勝 行

lǐ chàn gōng dé shū shèng hèng

WITH ALL ITS SUPERIOR, LIMITLESS BLESSINGS,

▸ Vô biên thắng phước giai hồi hướng,

無邊勝福皆回向

wú biān shēng fú jiē huí xiàng

WITH THE UNIVERSAL VOW THAT ALL BEINGS SUNK IN DEFILEMENT,

▸ Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh,

普願沉溺諸眾生

pǔ yuàn chén nì zhū zhòng shēng

WILL QUICKLY GO TO THE LAND OF THE BUDDHA OF LIMITLESS LIGHT (AMITABHA).

- Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát

速往無量光佛刹

sù wǎng wú liàng guāng fó chà.

ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME

- Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết Phật

十方三世一切佛◎

shí fāng sān shì yí qiè fó

ALL BODHISATTVAS, MAHASATTVAS. MAHA PRAJNA PARAMITA!

- Nhất Thiết Bồ Tát Ma Ha Tát. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật!

一切菩薩摩訶薩。◎摩訶般若波羅蜜。

yí qiè pú sà mó hē sà mó hē bō rě bō luó mì

VOW TO BE REBORN IN THE WEST

Tịnh Độ Văn

淨土文 jìng dù wén

WITH ONE MIND I RETURN MY LIFE TO AMITABHA BUDDHA WHO IS IN THE LAND OF ULTIMATE BLISS.

- Nhất tâm quy mạng, Cực lạc thế giới, A Di Đà Phật

一心皈命,極樂世界,阿彌陀佛

yī xīn guī mìng jí lè shì jiè ē mí tuó fó

WISHING HIS PURE LIGHT ILLUMINES ME AHD HIS KIND VOWS GATHER ME IN.

- Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã.

願以淨光照我, 慈誓攝我

yuàn yǐ jìng guāng zhào wǒ cǐ shì shè wǒ

NOW, WITH PROPER MINDFULLNESS, I PRAISE THE THUS COME ONE'S NAME.

- Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh,

我今正念, 稱如來名,

wǒ jīn zhèng niàn chēng rú lái míng

IN ORDER TO TAKE THE PATH OF BODHI AND TO SEEK REBIRTH IN THE PURE LAND.

- Vị bồ đề đạo, cầu sanh tịnh độ.

為菩提道, 求生淨土.

wèi pú tí dào qiú shēng jìng dù

IN THE PAST, THE BUDDHA VOWED:" IF LIVING BEINGS WHO WISH FOR REBIRTH IN MY LAND,

- Phật tích bổn thệ, nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc,

佛昔本誓, 若有眾生, 欲生我國,

fó xí běn shì ruò yǒu zhòng shēng yù shēng wǒ guó

AND WHO RESOLVE THEIR MINDS WITH FAITH AND JOY EVEN FOR JUST TEN RECITATIONS, ARE NOT REBORN THERE,

- Chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả,

志心信樂, 乃至十念, 若不生者,

zhì niàn xìn lè nǎi zhì shí niàn ruò bù shēng zhě

I WILL NOT ATTAIN THE PROPER ENLIGHTENMENT."

- bất thủ Chánh giác.

不取正覺.

bù qǔ zhèng jué

THROUGH MINDFULLNESS OF THE BUDDHA, I ENTER THE SEA OF THE THUS COME ONE'S GREAT VOWS,

- Dĩ thử niệm Phật nhân duyên, đắc nhập Như Lai, đại thệ hải trung,

以此念佛因緣, 得入如來, 大誓海中.

yǐ cǐ niàn fó yīn yuán dé rù rú lái dà shì hǎi zhōng

AND RECITE THE POWER OF THE BUDDHA'S KINDNESS. MY MULTITUDE OF OFFENSES IS ERADICATED AND MY GOOD ROOTS INCREASE AND GROW.

- thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng.

承 佛 慈 力, 衆 罪 消 滅, 善 根 增 長.

chéng fó cí lì zhòng zuì xiāo miè shàn gēn zēng zhǎng

AS I APPROACH THE END OF LIFE, I MYSELF WILL KNOW THE TIME OF ITS COMING. MY BODY WILL BE FREE OF ILLNESS AND PAIN.

- Nhược lâm mạng chung, dự tri thời chí, thân vô bịnh khổ,

若 臨 命 終, 自 知 時 至, 身 無 病 苦.

ruò lín mìng zhōng zì zhī shí zhì shēn wú bìng kǔ

MY HEART WILL HAVE NO GREED OR FONDNESS, AND MY THOUGHT WILL NOT BE UPSIDE DOWN, JUST AS IN ENTERING CHAN SAMADHI.

- tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập thiền định.

心 不 貪 戀, 意 不 顛 到, 如 入 禪 定.

xīn bù tān liàn yì bù diān dǎo rú rù chán ding

THE BUDDHA AND THE ASSEMBLY OF SAGES, LEADING ME BY THE HAND TO THE GOLDEN DIAS, WILL COME TO WELCOME ME.

- Phật cập Thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh tiếp ngã,

佛 及 聖 衆, 手 執 金 臺, 來 迎 接 我,

fó jí shèng zhòng shǒu zhí jīn tái lái yíng jiē wǒ

AND IN THE SPACE OF A THOUGHT I WILL BE REBORN IN THE LAND OF ULTIMATE BLISS.

- Ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc.

於 一 念 頃, 生 極 樂 國.

yú yì niàn qǐng shēng jí lè guó

THE FLOWER WILL OPEN, AND I WILL SEE THE BUDDHA, STRAIGHT-WAY HEAR THE BUDDHA VEHICLE,

- Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa,

花 開 見 佛, 即 聞 佛 乘,

huā kāi jiàn fó jí wén fó chèng

AND IMMEDIATELY ATTAIN THE WISDOM OF A BUDDHA. I WILL CROSS OVER LIVING BEINGS ON A WIDE SCALE, FULFILLING MY BODHI VOWS.

- đốn khai Phật huệ, quảng độ chúng sanh, mãn bồ đề nguyện.

頓 開 佛 慧, 廣 度 衆 生, 滿 菩 提 願.

dùn kāi fó huì guǎng dù zhòng shēng mǎn pú tí yuàn

ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME!

- Thập phương tam thế nhất thiết Phật.

十 方 三 世 一 切 佛!

shí fāng sān shì yí qiè fó

ALL BODHISATTVAS, MAHASATTVAS! MAHA PRAJNA PARAMITA!

- Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật!

一切 菩 薩 摩 訶 薩! 摩 訶 般 若 波 羅 蜜

yí qiè pú sà mó hē sà mó hē bō rě bō luó mì

VERSE OF TRANSFERENCE
Kệ Hồi Hướng
迴向偈
huí xiàng jì

MAY THE MERIT AND VIRTUE ACCURED FROM THIS WORK,

- Nguyện dĩ thử công đức,

  願以此功德

  yuàn yǐ cǐ gōng dé

ADORN THE BUDDHA'S PURE LANDS,

- Trang nghiêm Phật tịnh độ

  莊嚴佛淨土

  zhuāng yán fó jìng dù

REPAYING FOUR KINDS OF KINDNESS ABOVE,

- Thượng báo tứ trọng ân,

  上報四重恩

  shàng bào sì zhòng ēn

AND AIDING THOSE SUFFERING IN THE PATHS BELOW.

- Hạ tế tam đồ khổ

  下濟三塗苦

  xià jì sān tú kǔ

MAY THOSE WHO SEE AND HEAR OF THIS

- Nhược hữu kiến văn giả.

  若有見聞者

  ruò yǒu jiàn wén zhě

ALL BRING FORTH THE RESOLVE FOR BODHI,

- Tất phát bồ đề tâm,

  悉發菩提心

  xī fā pú tí xīn

AND, WHEN THIS RETRIBUTION BODY IS OVER,

- Tận thử nhất báo thân,

  盡此一報身

  jìn cǐ yí bào shēn

BE BORN TOGETHER IN THE *LAND OF ULTIMATE BLISS.*

- Đồng sanh Cực Lạc quốc

  同生極樂國

  tóng shēng jí lè guó.

REQUEST THE DHARMA
Thỉnh Pháp
請法
qǐng fǎ

WILL THE SANGHA WITH GREAT VIRTUE OUT OF COMPASSION,

- Cung thỉnh Đại Đức Tăng thính,

恭請大德僧聽

gōng qǐng dà dé sēng tīng

FOR THE SAKE OF THIS ASSEMBLY AND ALL LIVING BEINS.

- Vi thử pháp hội cập nhất thiết chúng sanh

為此法會及一切眾生

wèi cǐ fǎ huì jí yí qiè zhòng shēng

PLEASE TURN THE WONDERFUL DHARMA WHEEL TO TEACH US.

- Thỉnh chuyển diệu pháp luân giáo đạo ngã môn
  (chúng con)

請轉妙法輪教導我們,

qǐng zhuǎn miào fǎ lún jiào dǎo wǒ mén

HOW TO LEAVE SUFFERING, AND ATTAIN BLISS AND END BIRTH AND DEATH,

- Như hà liễu sanh thoát tử ly khổ đắc lạc.
  (Làm sao)

如合了生脫死離苦得樂,

rú hé liǎo shēng tuō sǐ lí kǔ dé lè

AND QUICKLY REALIZE NON-BIRTH.

- Tốc chứng vô sanh

速證無生.

sù zhèng wú shēng

(Namo Tassa Bhaghavato Arahato Samma Sambhudassa
Homage to the Blessed, Noble, and Perfectly Enlightened One)

南無薩怛他 **na mo sa dan tuo**	Nam mô tát đát tha
蘇伽多耶 **su qie duo ye**	Tô già đà da
阿羅訶帝 **e la he di**	A ra ha đế
三藐三菩陀寫 **san miao san pu tuo xie**	Tam miệu tam bồ đà tỏa

▲ **THE THREE REFUGES** *(see page 50)*
Tam Quy Y (xem trang số 50)
三 皈 依 **sān quī yī** (見第 50 頁)

▲ **UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA'S VERSE OF EXHORTATION** *(see page 157)*
Phổ Hiền Bồ Tát Cảnh Chúng Kệ (xem trang số 157)
普 賢 菩 薩 警 衆 偈 **pǔ xián pú sà jǐng jì** (見第 157 頁)

REPENTANCE
Sám Hối
懺 悔 **chàn huǐ**

FOR ALL THE EVIL DEEDS I HAVE DONE IN THE PAST, BASED ON BEGINNINGLESS GREED, ANGER, AND DELUSION,

- Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp. Giai do vô thỉ tham sân si,

往 昔 所 造 諸 惡 業, 皆 由 無 始 貪 瞋 癡
wǎng xí suǒ zào zhū è yè jiē yóu wú shǐ tān chēn chǐ

AND CREATED BY BODY, SPEECH, AND MIND, I NOW KNOW SHAME BEFORE THE BUDDHAS, AND SEEK TO REPENT OF THEM ALL.

- Tùng thân ngữ ý chi sở sanh. Kim đối Phật tiền cầu sám hối.

從 身 語 意 之 所 生, 今 對 佛 前 求 懺 悔.
cóng shēn yǔ yì zhī suǒ shēng jīn duì fó qián qiú chàn huǐ

FOR ALL THE EVIL DEEDS I HAVE DONE IN THE PAST, BASED ON BEGINNINGLESS GREED, ANGER, AND DELUSION,

- Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp. Giai do vô thỉ tham sân si,

往 昔 所 造 諸 惡 業, 皆 由 無 始 貪 瞋 癡
wǎng xí suǒ zào zhū è yè jiē yóu wú shǐ tān chēn chī

AND CREATED BY BODY, SPEECH, AND MIND, I NOW KNOW SHAME AND REPENT OF ALL THE OBSTACLES CREATED BY MY OFFENSES.

- Tùng thân ngữ ý chi sở sanh. Nhất thiết tội chướng giai sám hối

從 身 語 意 之 所 生, 一 切 罪 障 皆 懺 悔.
cóng shēn yǔ yì zhī suǒ shēng yí qiè zuì zhàng jiē chàn huǐ

FOR ALL THE EVIL DEEDS I HAVE DONE IN THE PAST, BASED ON BEGINNINGLESS GREED, ANGER, AND DELUSION,

- Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp. Giai do vô thỉ tham sân si,

往 昔 所 造 諸 惡 業, 皆 由 無 始 貪 瞋 癡
wǎng xí suǒ zào zhū è yè jiē yóu wú shǐ tān chēn chī

AND CREATED BY BODY, SPEECH, AND MIND, I NOW KNOW SHAME AND REPENT OF THE SOURCE OF ALL OFFENSES

- Tùng thân ngữ ý chi sở sanh. Nhất thiết tội căn giai sám hối .

從身語意之所生,一切罪根皆懺悔.

cóng shēn yǔ yì zhī suǒ shēng yí qiè zuì gēn jiē chàn huǐ .

AVATAMSAKA HYMN OF FAITH

Tín

信 xìn

FAITH IS THE SOURCE OF THE WAY;
FAITH IS THE MOTHER OF MERIT AND VIRTUE.

- Tín vi đạo nguyên công đức mẫu

信為道元功德母

xìn wèi dào yuán gōng dé mǔ

AS THEY ARISE BY FAITH,
ALL WHOLESOME DHARMAS MUST BY FAITH BE NURTURED.

- Trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện pháp.

長養一切諸善法

zhǎng yǎng yí qiè zhū shàn fǎ

FAITH CUTS THE TANGLED WEB OF DOUBT,
ESCAPING LOVE'S DELUSIVE FLOW.

- Đọan trừ nghi võng xuất ái lưu.

斷除疑網出愛流

duàn chú yí wǎng chū ài liú

AND OPENS WIDE TO REVEAL THE TRUE AND UNSURPASSED NIRVANA'S ROAD.

- Khai thị Niết bàn vô thượng đạo.

開示涅槃無上道

kāi shì niè pán wú shàng dào

FAITH HAS NO STAIN OR MAR,
BRINGING THE TURBID MIND PURIFICATION,

- Tín vô cấu trọc tâm thanh tịnh

信無垢濁心清淨

xìn wú gòu zhuó xīn qīng jìng

ERADICATING PRIDE,
OF ALL RESPECT AND REVERENGE THE FOUNDATION.

- Diệt trừ kiêu mạn cung kính bổn

滅除憍慢恭敬本,

miè chú jiāo màn gōng jìng běn

WITHIN THE DHARMA TREASURE
FAITH'S JEWEL OUTSHINES THE FAIREST GOLD;

- Diệc vi Pháp tạng đệ nhất tài

亦為法藏第一財,
yì wéi fǎ zàng dì yí cái

HENCE EVERY CONDUCT OUR HANDS BY FAITH MADE PURE RECEIVE AND SURELY HOLD.

- Vi thanh tịnh thủ ái chúng hành

為清淨手愛衆行.
wéi qīng jìng shǒu ài zhòng xíng

FAITH IS THE HEALING SOURCE
BY WHICH OUR FACULTIES ARE CLEANSED AND QUICKENED.

- Tín linh chư căn tịnh minh lợi

信令諸根淨明利
xìn lìng zhū gēn jìng míng lì

NOTHING CAN TURN ITS FORCE,
THE SOLID POWER OF FAITH CANNOT BE BROKEN.

- Tín lực kiên cố vô năng hoại

信力堅固無能壞
xìn lì jiān gù wú néng huài

AND WHEN BY FAITH FOREVER
FROM ALL AFFLICTION WE DEPART,

- Tín năng vĩnh diệt phiền não bổn

信能永滅煩惱本
xìn néng yǒng miè fán nǎo běn

THE BUDDHA'S MERIT WILL THUS BECOME THE SOLE DEVOTION OF OUR HEARTS.

- Tín năng chuyên hướng Phật công đức

信能專向佛功德.
xìn néng zhuān xiàng fó gōng dé

WITH FAITH THE MIND'S UNMOVED,
FREE FROM ATTACHMENT TO CONDITIONED ARISING;

- Tín ư cảnh giới vô sở trước

信於境界無所著.
xìn yú jìng jiè wú suǒ zhù

DISASTERS FAR REMOVED,
IN THE TRANQUILITY OF FAITH ABIDING.

- Viễn ly chư nạn đắc vô nạn

遠離諸難得無難,
yuǎn lí zhū nàn dé wú nàn

THE BLISS OF FAITH VICTORIOUS!

- Tín lạc tối thắng thậm nan đắc

信樂最勝甚難得.
xìn lè zuì shèng shén nán dé

AMONG THE CONDUCTS OF ALL WORLDS,

- Tỉ như nhất thiết thế gian trung

譬如一切世間中,

pì rú yí qiè shì jiān zhōng

THIS FAITH ALONE IS THE ONE MOST RARE AND PRECIOUS WISH- FULFILLING PEARL.

- Nhi hữu tùy ý diệu bảo châu

而有隨意妙寶珠

ér yǒu suí yì miào bǎo zhū

PROFOUNDLY WE BELIEVE:
TRUSTING THE BUDDHAS AND THE BUDDHAS' DHARMA,

- Thâm tín ư Phật cập Phật pháp

深信於佛及佛法

shēn xìn yú fó jí fó fǎ

TREADING THE BODHI-PATH
FOREVER FOLLOWED BY ALL TRUE DISCIPLES.

- Diệc tín Phật tử sở hành đạo

亦信佛子所行道,

yì xìn fó zǐ suǒ xíng dào

AND TO THE GREAT ENLIGHTENMENT
OUR THOUGHTS ARE JOYFULLY INCLINED.

- Cập tín vô thượng đại bồ đề

及信無上大菩提,

jí xìn wú shàng dà pú tí

THE BODHISATTVAS WITH THIS DEEP HEART OF FAITH PRODUCE THE BODHI-MIND!

- Bồ tát dĩ thị sơ phát tâm.

菩薩以是初發心

pú sà yǐ shì chū fā xīn

THE TRIPLE JEWEL SONG

Tam Bảo Ca

三寶歌 **sān bǎo gē**

<u>FIRST VERSE:</u> Nhất kệ:

LONG THE NIGHT OF TIME WE PASS THROUGH, BEING MEN AND GODS.

- Nhân thiên trường dạ

人天長夜

rén tiān cháng yè

IN THE DARKNESS OF THIS COSMOS, WHO WILL BRING FORTH LIGHT?

- Vũ trụ thản ám, thùy khải dĩ quang minh?

宇宙黮闇, 誰啓以光明?
yǔ zhòu tán àn shuí qǐ yǐ guāng míng

WE HERE IN THE TRIPLE REALM ARE IN A BURNING HOUSE.

- Tam giới hỏa trạch,

三界火宅
sān jiè huǒ zhái

SUFFERINGS OPPRESS AND VEX US, WHO CAN BRING US PEACE?

- Chúng khổ tiên bách, thùy tế dĩ an ninh?

衆苦煎迫,誰濟以安寧?
zhòng kǔ jiān pò shuí jì yǐ ān níng

KIND AND WISE HEROIC STRENGTH:NA MO BUDDHAS ALL!

- Đại bi đại trí đại hùng lực : nam mô Phật Đà Da!

大悲大智大雄力,南無佛陀耶!
dà bēi dà zhì dà xióng lì ná mó fó tuó yé

SHINE ON ALL TEN THOUSAND THINGS AND COMFORT ALL THAT LIVES.

- Chiếu lãng vạn hữu, nhậm tịch quần sanh.

照朗萬有,衽席群生
zhào lǎng wàn yǒu rèn xí qún shēng

MERIT'S DEPTH AND VIRTUE'S SCOPE:THERE IS NO WAY TO TELL!

- Công đức mạc năng danh.

功德莫能名
gōng dé mò néng míng

SECOND VERSE: Nhị Kệ

TWO TRUTHS MESH AND ARE UPHELD AS IN A DHARANI.

- Nhị đế tổng trì

二諦總持
èr dì zǒng chí

STUDIES THREE INCREASE TO REACH THE DHARMA REALM IN SCOPE.

- Tam học tăng thượng, khôi khôi pháp giới thân

三學增上, 恢恢法界身
sān xué zēng shàng huī huī fǎ jiè shēn

WHEN AT LAST PURE VIRTUE'S FULL AND PERFECTLY COMPLETE,

- Tịnh đức ký viên

淨德既圓
jìng dé jì yuán

FILTH IS GONE, DISASTERS CEASE, NIRVANA: HOME SUPREME!

- Nhiễm hoạn tư tịch, đãng đãng Niết bàn thành

染患 斯寂,蕩蕩 涅 槃 城
rǎn huàn sī jī dàng dàng niè pán chéng

ALL IS EMPTY; FROM MIND ONLY: NA MO DHARMAS ALL!

- Chúng duyên tính không duy thức hiện:nam mô Đạt Ma Da!

衆 緣 性 空 唯識現,南無達摩耶!
zhòng yuán xìng kōng wéi shì xiàn ná mó dá mó yé

PRINCIPLES REFLECTED, AS ALL COVERINGS DISSOLVE.

- Lý vô bất chương, tế vô bất giải

理無不彰, 蔽無不解
lǐ wú bù zhāng bì wú bù jiě

BRILLIANT IS THIS UNDERSTANDING,VAST AND CLEAR INDEED!

- Hoán hô kỳ đại minh!

煥乎其大明
huàn hū qí dà míng

<u>THIRD VERSE:</u> <u>Tam kệ</u>

PURE COMPORTMENT, PRECEPTS STERN:WE ALL RELY ON RULES.

- Y tịnh luật nghi.

依淨律儀
yī jìng l yí

WONDROUS HARMONY OF UNION, MAGIC MOUNTAIN'S TRUTH.

- Thành diệu hòa hợp, Linh Sơn di phương hình

成妙和合,靈山遺芳型
chéng miào hé hé, líng shān yí fāng xíng

CULTIVATE AND PRACTICE TO CERTIFY THE FRUITION.

- Tu hành chứng quả.

修行證果
xiū xíng zhèng guǒ

SPREAD THE DHARMA, HELP THE WORLD, KEEP BUDDHAS'LAMP ALIGHT!

- Hoằng pháp lợi thế, diệm tục Phật đăng minh!

弘法利世,燄續佛燈明
hóng fǎ lì shì yàn xù fó dēng míng

WORTHIES, SAGES—THREE VEHICLES FULL:NA MO SANGHA ALL!

- Tam thừa thánh hiền hà tể tể: nam mô Tăng Già Da!

三 乘 聖 賢何濟濟,南無僧 伽耶!
sān shèng shēng xián hé jǐ jǐ ná mó sēng qié yé.

FORM TOGETHER A GREAT ASSEMBLY, ONE AND ALL IN HARMONY.

- Thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

統理大衆,一切無礙.

tóng lǐ dà zhòng , yí qiè wú ài.

GUARD AND HELP PROTECT THIS CITY:PROPER DHARMA DWELLS!

- Trụ trì chánh pháp thành.

住持正法城

zhù chí zhèng fǎ chéng

<u>CHORUS: Đồng Ca</u>

NOW I KNOW, THIS ALONE:THE TRUE REFUGE PLACE.

- Kim nãi tri, duy thử thị, chân chánh quy y xứ.

今乃知,唯此是,真 正 皈依處

jīn nǎi zhī wéi cǐ shì zhēn zhēng guī yī chù

TO THE EXHAUSTION OF MY LIFE, I WILL CONTRIBUTE MY BODY AND LIFE.

- Tận hình thọ, hiến thân mạng

盡形壽,獻身命

jìn xíng shōu xiàn shēn mìng

TO RECEIVE IT WITH FAITH AND DILIGENTLY OFFER UP MY CONDUCT.

- Tín thọ cần phụng hành.

信受勤奉行!

xìn shóu qín fèng xíng.

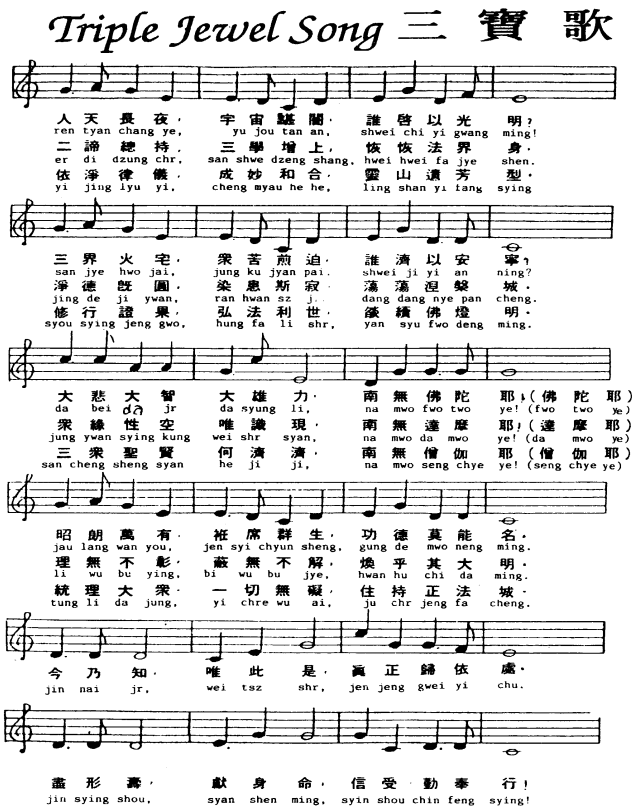

盡虛空 (Jin Syu Kung)
校　歌 (School Song)

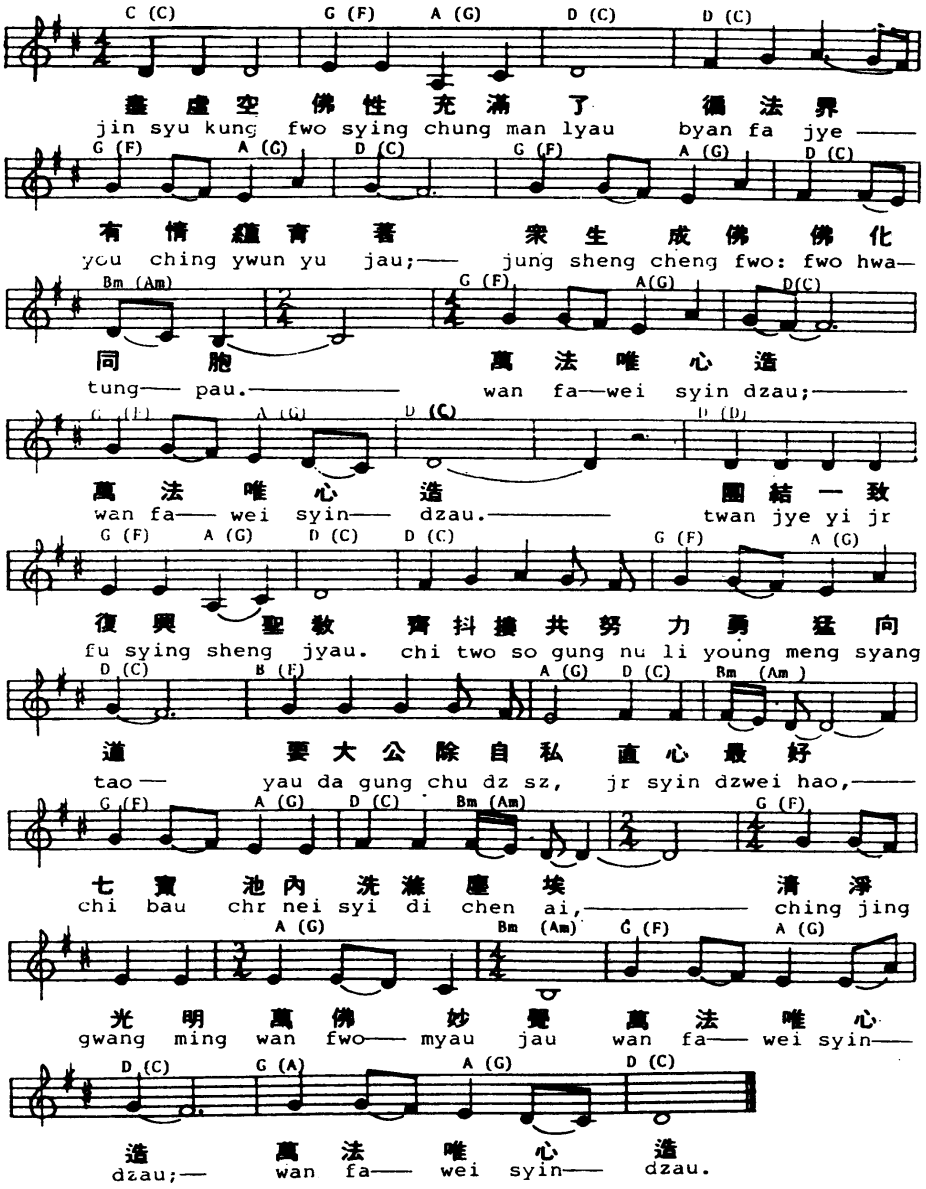

DHARMA REALM BUDDHIST UNIVERSITY SCHOOL SONG

Pháp Giới Phật Giáo Đại Học Giáo Ca

法界佛教大學校歌

fǎ jiè fó jiào dà xué jiào gē

THE BUDDHA-NATURE FILLS UP EVERYWHERE TO THE ENDS OF EMPTY SPACE.

- Tận hư không Phật tánh sung mãn liễu

盡虛空佛性充滿了

jìn xū kōng fó xìng chōng mǎn liǎo

THE CONTINUAL GENERATIONS OF SENTIENT BEINGS PERVADE THE DHARMA REALM.

- Biến pháp giới hữu tình uẩn dục trước.

徧法界有情蘊育着

biàn fǎ jiè yǒu qíng yùn yù zháo

LIVING BEINGS BECOME BUDDHAS; BUDDHAS IN TURN TRANSFORM THEIR FELLOW BEINGS.

- Chúng sanh thành Phật hoá đồng bào

衆生成佛;佛化同胞

zhòng shēng chéng fó fó huà tóng bāo

THE TEN THOUSAND DHARMAS ARE MADE FROM THE MIND ALONE!THE TEN THOUSAND DHARMAS ARE MADE FROM THE MIND ALONE!

- Vạn Pháp duy tâm tạo! Vạn Pháp duy tâm tạo!

萬法唯心造!萬法唯心造!

wàn fǎ wéi xīn zào wàn fǎ wéi xīn zào

UNITED IN OUR SINGLE GOAL, WE REVIVE THE SAGELY TEACHINGS.

- Đoàn kết nhất trí phục hưng Thánh giáo.

團結一致復興聖教

tuán jié yí zhì fù xīng shèng jiào

SHARING BITTERNESS, COURAGEOUSLY STRIVING TOGETHER IN THE WAY,

- Tề đẩu tẩu cộng nỗ lực dũng mãnh hướng đạo.

齊抖擻共努力勇猛向道

qí dǒu sǒu gǒng nǔ lì yǒng měng xiàng dào

WE WILL BE OPEN AND FAIR, UNSELFISH, AND ABOVE ALL, STRAIGHT-MINDED.

- Yếu đại công trừ tự tư, trực tâm tối hảo.

要大公除自私,直心最好

yào dà gōng chú zì sī zhí xīn zuì hǎo

WASHING CLEAN THE DEFILING DUST IN THE POOL OF THE SEVEN JEWELS.

- Thất bảo trì nội tẩy dịch trần ai.

七寶池內洗滌塵埃

qī bǎo chí nèi xǐ dí chén āi

UNTIL FINALLY, IN THE PURE, CLEAR LIGHT OF THE TEN THOUSAND BUDDHAS--WONDERFUL ENLIGHTENMENT!

▸ Thanh tịnh quang minh vạn Phật diệu giác.

清 淨 光 明 萬 佛妙覺

qīng jìng guāng míng wàn fó miào jué

THE TEN THOUSAND DHARMAS ARE MADE FROM THE MIND ALONE!THE TEN THOUSAND DHARMAS ARE MADE FROM THE MIND ALONE!

▸ Vạn Pháp duy tâm tạo! Vạn Pháp duy tâm tạo!

萬 法 唯 心 造！萬 法 唯 心 造！

wàn fǎ wéi xīn zào wàn fǎ wéi xīn zào

TURNING THE DHARMA WHEEL
Chuyển Pháp Luân
轉 法 輪

zhuǎn fǎ lún

THE DHARMA WHEEL IS TURNING 'ROUND,

▸ Đại phóng quang minh chuyển pháp luân,

大 放 光 明 轉 法 輪

dà fǎng guāng míng zhuǎn fǎ lún

THE LION ROARS HIS EXHORTATION.

▸ Sư tử hống thanh vạn thế tôn

師 子吼 聲 萬 世 尊

shī zǐ hǒu shēng wàn shì zūn

AND LIVING BEINGS WHO HEAR THE SOUND,

▸ Lục đạo chúng sanh tề văn đắc,

六 道 衆 生 齊 聞 得

liù dào zhòng shēng qí wén dé

ATTAIN THE DOOR OF LIBERATION,

▸ Thành tựu vô thượng giải thoát môn

成 就 無 上 解 脫 門

chéng jiù wú shàng jiè tuō mén

THE DHARMA WHEEL IS TURNING 'ROUND.

▸ Đại phóng quang minh chuyển pháp luân,

大 放 光 明 轉 法 輪

dà fǎng guāng míng zhuǎn fǎ lún

THE DHARMA WHEEL IS TURNING 'ROUND.

▸ Đại phóng quang minh chuyển pháp luân.

大 放 光 明 轉 法 輪

dà fǎng guāng míng zhuǎn fǎ lún

Study Buddhism

words, Ven. Master Hua

music, Heng-yin

I'm real - ly luck-y, to

stu-dy Bud-dhism Be - cause last

life I plant-ed good seeds

Now in this life

I've met good friends And a

good know-ing one to teach me deep

wis-dom. I think that

I will go to Budd-ha-hood real

soon. I hope so. My Dhar - ma

friends and I to - geth-er will

go To per - fect en

light - en - ment, To

per - fect en - light-en - ment.

STUDY BUDDHISM
Học Tập Phật Pháp
學 習 佛 法
xué xí fó fǎ

I'm really lucky to study Buddhism
Because last life, I planted good seeds
Now in this life, I've met good friends
And a good knowing one to teach me deep wisdom.
I think that I will go to Buddhahood real soon
I hope so
My dharma friends and I together will go
To perfect on enlightenment
To perfect on enlightenment

THE DHARMA REALM VERSE:
Pháp Giới Kệ
法 界 偈

WITH THE DHARMA REALM AS SUBSTANCE
- Pháp giới vực tác vi vật chất

法 界 域 作 為 物 質
fǎ jiè yù zuò wéi wù zhì

WHAT COULD BE OUTSIDE?
- thập ma năng ngoại diện?

什 麼 能 外 面?
shén mē néng wài miàn?

WITH EMPTY SPACE AS FUNCTION
- dữ không đích-không gian tác vi công năng

與 空 的 空 間 作 為 功 能
yǔ kōng dē kōng jiān zuò wéi gōng néng

NOTHING IS EXCLUDED,
- thập yêu đô một hữu bị bài trừ

什 么 都 没 有 被 排 除
shén mē dōu méi yǒu bèi pái chú

THE MYRIAD THINGS ARE LEVEL AND EQUAL- -
- vô số đích sự tình thị cấp hòa(họa) đẳng ư đích

無 數 的 事 情 是 級 和 等 於 的
wú shù dē shì qīng shì jí hé děng yú dē

APART FROM DISCRIMINATIONS.

- trừ kỳ thị chi ngoại

除歧視之外

chú qí shì zhī wài

WHEN NOT A SINGLE THOUGHT IS PRODUCED,

- đương một hữu nhất cá duy nhất tưởng pháp một hữu đạo trí

當 沒有一個唯一想法沒有導致

dāng méi yǒu yī gè wéi yī xiǎng fǎ méi yǒu dǎo zhì

THAT PUTS AN END TO WORDS AND DOCTRINES.

- ná kết thúc đáo tự hòa giáo điều

那結束到字和教條

nà jié shù dào zì hé jiào tiáo

THE LUNAR CALENDAR OF THE HOLY ANNIVERSARIES OF THE BUDDHAS AND BODHISATTVAS

	Lunar Month	Day
Birthday of Maitreya Bodhisattva	1	1
Birthday of Samadhi Light Buddha	1	6
Birthday of the Venerable God Shakra	1	9
Leaving Home Day of Shakyamuni Buddha	2	8
Birthday of the Sixth Patriarch, the Great Master Hui Neng	2	8
Nirvana of Shakyamuni Buddha	2	15
Birthday of Kuan Yin Bodhisattva	2	19
Birthday of Universal Worthy Bodhisattva	2	21
Birthday of the Great Master Ch'ang Ren	3	15
Birthday of Junti Bodhisattva	3	16
Leaving Home Day of the Great Master Ch'ang Chih	3	17
Birthday of Manjushri Bodhisattva	4	4
Birthday of Shakyamuni Buddha	4	8
Summer Retreat for Sangha begins	4	15
Birthday of Medicine King Buddha	4	28
Birthday of Ch'ieh Lan Bodhisattva	5	13
Birthday of Wei T'ou Bodhisattva	6	3
Enlightenment Day of Great Master Ch'ang Ren	6	15
Anniversay of Venerable Master Hua	6	16
Birthday of Great Master Ch'ang Chih	6	17
Day Kuan Yin Bodhisattva Accomplished the way	6	19
Birthday of Great Strength Bodhisattva	7	13
Buddha's Happy Day (Ullambana)	7	15
Birthday of the Patriarch P'u An Bodhisattva	7	21
Birthday of Dragon Tree Bodhisattva	7	24
Birthday of Earth Store Bodhisattva	7	30
Birthday of Elder Master Hsu Yun	7	30
Nirvana of the Sixth Patriarch, the great Master Hui Neng	8	3
Birthday of Burning Lamp Buddha of the Past	8	22
Nirvana of the Elder Master Hsu Yun	9	12
Leaving Home Day of the Great Master Ch'ang Ren	9	15
Leaving Home Day of the Venerable Master Hua	9	16
Enlightenment Day of the Great Master Ch'ang Jr.	9	17
Leaving Home Day of Kuan Yin Bodhisattva	9	19
Birthday of Medicine Master Buddha	9	30
Birthday of the First Patriarch Bodhidharma	10	5
Birthday of Amita Buddha	11	17
Shakyamuni Buddha Accomplished the Way	12	8
Birthday of Avatamsaka Bodhisattva	12	29

諸佛菩薩聖誕（農曆）

彌勒菩薩聖誕	1 月 1 日
定光佛聖誕	1 月 6 日
帝釋天尊聖誕	1 月 9 日
釋迦牟尼佛出家	2 月 8 日
六祖惠能大師聖誕	2 月 8 日
釋迦牟尼佛涅槃	2 月 15 日
觀音菩薩聖誕	2 月 19 日
普賢菩薩聖誕	2 月 21 日
準提菩薩聖誕	3 月 16 日
文殊菩薩聖誕	4 月 4 日
釋迦牟尼佛聖誕	4 月 8 日
藥王菩薩聖誕	4 月 28 日
伽藍菩薩聖誕	5 月 13 日
韋馱菩薩聖誕	6 月 3 日
觀音菩薩成道	6 月 19 日
大勢至菩薩聖誕	7 月 13 日
佛歡喜日	7 月 15 日
普庵祖師聖誕	7 月 21 日
龍樹菩薩聖誕	7 月 24 日
地藏王菩薩聖誕	7 月 30 日
虛雲老和尚誕辰	7 月 30 日
六祖惠能大師涅槃	8 月 3 日
然燈古佛聖誕	8 月 22 日
虛雲老和尚涅槃	9 月 12 日
觀音菩薩出家	9 月 19 日
藥師佛聖誕	9 月 30 日
達摩祖師聖誕	10 月 5 日
阿彌陀佛聖誕	11 月 17 日
釋迦牟尼佛成道	12 月 8 日
華嚴菩薩聖誕	12 月 29 日

觀音齋期表

1 月 8 日	2 月 7 日	2 月 9 日
2 月 19 日	3 月 3 日	3 月 6 日
3 月 13 日	4 月 22 日	5 月 3 日
5 月 17 日	6 月 16 日	6 月 18 日
6 月 19 日	6 月 23 日	7 月 13 日
8 月 16 日	9 月 19 日	9 月 23 日
10 月 2 日	11 月 19 日	11 月 24 日
12 月 25 日		

十齋期

【每月】 1 日　8 日　14 日　15 日
18 日　23 日　24 日　28 日
29 日　30 日　（月小 27 日起）

六齋期

【每月】 8 日　14 日　15 日　23 日
29 日　30 日　（月小 28 日起）

南無護法韋陀菩薩

Namo Dharma Protector Weitou Bodhisattva

法界佛教總會簡介

The Dharma Realm Buddhist Association

法界佛教總會是上宣下化老和尚，於 1959 年在美國創立。本會是以法界為體；以將佛教的真實義理，傳播到世界各地為目的；以翻譯經典、弘揚正法、提倡道德教育、利樂一切有情為己任。本著上人所創的六大宗旨——不爭、不貪、不求、不自私、不自利、不妄語。奉行：凍死不攀緣，餓死不化緣，窮死不求緣，隨緣不變，不變隨緣，抱定我們三大宗旨。捨命為佛事，造命為本事，正命為僧事，即事明理，明理即事，推行祖師一脈心傳。數十年來，法總陸續成立了萬佛聖城、法界聖城等國際性道場多處。凡各國各教人士，願致力於仁義道德、明心見性者，皆歡迎前來共同研究、修持學習。

The Dharma Realm Buddhist Association (formerly the Sino-American Buddhist Association) was founded by the Venerable Master Hsuan Hua in the United States of America in 1959 to bring the genuine teachings of the Buddha to the entire world. Its goals are to translate the Buddhist canon, to propagate the Orthodox Dharma, and to promote ethical education. The members of the Association base themselves on Six Ideals established by the Venerable Master which are: no fighting, no greed, no seeking, no selfishness, no pursuing personal advantage, and no lying. Furthermore, they follow Three Great Principles: "Freezing to death, we do not scheme. Starving to death, we do not beg. Dying of poverty, we ask for nothing. According with conditions, we do not change. Not changing, we accord with conditions. We adhere firmly to our three great principles. We renounce our lives to do the Buddha's work. We take the responsibility to mold our own destinies. We rectify our lives as the Sangha's work. Encountering specific matters, we understand the principles. Understanding the principles, we apply them in specific matters. We carry on the single pulse of the patriarch's mind-transmission." Over the years, the Association has founded various international, spiritual communities open to every faith, such as the City of Ten Thousand Buddhas and the City of the Dharma Realm. Any person devoted to kindness, virtue, and truth, who wishes to understand his or her own mind, is welcome to study and cultivate in these communities.

宣化上人簡傳

Venerable Master Hsuan Hua

上人，名安慈，字度輪，接虛雲老和尚法，嗣溈仰，法號宣化。籍東北，誕於清末民初。年十九出家，廬墓守孝，修禪定，習教觀，日一食，夜不臥。1948 年抵香港，成立佛教講堂等道場。1962 年攜正法西來，在美開演大乘經典數十部。歷年來創辦法界佛教總會、萬佛聖城、法界聖城、金山聖寺、國際譯經學院、法界宗教研究院等正法道場二十多處，及法界佛教大學、僧伽居士訓練班、培德中學、育良小學等教育機構。1995 年示寂於美國。上人一生無私之精神，與慈悲智慧之教化，已令無數人改過自新，走向清淨高尚之菩提大道。

The Venerable Master Hua was also known as An Tse and To Lun. The name Hsuan Hua was bestowed upon him after he received the transmission of the Weiyang Lineage of the Chan School from Elder Master Hsu Yun. He was born in Manchuria near the turn of the century and left the home-life at the age of nineteen. After the death of his mother, he lived in a tiny hut by her graveside as an act of filial respect. During that time, he meditated and studied the Buddha's teachings. He ate only one meal a day before noon and never laid down to sleep. In 1948 the Master arrived in Hong Kong, where he founded the Buddhist Lecture Hall and other monasteries. In 1962 he brought the proper Dharma to America and the West, where he lectured extensively on the major works of the Mahayana Buddhist canon and established the Dharma Realm Buddhist Association and over twenty Way-places of the Proper Dharma including the City of Ten Thousand Buddhas, Gold Mountain Monastery, the International Translation Institute, and the Institute of World Religions. He also founded various educational centers, such as the Dharma Realm Buddhist University, Developing Virtue Secondary School, and Instilling Goodness Elementary School. The Master manifested the stillness in America in 1995. His selfless spirit and wise, compassionate teachings inspired many people to correct their faults and to begin to walk upon the pure and lofty path to Bodhi.

法界佛教總會・萬佛聖城

Dharma Realm Buddhist Association & The City of Ten Thousand Buddhas

4951 Bodhi Way,Ukiah,CA 95482 U.S.A.
Tel: (707) 462-0939 Fax: (707) 462-0949

國際譯經學院 The International Translation Institute
1777 Murchison Drive, Burlingame, CA 94010-4504 U.S.A.
Tel: (650) 692-5912 Fax: (650) 692-5056

法界宗教研究院（柏克萊寺）
Institute for World Religions (at Berkeley Buddhist Monastery)
2304 McKinley Avenue, Berkeley, CA 94703 U.S.A.
Tel: (510) 848-3440 Fax: (510) 548-4551

金山聖寺 Gold Mountain Monastery
800 Sacramento Street, San Francisco, CA 94108 U.S.A.
Tel: (415) 421-6117 Fax: (415) 788-6001

金聖寺 Gold Sage Monastery
11455 Clayton Road, San Jose, CA 95127 U.S.A.
Tel: (408) 923-7243 Fax: (408) 923-1064

法界聖城 The City of the Dharma Realm
1029 West Capitol Avenue, West Sacramento, CA 95691 U.S.A.
Tel/Fax: (916) 374-8268

金輪聖寺 Gold Wheel Monastery
235 North Avenue 58, Los Angeles, CA 90042 U.S.A.
Tel/Fax: (323) 258-6668

長堤聖寺 Long Beach Monastery
3361 East Ocean Boulevard, Long Beach, CA 90803 U.S.A.
Tel/Fax: (562) 438-8902

華嚴精舍 Avatamsaka Vibara
9601 Seven Locks Road,Bethesda,MD 20817-9997 U.S.A.
Tel/Fax:(301)469-8300

金峰聖寺 Gold Summit Monastery
233 First Avenue West, Seattle, WA 98119 U.S.A.
Tel:(206)284-6690 Fax:(206)284-6918

金佛聖寺 Gold Buddha Monastery
248 E. 11th Avenue, Vancouver, B.C. V5T 2C3 Canada
Tel:(604)709-0248 Fax:(604)684-3754

華嚴聖寺 Avatamsaka Monastery
1009 Fourth Avenue S.W., Calgary, AB T2P 0K8 Canada
Tel/Fax: (403) 234-0644

法界佛教印經會
Dharma Realm Buddhist Books Distribution Society
臺灣省臺北市忠孝東路六段 85 號 11 樓
11th Floor, 85 Chung-Hsiao E. Road, Sec. 6, Taipei, R.O.C.
Tel: (02) 2786-3022, 2786-2474 Fax: (02) 2786-2674

法界聖寺 Dharma Realm Sage Monastery
臺灣省高雄縣六龜鄉興龍村東溪山莊 20 號
20, Tung-hsi Shan-chuang, Hsing-lung Village, Liu-Kuei,
Kaohsiung County, Taiwan, R.O.C.
Tel: (07) 689-3713 Fax: (07) 689-3870

彌陀聖寺 Amitabha Monastery
臺灣省花蓮縣壽豐鄉池南村四健會 7 號
7, Su-chien-hui, Chih-nan Village, Shou-Feng, Hualien County, Taiwan, R.O.C.
Tel: (03) 865-1956 Fax:(03) 865-3426

般若觀音聖寺(紫雲洞觀音寺)
Prajna Guanyin Sagely Monastery(formerly Tze Yun Tung Temple)
Batu 5 1/2, Jalan Sungai Besi, Salak Selatan, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia
Tel: (03)7982-6560 Fax: (03) 7980-1272

登彼岸觀音堂 Deng Bi An Temple
161, Jalan Ampang, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia
Tel: (03) 2164-8055 Fax: (03) 2163-7118

蓮華精舍 Lotus Vihara
136, Jalan Sekolah, 45600 Batang Berjuntai, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
Tel: (03) 3271-9439

佛教講堂 Buddhist Lecture Hall
香港跑馬地黃泥涌道 31 號 11 樓
31 Wong Nei Chong Road, Top Floor, Happy Valley, Hong Kong, China
Tel:(2)2572-7644 Fax:(2)2572-2850